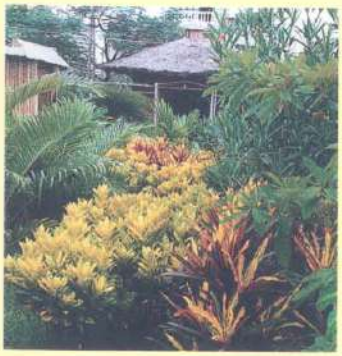
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

KIẾN THỨC PHONG CẢNH









NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Pts, Kts. NGUYỄN THỊ THANH THỦY

KIẾN TRÚC PHONG CẢNH

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

HÀ NỘI 1996

In 1500 bản khổ 20 x 30 cm, tại Công ty in Hàng Không
Giấy phép xuất bản số : 6 - 236 - 10/6/95
In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 1996

TRÀ HOA VIÊN



1

Lối ra cổng 1.

Vạn tuế thế Tam đa 2.

Vườn rượu với Tứ linh Tứ quý 3.

Vườn tiệc 4.

Một góc vườn 5.



2



3



4



5

1. Vườn trong nhà
2. Vườn dạo
3. Mảnh vườn có điểm xuyết non bộ
4. Lối vào nhà
5. Góc vườn với mành liễu rủ
6. Cửu phẩm trực kiên chi


1


2

3




4

6




5



1

1. Tổng thể của làng

2. Một ngôi nhà trong làng

LÀNG KIẾN TRÚC PHONG CẢNH



2



1

ĐỀN HÙNG

2



Tiểu phẩm hoa trồng trên đá ong 1.

Tiểu phẩm đá 2.





VƯỜN CỔ TRUNG QUỐC







VƯỜN MỸ







VƯỜN PHÁP





Góc vườn
phong cảnh Địa Trung Hải





VƯỜN CỔ NHẬT BẢN





Kiến trúc phong cảnh

Chịu trách nhiệm xuất bản : Pgs, Pts TÔ ĐĂNG HẢI

Biên tập	:	LÊ THANH ĐỊNH
Kỹ mỹ thuật	:	HƯƠNG LAN, ĐỖ PHÚ
Sửa bản in	:	THANH LỆ
Trình bày bìa	:	HƯƠNG LAN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC & KỸ THUẬT - 70 TRẦN HƯNG ĐẠO - HÀ NỘI

LỜI GIỚI THIỆU

Kiến trúc phong cảnh (KTPC) là ngành mới ở nước ta. Đó là một loại hình kiến trúc đặc biệt, được hình thành và phát triển trên cơ sở lấy thiên nhiên làm gốc để tạo nên môi trường xung quanh con người sự hài hòa và hợp lý.

Đứng trước yêu cầu xây dựng các khu đô thị mới mang phong cách Việt Nam, kiến trúc phong cảnh có một vai trò đặc biệt quan trọng.

Để cung cấp cho bạn đọc những hiểu biết cơ bản và toàn diện về kiến trúc phong cảnh, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật xin giới thiệu cuốn "**Kiến trúc phong cảnh**" của Pts. Kts. Nguyễn Thị Thanh Thủy.

Bằng các tư liệu được thu thập, tích lũy và gia công khá công phu, tác giả không chỉ trình bày quá trình phát triển của KTPC Việt Nam mà còn khái quát sự phát triển lĩnh vực nghệ thuật này trên thế giới, nêu các cơ sở thiên nhiên và xã hội tác động tới KTPC, các nguyên tắc của KTPC cũng như những kiến nghị khi vận dụng các nguyên tắc đó vào thực tiễn thiết kế KTPC hiện nay.

Sách đề cập tới nhiều vấn đề nên tuy đã hết sức cố gắng song chắc không thể tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp xây dựng cho cuốn sách.

NHÀ XUẤT BẢN

MỞ ĐẦU

Kiến trúc phong cảnh *(hay kiến trúc cảnh quan) là một loại hình kiến trúc đặc biệt, một tác phẩm nghệ thuật trong không gian, tác phẩm đó bao gồm nghệ thuật kiến trúc, hội họa, điêu khắc và cây cảnh.*

Cũng có thể coi "Kiến trúc phong cảnh là tạo nên một môi trường bên ngoài hài hòa và hợp lý".

Một tác phẩm kiến trúc phong cảnh là sự phối hợp hài hòa giữa các yếu tố thiên nhiên và nhân tạo theo một chủ đề tư tưởng nào đó, nó được con người cảm nhận gần như bằng cả năm giác quan.

Nhiều công trình kiến trúc phong cảnh trên thế giới đã được thừa nhận là những di sản của nhân loại, bởi

- ***Kiến trúc phong cảnh*** *là một loại hình nghệ thuật có ý nghĩa văn hóa và xã hội rất cao.*
- ***Kiến trúc phong cảnh*** *thể hiện các đặc trưng văn hóa của từng dân tộc, góp phần nâng cao trình độ văn hóa của quần chúng.*
- ***Kiến trúc phong cảnh*** *có tiếng nói mạnh mẽ trong lĩnh vực cải tạo môi trường, nó tạo cho con người sống trong lòng nó không chỉ cuộc sống tiện nghi mà còn đáp ứng mọi nhu cầu về thẩm mỹ và giải trí hiện đại.*
- ***Kiến trúc phong cảnh*** *đồng thời mang ý nghĩa kinh tế rất cao tạo các điểm tham quan du lịch thu hút khách tham quan trong và ngoài nước.*

Để xây dựng một thành phố hiện đại, kiến trúc phong cảnh có tầm quan trọng đặc biệt, nó sẽ giải quyết một số vấn đề

- *Đưa thiên nhiên vào các yếu tố của đô thị (khu làm việc, khu đi lại, khu ở, khu trung tâm, khu nghỉ ngơi giải trí).*
- *Thiên nhiên đưa vào phải hài hòa với cái nhân tạo và phải có phong cách.*

Nếu đem hết cả tấm lòng yêu thiên nhiên đất nước, chúng ta sẽ tạo được không những cảnh quan đặc sắc như xưa mà còn có khả năng tạo nên những vùng phong cảnh đẹp mang ý nghĩa "thành phố trong cảnh quan", đó là phong cảnh đẹp do con người tạo ra được bố cục hài hòa với cảnh quan địa lý, để mang biểu tượng một chủ đề tư tưởng.

Việt Nam là một đất nước có cảnh quan thiên nhiên phong phú và đa dạng. Hầu như trên thế giới có bao nhiêu loại địa hình thì đất nước ta có đủ bấy nhiêu dạng. Cha ông ta không chỉ để lại những địa danh mang nhiều di tích lịch sử mà còn cả những cảnh quan hữu tình cùng với những truyền thuyết đầy chất thơ. Những yếu tố đặc sắc của thiên nhiên và lịch sử nước ta hứa hẹn khả năng tạo dựng nên những tác phẩm kiến trúc phong cảnh mới có phong cách và tâm hồn riêng biệt phản ánh tinh tế bản sắc dân tộc và thành tựu của thời đại.

Phần I

NHỮNG BƯỚC ĐI BAN ĐẦU CỦA KIẾN TRÚC PHONG CẢNH

I.1. Phân kỳ sự phát triển nghệ thuật vườn - công viên trên thế giới

Nghệ thuật vườn - công viên phát sinh và phát triển theo sự phát triển của xã hội.

Có thể chia quá trình phát triển nghệ thuật vườn - công viên làm bốn thời kỳ:

1. Thời kỳ cổ đại.
2. Thời kỳ trung đại.
3. Thời kỳ cận đại.
4. Thời kỳ hiện đại.

I.1.1. Thời kỳ cổ đại (kể từ thiên niên kỷ IV TCN đến thế kỷ VI)

Vườn - công viên được hình thành từ các nhóm quốc gia cổ đại Phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ) và 30 thế kỷ sau, vườn - công viên xuất hiện trong các nhóm quốc gia cổ đại Phương Tây (Hy Lạp, La Mã). Tiêu biểu cho thời kỳ này là các vườn bên công trình thờ cúng và các vườn trong dinh thự vua chúa và tầng lớp quý tộc giàu có.

I.1.1.a. *Vườn cổ Ai Cập* (Hình I.1a, I.1b)

Vườn cổ Ai Cập xuất phát từ việc trang trí xung quanh các dinh thự vua chúa hay các khu vực đền thờ. Vườn có dạng hình học đối xứng quanh nhân trung tâm là một hồ lớn hình chữ nhật (60 x 120m). Bố cục vườn chặt chẽ: công trình chủ yếu (đền thờ hay dinh thự) nằm trên trục chính; đường dạo thẳng hàng. Cây trồng là các loại có chiều cao tăng dần từ trong ra ngoài - cây hóng mát ở rìa quanh vườn, cây hoa, cây trang trí quanh nhân trung tâm.

I.1.1.b. ***Vườn cổ Lưỡng Hà*** (Hình I.2)

Vườn được hình thành trên cơ sở kiến trúc đền Zigurat (kiến trúc điển hình của Lưỡng Hà). Bố cục vườn chia thành nhiều tầng trên sân cao (theo tầng Zigurat) kiểu vườn tầng bậc này còn gọi là vườn treo. Vườn treo nổi tiếng nhất là vườn của hoàng hậu Xêmiramít. Tuy vườn có dạng theo hình học nhưng bố cục vườn lại bố trí theo tự nhiên với nhiều cây to bóng mát. Vườn Lưỡng Hà đã chú ý cải tạo địa hình, tạo bố cục không gian đa dạng (đắp đồi nhân tạo); mặt nước ở dạng thác hay suối.

I.1.1.c. ***Vườn cổ Ấn Độ*** (Hình I.3)

Vườn cổ Ấn Độ có bố cục chặt chẽ theo dạng hình học. Ở Ấn Độ tôn giáo có ảnh hưởng sâu sắc đến nghệ thuật vườn. Vườn Ấn Độ có hai yếu tố nổi bật là mặt nước rộng và cây xanh phong phú (do thiên nhiên đất nước này vô cùng đa dạng: vùng có ngọn núi cao nhất thế giới, vùng đồng cỏ mênh mông, vùng mưa nhiều và vùng sa mạc khô nóng).

Vườn nổi tiếng Ấn Độ là vườn lăng Tamahan hay còn có tên là "vườn Hòn Ngọc". Bố cục vườn đơn giản ở những dạng đường thẳng nhưng thanh tao trong việc sử dụng màu trắng của đá cẩm thạch (công trình trung tâm) kết hợp với những màu xanh xẫm của những cây trắc bách diệp.

I.1.1.d. ***Vườn cổ Trung Quốc*** (Hình I.4)

Trung Quốc là quê hương của xu hướng nghệ thuật vườn mô phỏng tự nhiên. Đó là một nghệ thuật phong cảnh độc đáo với phương châm:

" Sơn trùng thủy phục nghi vô lộ

Liễu ám hoa minh hựu nhất thôn"

Nghĩa là núi tiếp núi, nước tiếp nước dường như không thấy lối đi đâu; những khóm hoa sáng lên trong bóng râm của những cây liễu rủ báo hiệu còn có những cảnh tiếp theo. Nguyên lý bố cục của vườn Trung Quốc là lấy thiên nhiên đa dạng của đất nước làm cơ sở sáng tạo. Việc tạo cảnh vườn luôn luôn thay đổi rất thích hợp cho người vừa đi dạo vừa ngắm. Đường dạo thường có mái (trường lạng). Nghệ thuật tạo cảnh dùng thủ pháp gây sự thay đổi trong cảm giác: đồi vực xen lẫn thung lũng, đồng cỏ; dòng nước chảy mạnh xen lẫn mặt nước phẳng lặng; cánh rừng thông xanh thẫm với rừng lá sáng. Thủ pháp còn dùng các hiệu quả của âm thanh: tiếng gió, tiếng vọng, tiếng chim hót, tiếng suối róc rách hay

tiếng ầm ầm thác đổ, tiếng rì rào hay xào xạc của lá v.v... Đặc biệt còn có thủ pháp mở rộng không gian: dùng cận cảnh để tạo phối cảnh sâu, dùng mặt nước phản chiếu, dùng tấm lát đường từ thô đến mịn, màu sắc trong vườn từ ấm đến lạnh, với nước phun cao ở ngoài thấp dần vào trong... Tất cả các thủ pháp vừa nêu ra đã gây ra được ảo giác hư thực thực hư, như gần như xa.

I.1.1.e. ***Vườn cổ Nhật Bản*** (Hình I.5a; I.5b)

Người Nhật đã chịu ảnh hưởng của nghệ thuật phong cảnh Trung Quốc, nhưng để phù hợp với thiên nhiên nước mình, họ đã tạo nên những vườn đặc sắc với phong cách riêng: vườn Nhật cổ không phải là vườn để dạo chơi mà để ngồi ngắm. Không gian vườn chan hòa với không gian bên trong nhà. Bố cục vườn chặt chẽ ở sự hài hòa về tỷ lệ giữa mọi yếu tố trong vườn. Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên của nghệ thuật vườn của người Nhật đã trở thành đặc điểm dân tộc. Mối quan hệ đó không dựa trên sự chế ngự của thiên nhiên mà thể hiện ước muốn của con người vươn tới sự hài hòa với thiên nhiên. Mối quan hệ đó trong mỗi thời đại đã tạo thành một ý niệm thống nhất làm cơ sở cho sự hình thành của cái đẹp. Từ cội nguồn, vườn Nhật đã mang tính chất biểu tượng. Thậm chí có vườn chỉ bố trí trên một quy mô rất nhỏ như cái khay. Song nó vẫn làm cho ta suy tưởng đến thế giới tự nhiên.

Sau 30 thế kỷ hình thành vườn ở mỗi quốc gia cổ đại Phương Đông, ở Phương Tây mới bắt đầu xuất hiện ở những vườn tiêu biểu như những vườn ở Hy Lạp và La Mã.

I.1.1.f. ***Vườn cổ Hy Lạp***

Vườn cổ Hy Lạp hình thành và phát triển theo sự phát triển văn hoá nghệ thuật cổ Hy Lạp.

Lịch sử văn hoá nghệ thuật cổ Hy Lạp được chia làm bốn thời kỳ:

- Thời kỳ Hôme (thế kỷ 8 TCN)
- Thời kỳ cổ sơ (thế kỷ 7 - 6 TCN)
- Thời kỳ cổ điển (thế kỷ 5 - 4 TCN)
- Thời kỳ Hy Lạp (thế kỷ 3 - 1 TCN)

Vườn ở thời kỳ Hôme và thời kỳ cổ sơ còn mang tính chất tôn giáo và thực dụng.

Ở thời kỳ cổ điển kiểu vườn công cộng không liên quan với tôn giáo. Sang thời kỳ Hy Lạp ngoài tính chất công cộng còn có ý nghĩa giáo dục và là nơi nghỉ ngơi giải trí có tính chất xã hội. Vì vậy, có thể nói vườn công cộng đầu tiên trên thế giới

bắt nguồn từ Hy Lạp cổ: hàng năm, Nhà nước mở cuộc thi tài võ nghệ và chính ở những khu vực trường đấu này đã phát sinh ra loại vườn công cộng có cây to bóng mát.

Thời kỳ Hôme và thời kỳ cổ sơ có kiểu vườn Nimphêa. Vườn có khu trung tâm là hồ nước dạng tự nhiên. Trong hồ người ta bố trí những tảng đá đẹp. Quanh hồ là những lùm cây bóng mát. Kiểu vườn Nimphêa được người La Mã sử dụng vào thời kỳ phục hưng như một mô típ đặc sắc.

Vườn cổ Hy Lạp sử dụng nhiều loại hoa quý (cẩm chướng, cúc vàng, hồng...).

Thời cổ Hy Lạp xuất hiện kiểu vườn có đồi nhân tạo, đỉnh đồi có những con đường uốn quanh hình xoắn ốc, không gian vườn mở về phía cảnh đẹp. Ngoài ra ở thời kỳ này còn phổ biến kiểu vườn có hang động với những đường có mái che (ở dạng giàn). Mặt nước trong vườn thường tổ chức những vòi phun có trang trí nghệ thuật (đôi khi là tượng).

Nghệ thuật vườn cổ Hy Lạp đã ảnh hưởng sâu sắc đến nhiều quốc gia Phương Tây. Người La Mã đã áp dụng kiểu vườn trong (sân có cột trang trí chung quanh và bên trong sân bày những chậu cảnh nhỏ hoặc là bể nước phun) để làm vườn trang trí cho khu vực trước công trình công cộng.

I.1.1.g. *Vườn cổ La Mã*

Vườn cổ La Mã mang tính chất thực dụng cao (vườn trồng nhiều loại cây ăn quả (táo, lê, ôliu) và những cây cho bóng mát đẹp như ngô đồng, dẻ... Vườn thường có rào bao quanh bằng cây cắt xén. Các giàn trong vườn phần lớn cho nho leo. Bố cục vườn La Mã thường chia làm ba phần: phần vườn trang trí, phần rào, phần vườn cây ăn quả. Riêng phần vườn trang trí lại chia thành ba khu vực chính: khu dạo, khu đường đi, khu công viên.

Khu dạo thường tổ chức trên sân trực tiếp với nhà: phần này gồm những đường thẳng trồng cây cắt xén hai bên. Đường chia mảnh đất thành những vùng riêng trồng hoa (thủy tiên, viôlét, tuylíp v.v... đôi khi trồng hồng, nhài). Vườn trên sân như vậy ở La Mã gọi là Viridarium. Viridarium dùng để tổ chức các tiệc trà nên việc tổ chức chiếu sáng nhân tạo được chú trọng.

Khu thứ hai của phần vườn trang trí là phần đi chơi bằng xe ngựa hay kiệu do người khiêng. Đường ở khu vực này rộng và rợp bóng cây; hai bên cảnh đẹp. Ở vườn các ông chủ giàu có, khu vực này đôi khi còn tổ chức xiếc hay trường đua ngựa kết hợp với những lùm cây, bụi cây hoa đẹp.

Khu thứ ba của phần vườn trang trí là công viên có nuôi thú rừng hay gia cầm, nhưng tổ chức để dạo chơi; có hồ sen thả cá (diện tích khu này rộng đến hàng trăm ha).

Ngay từ thời cổ La Mã, vườn - công viên đã được trồng những cây mang từ nơi khác đến. Cây trồng trong vườn được nghiên cứu công phu. Đã có những tác phẩm về nghiên cứu cây trồng như tác phẩm của Plin gồm 37 cuốn, ra đời vào năm 77 trước công nguyên, mô tả hàng ngàn loại cây.

I.1.2. Thời kỳ trung đại (kể từ thế kỷ V đến thế kỷ XVII)

Nghệ thuật kiến trúc phong cảnh ở thời kỳ này chia làm ba giai đoạn. Thời kỳ tiền trung đại vườn chỉ bó hẹp sau những thành lũy. Tiêu biểu là kiểu vườn Tây Ban Nha. Sang đến thời Phục Hưng, thế kỷ XVI bắt đầu hưng thịnh. Tiêu biểu là các vườn biệt thự ở La Mã. Thời kỳ hậu trung đại công viên bắt đầu xuất hiện. Tiêu biểu là công viên Vecxây ở Pháp. Lần đầu tiên con người biến thiên nhiên với quy mô rộng lớn (170 ha) theo chủ đích của mình, tạo nên một thiên nhiên mới có phong cảnh đặc sắc tiêu biểu cho xã hội đương thời.

I.1.2.a. *Thời kỳ tiền trung đại* (Hình I.6a, I.6b)

Nhìn chung, gần suốt 15 thế kỷ đầu của thời kỳ trung đại, nghệ thuật vườn - công viên bị hạn chế trong những bức tường thành, những tu viện và hầu như không phát triển rộng. Vườn thường có dạng hình học và kề trực tiếp với nhà. Vườn thường có tường đá rào quanh. Cây trong vườn được trồng nghiêm túc theo hàng trên những ô đất vuông. Vườn bách thảo đầu tiên được xây dựng ở Châu Âu vào năm 309 tại Italia. Cây hoa thơm ở đây rất được ưa chuộng (hoa hồng, hoa huệ...). Nổi tiếng vào thời kỳ này là những vườn nhỏ Tây Ban Nha, thế kỷ XII, người A Rập chinh phục được Tây Ban Nha, xây dựng vào đấy hệ thống thủy lợi mới. Nhờ vậy cây trồng được phát triển, kéo theo sự phát triển của các vườn trang trí. Trong số các vườn đặc sắc có vườn nhỏ quanh lâu đài Alambra ở Grơnat. Đó là loại vườn kín, gồm những sân nhỏ (100 - 150 m^2) không liên hệ với nhau, bố cục sân đơn giản: hồ nước phẳng làm trung tâm có ghế ngồi xung quanh. Cây xanh cùng loại được trồng thẳng hàng, tạo vẻ tĩnh lặng. Sân vườn có nhiều loại hoa trồng trong chậu.

I.1.2.b. *Thời kỳ phục hưng*

Cuối thế kỷ XV nhờ việc phát hiện ra châu Mỹ và tìm đường đến Ấn Độ, việc buôn bán giữa Châu Âu với các nước khác phát triển mạnh mẽ. Giai cấp tư sản ra đời, tầng lớp này cùng với tầng lớp quý tộc đã không tiếc tiền xây dựng những vườn quanh các biệt thự tráng lệ. Nổi bật vào thời kỳ này có vườn Italia. Đặc biệt kiểu vườn này phát triển ở Phlorenxia và phát triển hoàn mỹ tại La Mã và một số vùng lân cận (vườn biệt thự Lante). Vườn biệt thự Đơ Exte gồm một hệ thống sân cao phối trí theo sườn đồi dựng đứng. Ở đỉnh đồi là cung điện, toàn bộ hệ thống vườn gồm nhiều sân kín, lệ thuộc vào một trục duy nhất có liên hệ chặt chẽ với tòa nhà biệt thự. Vườn có đặt các vòi phun khác nhau, các dạng bậc thang, các tượng trang trí, động nhân tạo... phong cách vườn là một quần thể kiến trúc chặt chẽ; đối lập với đường nét tự nhiên là những đường nét hình học tinh xảo.

Ở Nhật Bản, vào thời kỳ này đã xuất hiện vườn của giới thượng lưu. Các vườn này đã trở thành mẫu mực của vườn nhà ở truyền thống. Cho đến ngày nay, vườn Nhật không chỉ là những kiệt tác của thời trung đại xa xưa mà còn là những tác phẩm sống động biểu hiện từ bên trong nhu cầu của con người hiện đại.

I.1.2.c. *Thời kỳ hậu phục hưng* (Hình I.7)

Vào cuối thời trung đại, ở Pháp có công viên Vecxây, công viên này có thể coi như đỉnh cao của phong cách hình học đều đặn của thế kỷ XVIII. Công viên Vecxây là sự sáng tạo tài tình của kiến trúc sư phong cảnh Andrê Lơnôtơ (1613 - 1700). Ông đã biết cách thể hiện nhu cầu xã hội vào tác phẩm của mình. Nội dung của công viên Vecxây tượng trưng cho sự "vĩ đại" của nền quân chủ chuyên chế. Tính chất đồ sộ, viễn cảnh sâu, trật tự nghiêm ngặt của công viên này, cùng với mối liên hệ chặt chẽ giữa các phần và trong từng phần của công viên đã làm cho nó trở thành biểu hiện đặc sắc của chủ đề quyền lực bất di bất dịch và vô hạn của nhà vua (công viên Vecxây có quy mô 1700 ha với con kênh dọc dài 1500 m, thảm xanh bằng một loại cây cao to (cây pơmu) dài 350 m, những trục đường thẳng tắp dài hàng nghìn mét v.v...). Quan niệm về thiên nhiên của Lơnôtơ khác hoàn toàn với quan niệm của kiến trúc sư Thu (tác giả vườn hoa Cảng Quan Ngư bên Trung Quốc), Lơnôtơ đã cải tạo thiên nhiên bắt thiên nhiên phải phục vụ ý định của con người. Vùng đất thấp được ông tạo ra viễn cảnh của trục đường chính. Trục trung tâm này nổi bật nhờ vào thảm xanh của rừng cây đồng loại. Sự phẳng lặng của kênh đào thẳng tắp đã kết thúc trước cung điện bằng hai gương nước. Vecxây có nhiều vòi phun nước với những mành nước mỏng tạo hình ảnh của một

thứ đăng ten điểm dúa trên nền các khối xanh dày đặc. Nhiều tiểu cảnh độc đáo được bố cục trong những không gian mở (phòng xanh). Nét đặc sắc của bố cục vườn Vecxây là sự hài hòa cân đối giữa các yếu tố trong toàn vườn.

Ở thời trung đại, nghệ thuật vườn tuy có bị hạn chế trong những bức tường của thành quách nhưng giá trị của nó vẫn còn lưu lại đến ngày nay với kiểu vườn kín Tây Ban Nha và dáng vẻ đồ sộ nhưng tuyệt mỹ ở sự cân đối của công viên Vecxây.

I.1.3. Thời kỳ cận đại (thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX) (Hình I.8)

Nghệ thuật vườn - công viên ở thời kỳ này đã phát triển theo xu hướng quy củ đối xứng chặt chẽ của thời kỳ hậu trung đại. Cảnh quan thiên nhiên đa dạng của đất nước là cơ sở cho sự sáng tạo ra các vườn - công viên: "Công viên phong cảnh" bắt đầu xuất hiện (thế kỷ XVIII). Tiêu biểu là Di Hoà Viên ở Trung Quốc, công viên Xtau ở Anh, Bagaten ở Pháp và Pavlovxiki ở Nga v.v... Sang thế kỷ XIX, công viên thành phố ra đời. Bố cục công viên trở nên thiết thực hơn so với công viên thế kỷ XVIII (thiên nhiên trong công viên thế kỷ XVIII còn mang nhiều tính chất quy ước, công viên có nhiều yếu tố lãng mạn).

I.1.3.a. ***Công viên phong cảnh thế kỷ XVIII***

Công viên Vecxây thế kỷ XVII đã ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật vườn ở Châu Âu. Tuy nhiên, ngay trong thế kỷ này ở nước Pháp đã bắt đầu xảy ra sự đụng chạm giữa quan niệm lãng mạn đến với tự nhiên và tính đối xứng chặt chẽ của vườn cổ điển. Sang thế kỷ thứ XVIII xu hướng mô phỏng thiên nhiên đã ảnh hưởng đến Châu Âu. Cảnh quan thiên nhiên đa dạng của đất nước là cơ sở cho sự sáng tạo nghệ thuật vườn. Điển hình của xu hướng này là Di Hoà Viên (có nghĩa là công viên nghỉ ngơi không bị xáo động) ở Trung Quốc. Công viên có núi cao, hồ rộng (diện tích công viên chiếm 270 ha), trong đó 3/4 khu đất là mặt nước. Sườn Nam của núi bố trí một quần thể kiến trúc trung tâm, có tháp cao, từ đó có thể ngắm toàn cảnh công viên. Những khu vực khác cũng có trung tâm riêng, nhưng toàn bộ các trung tâm đó đều phụ thuộc vào trung tâm chính. Công viên có những đường dạo dẫn đến các điểm cảnh khác nhau. Sự hài hòa giữa các yếu tố nước, đá, cây và các dạng kiến trúc nhỏ tạo cho con người cảm giác được hòa mình giữa lòng thiên nhiên. Đặc biệt ở đây hầu như không có cây trồng theo hàng, bờ rào làm bằng cây cắt xén; các sân cây xanh có bố cục theo dạng hình học (pacte). Hoa

ở đây được dùng cân nhắc, thường chỉ thả sen trong hồ hay trồng các hoa cúc vào chậu cảnh (tạo sắc cho mùa thu đông).

Vườn Trung Quốc thế kỷ XVIII đã được các nghệ sĩ Anh tiếp thu rồi làm theo cảnh quan của đất nước mình để hình thành nên phong cách riêng của vườn Anh. Sự phát triển của công nghiệp Anh đã ảnh hưởng đến việc thay thế đất đai trồng trọt (ruộng xấu chuyển thành bãi cỏ thả gia súc). Do đó cảnh quan đất nước này có sự thay đổi: bên những khối rừng tự nhiên, những đám cây rậm rạp có xen những bãi cỏ rộng. Cảnh vật này là cơ sở cho một công viên mới. Ở Anh, "công viên phong cảnh", khối công viên này phối hợp hài hòa với các dạng kiến trúc cổ điển Anh. Nhà lí luận và thực tiễn nghệ thuật phong cảnh Reptơn đã có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển vườn phong cảnh Anh. Nguyên lí cơ bản của Reptơn về nghệ thuật vườn là:

- Vườn chỉ là sự biến đổi một vài điểm cảnh nhỏ mà người xem không để ý.
- Các đường ranh giới thẳng của những đám cây không cho ta những phối cảnh. Nếu ta chặt bớt ở chỗ này vài ba cây, chỗ kia trồng thêm một vài cây, ta sẽ có một phối cảnh đẹp và sâu.
- Về bố trí, Reptơn quan niệm mỗi cảnh vật thiên nhiên hoặc các bức tranh đều có ba phần:

  Phần 1 là cận cảnh.
  Phần 2 là trung cảnh.
  Phần 3 là viễn cảnh.

Cận cảnh thường là tạo cảnh thiên nhiên sẵn có tự nhiên.

Trung cảnh tạo phối cảnh sâu.

Viễn cảnh là cảnh quan thiên nhiên không thay đổi.

Reptơn có quan điểm thiên nhiên là một mô hình mà người nghệ sĩ cần hiểu biết, ghi nhận nhưng không phải sao chép lại.

Ở Pháp, do ảnh hưởng của các quan điểm Anh về nghệ thuật vườn, đồng thời cũng phần nào do ảnh hưởng của tư tưởng Rútxô (một đại văn hào yêu tự do, yêu thiên nhiên), nên thế kỷ XVIII cũng bắt đầu xây dựng công viên phong cảnh.

Tuy nhiên ở Pháp không phá các công viên cũ như ở Anh, họ chỉ không tiếp tục xây dựng công viên theo phong cách hình học đối xứng. Bên cạnh Vecxây có vườn Trianông với những đường cong của suối và hồ, có những khóm cây bố cục tự do,

công viên có các lều trang trí làm nơi trò chuyện, có đồi nhân tạo, có đồng cỏ với đá và cối xay gió, các di tích đổ nát (tạo cảnh điêu tàn)... để gây những thay đổi không ngừng cho cảm giác du khách. Điển hình công viên Pháp thế kỷ XVIII là vườn Bagaten ở Pari. Vườn có suối uốn khúc, rừng nhỏ, hang động, mộ Pharaông, tháp Paladin, di tích Gôtích... ở đây gây cảm giác như vườn Trung Quốc.

Nói chung, ở thời cận đại, cái đẹp được các nghệ sĩ chú ý đến, điều mà trước đó chưa ai nghĩ đến là cần sáng tạo ra kiểu bố cục tự do, bố cục theo đường nét tự nhiên mang tính chất tranh phong cảnh, phù hợp với những quan điểm nghệ thuật của thời đại mới. Xu hướng trở về với tự nhiên và tự do có liên quan đến trào lưu lãng mạn đang thịnh hành trong xã hội lúc bấy giờ. Vì vậy, ở thế kỷ XVIII công viên mô phỏng theo thiên nhiên đã trở thành nguyên lí. Hàng rào bị phá bỏ, thay thế vào đấy là hào nước hoặc rào có ngụy trang (tạo như có sẵn trong thiên nhiên). Cây xanh được bố cục thành khối tự nhiên; màu sắc của tán lá hoặc hoa được lựa chọn, bóng đổ của các cây cũng được lưu ý tới. Một khối lượng hoa lớn đã được sử dụng vào công viên. Xu hướng trồng nhiều loại cây trong công viên đòi hỏi phải phát triển việc thuần hoá cây trồng (đưa từ nơi khác đến sao cho cho phù hợp).

Tuy nhiên ở thời cận đại, việc sử dụng thiên nhiên vẫn còn mang tính chất ước lệ: công viên chứa đầy những yếu tố lãng mạn nhằm tạo nên sự biến đổi tình cảm. Để thể hiện ý định này, tác giả thường dùng nhiều thủ pháp khác nhau: khu rừng thưa thoáng mở bố trí xen lẫn những khối rừng tối âm u, trong đó có những di tích cổ hay ngôi mộ giả, những công trình bị hủy hoại, những lều cũ nát biểu hiện cảnh nghèo v.v... Nếu địa hình tự nhiên đơn điệu thì tác giả cố tạo thêm cho thật đa dạng. Đường đi nhất thiết phải cong, ranh giới mặt nước phải thật quanh co, uốn khúc. Cây cối cũng phải sửa lại cho đa dạng thêm.

Dĩ nhiên, việc sử dụng các yếu tố thiên nhiên ngày nay không giống cách sử dụng cầu kỳ của thế kỷ XVIII nhưng chính nghệ thuật vườn thế kỷ XVIII đã đặt cơ sở cho sự phát triển phong cách mới, đóng góp lớn cho khoa học nghệ thuật xây dựng công viên hiện đại.

I.1.3.b. *Công viên thành phố thế kỷ XIX*

Điểm lại những vấn đề vườn - công viên cổ và vườn - công viên thế kỷ XVII và XVIII để giúp ta tìm hiểu, nghiên cứu các phong cách khác nhau về nghệ thuật

vườn - công viên. Tuy nhiên các công viên ấy chưa phải là chỗ nghỉ có tính chất quần chúng cũng chưa phải là một bộ phận hữu cơ của thành phố. Đến thế kỷ XIX mới xuất hiện công viên thành phố. Công viên lúc này thực sự liên hệ với thành phố và trở thành một yếu tố không thể thiếu được trong cơ cấu quy hoạch thành phố. Do đô thị hoá phát triển trong thành phố xuất hiện nhiều khu đất có khả năng xây dựng công viên và vườn công cộng. Nhiều nhà xây dựng công viên mới như Paxtơn, Gipaôn (người Anh), Pinkle (người Đức), Ăngphăng và Anđrê (người Pháp), Ômxted (người Mỹ) thực tế không phải là những người xây dựng đô thị nhưng họ biết phối hợp một cách hợp lí lý thuyết kiến trúc phong cảnh với vấn đề xây dựng đô thị.

Sự phát triển công viên trong thành phố phục vụ số đông người đã đặt ra cho những nhà thiết kế công viên nhiệm vụ phức tạp hơn. Để giải quyết nhiệm vụ này cần chú ý đến những nhu cầu khác nhau của nhân dân đến nghỉ và giải trí trong công viên. Sự xuất hiện những khu vực thể thao, việc đưa vào công viên các công trình biểu diễn đòi hỏi có bãi để ô tô v.v... đã làm cho công viên có vùng thuần túy quy hoạch (giảm tính chất thẩm mỹ). Điều này đã ảnh hưởng lớn đến nghệ thuật bố cục vườn - công viên. Nếu ở thời đại trước, "kiến trúc sư" kiêm luôn người xây dựng công viên thì ở thế kỷ XIX, thiết kế và xây dựng là hai nghiệp vụ khác nhau.

Vả lại thời kỳ này thiếu người đặt hàng như vua chúa trước kia nên nghệ thuật vườn dần dần chuyển thành nghề trồng cây trong vườn có tính nghiệp dư.

Trên thực tế, kiểu công viên phong cảnh thế kỷ XVIII không còn phù hợp với chế độ tư bản chủ nghĩa nữa. Đường cong trong công viên được thay bằng đường thẳng, "đường làm việc", để có thể đi nhanh hơn, trong công viên có đường đi theo chu vi khu đất công viên. Bố cục công viên trở lên chặt chẽ và thực tiễn. Các công trình thật cần thiết mới đưa vào công viên.

Vườn - công viên được hình thành do nhu cầu của xã hội đô thị hoá cần có không gian mở và những mảng xanh. Trước tiên các nhà quy hoạch mở rộng các vườn tư nhân cũ, các vườn di tích như vườn Luyxămbua ở Pari, vườn nhà vua ở Luân Đôn. Tại các thành phố cổ, người ta xây dựng các vườn - công viên trên những khu đất trống. Tiêu biểu có công viên Buytsô-mông ở Pari, công viên Betơxi ở Luân Đôn. Ở thế kỷ này, do khoa học phát triển, việc đưa cây từ nơi khác đến thuận lợi hơn. Nhờ vậy, cây được sử dụng phong phú, đa dạng. Đối với nước Anh,

do có bãi cỏ rộng nên ngoài tính chất trang trí, công viên còn là nơi tổ chức các trò chơi giải trí. Hồ nước trong công viên được dùng để bơi thuyền.

Andrê, một kiến trúc sư nổi tiếng ở Pháp thế kỷ XIX, đã quan niệm như sau: *Bài trí đẹp nhất của công viên bắt nguồn từ mối quan hệ chặt chẽ giữa nghệ thuật và thiên nhiên, giữa kiến trúc và phong cảnh.* Ông đã biểu hiện quan điểm của mình trong tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là công viên Seftôn ở Livecpul (Anh). Công viên này có nhiều cái mới về bố cục (phân vùng theo các loại nghỉ khác nhau) nhưng về mặt nghệ thuật có nhiều đơn điệu: bố cục cây trồng không tạo vẻ tương phản, các khóm cây rải đều khắp, các khoảng trống bằng nhau về kích thước.

Ở Mỹ, vào thế kỷ XIX có một nhóm kiến trúc sư đề ra quan điểm về nghệ thuật vườn - công viên gần với ngày nay. Tiêu biểu là công viên Oa Sinh Tơn (nam Sicagô) có bố cục đơn giản và rành mạch. Công viên phân thành hai khu chính: khu "rừng thưa" là khoảng trống và khu "hồ nước" có dạng như tự nhiên.

Nổi tiếng ở thế kỷ này là công viên rừng Amxtecdam (Hình I.10). Công viên có diện tích 950 ha, trong đó 1/2 là rừng, còn 1/2 là sân bãi dành cho thể thao và các trò chơi.

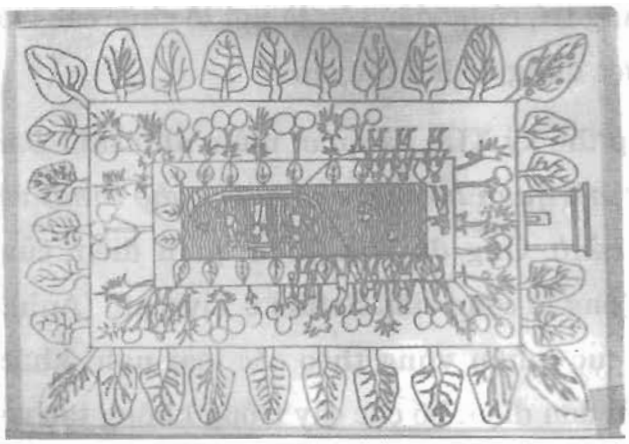
Tính chất hợp lý và đơn giản của công viên đã làm cho nó trở thành công viên mẫu mực của thành phố thời kỳ này đồng thời là tiền thân của loại công viên thành phố hiện đại.

I.1.4. Thời kỳ hiện đại (Thế kỷ XX)

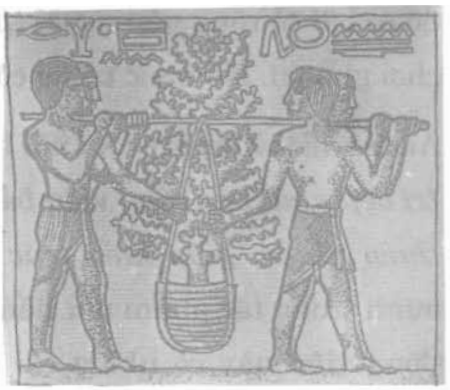
Ở thời kỳ này vườn - công viên đã trở thành một phần hữu cơ với cơ cấu quy hoạch thành phố. Công viên mang tính chất công cộng phục vụ cho số đông dân số trong đô thị. Công viên đa chức năng ra đời. Tiêu biểu cho thời hiện đại là loại công viên văn hóa và nghỉ ngơi giải trí của Liên Xô (cũ).

I.1.4.a. *Công viên văn hóa nghỉ ngơi của Liên Xô* (cũ) (hình I.11)

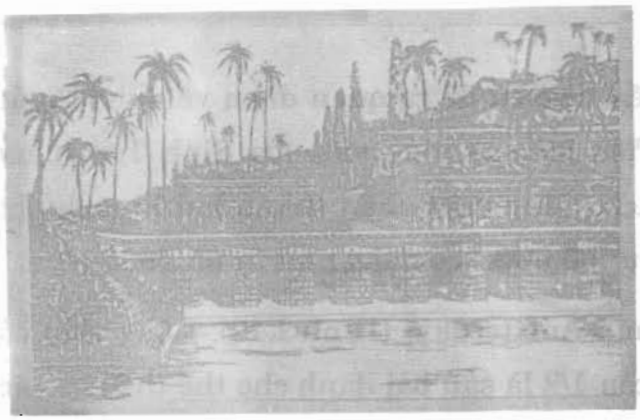
Sau cách mạng tháng Mười ở Liên Xô phát kiến một kiểu công viên mới: công viên văn hóa nghỉ ngơi. Việc xây dựng công viên xuất phát từ nguyên tắc phối hợp chặt chẽ giữa nghỉ ngơi giải trí và hoạt động văn hóa giáo dục cho nhân dân. Do đó, công viên mang nhiều chức năng khác nhau: chức năng nghỉ ngơi yên tĩnh, chức năng hoạt động thể thao - nâng cao thể lực, chức năng biểu diễn - hoạt động văn hóa và triển lãm, chức năng dành riêng cho thiếu nhi.



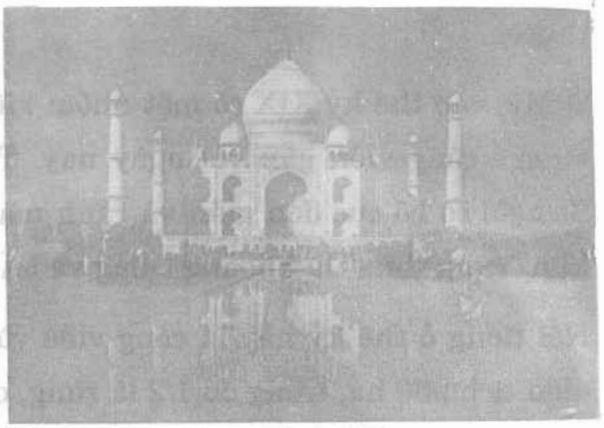
Hình I.1a



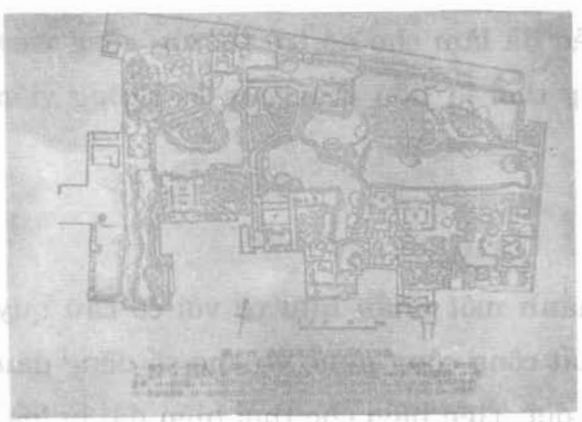
Hình I.1b



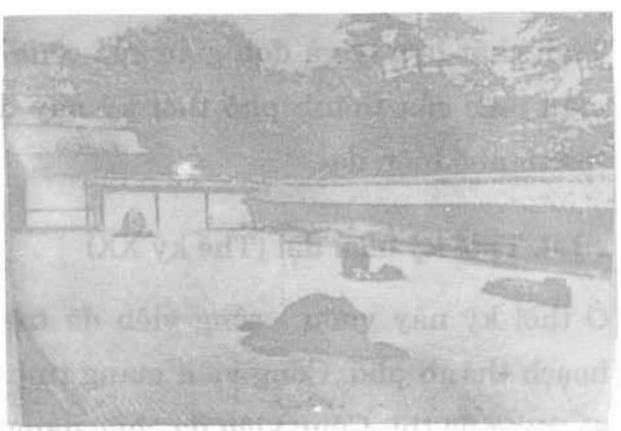
Hình I.2



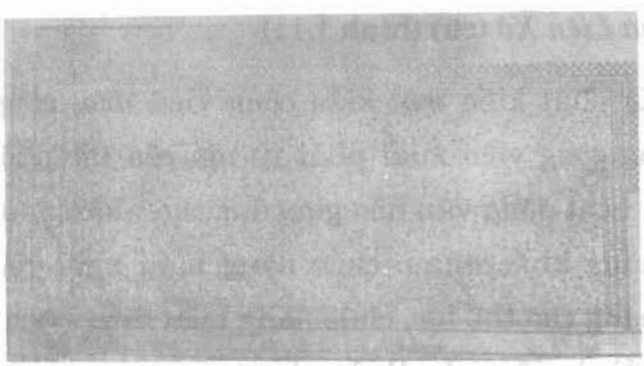
Hình I.3



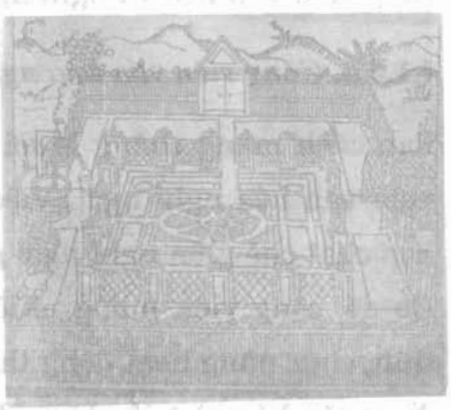
Hình I.4



Hình I.5a



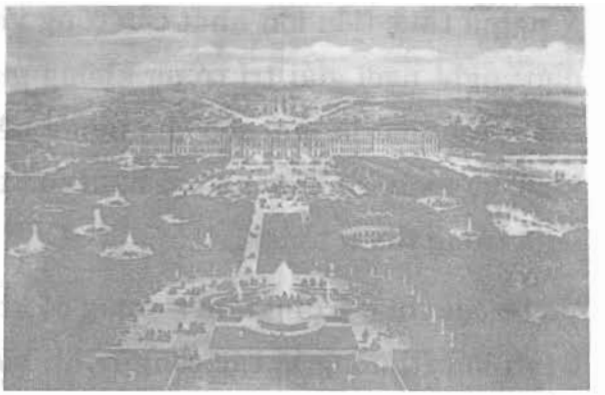
Hình I.5b



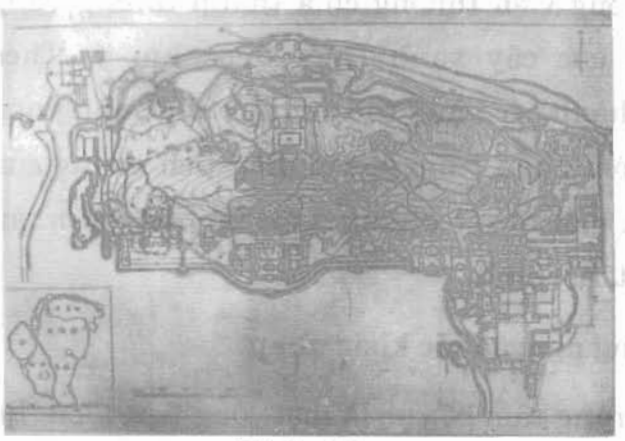
Hình I.6a



Hình I.6b



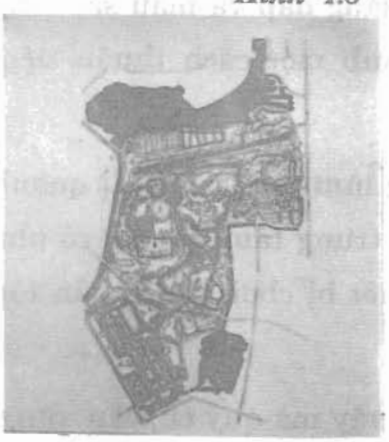
Hình I.7



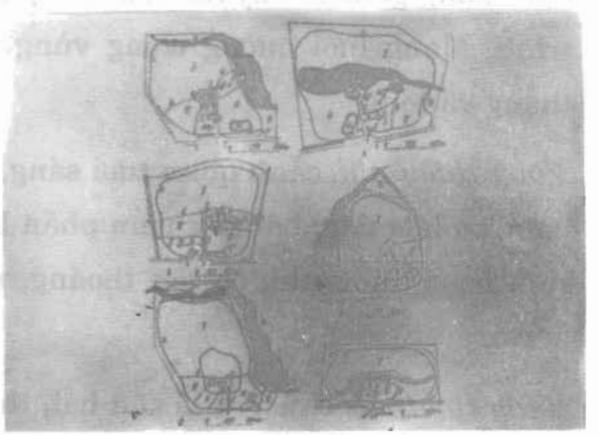
Hình I.8



Hình I.9



Hình I.10



Hình I.11



Hình I.12

Ý nghĩa thực tiễn lớn nhất của công viên là phục vụ cho mọi người ở mọi lứa tuổi được nghỉ ngơi giải trí trong không gian thoáng mát và đẹp. Vai trò quan trọng của công viên là làm sao cho người đến nghỉ có cảm giác sống trong môi trường khác biệt với cảnh ồn ào bụi bặm của thành phố, gần gũi với thiên nhiên và nghỉ ngơi trong thiên nhiên.

Về bố cục thì ở trung tâm thường có khoảng trống cây thưa với các quần thể công trình lớn (thường là các công trình biểu diễn hoặc hoạt động văn hóa). Quy mô công viên được tính toán phù hợp với lượng người đến công viên (trung bình 100 - 150 ha). Lúc mới hình thành, bố cục công viên thường chia thành những vùng lớn, đường rộng như đường phố, bố cục cây xanh chưa được lưu ý. Theo Kaxarevxki thì công viên thường chia thành các vùng theo những chức năng nêu trên, diện tích từng vùng tính theo nhóm phần trăm so với diện tích chung của khu đất công viên. Từng vùng có ranh giới rõ rệt nhưng được liên hệ với nhau bằng con đường liên tục dẫn đến trung tâm chính.

Bố cục phong cảnh từng vùng theo những nguyên tắc khác nhau.

Vùng biểu diễn và sinh hoạt văn hóa: trung tâm bố cục là một công trình lớn. Bố cục không gian và cây xanh xung quanh làm nổi bật dáng dấp và màu sắc công trình. Mạng lưới đường trong vùng dẫn đến công trình một cách thuận tiện, thẳng và rộng.

Vùng thiếu nhi: cảnh quan tươi sáng, rực rỡ với những lùm cây bóng mát quanh năm, có hoa đẹp, bãi cỏ chiếm phần lớn trong vùng, ở trung tâm thường có nhà sinh hoạt thiếu nhi, có sân thoáng, rộng; có nhiều thiết bị chơi, nhiều sân tập luyện.

Vùng thể thao: chủ yếu là sân bãi, thủ pháp bố cục vì vậy mà quy củ, cân xứng, thẳng hàng. Cây xanh thường ở dạng cắt xén hoặc có tán gọn, phân cành cao, thân cứng, khó gẫy.

Vùng yên tĩnh: có nhiều phong cảnh đẹp, luôn thay đổi theo đường dạo, hoặc những vùng cảnh nhỏ, được khép kín trong các sân nghỉ yên tĩnh. Trong vùng có nhiều lối đi dẫn đến những điểm cảnh.

Vài chục năm trở lại đây công viên đã trở thành yếu tố không thể thiếu được trong bố cục quy hoạch thành phố. Công viên nhiều chức năng đã phát triển hầu khắp các nước trên thế giới. Nếu trong thành phố không tổ chức được công viên lớn nhiều chức năng, hoặc do tính chất thành phố mà người ta tổ chức những

công viên một chức năng đơn thuần. Ví dụ công viên dành riêng cho thiếu nhi: công viên thiếu nhi. Ở Anh trong những 60 đã nghiên cứu đồ án tổ chức nghỉ ngơi trên khu đất dọc sông Ly. Đó là những nơi dùng cho thời gian rỗi với 16 công viên nối tiếp nhau thành một chuỗi dài 40 km với nhiều chức năng: phong cảnh, thể thao, bơi thuyền biểu diễn, thiếu nhi có cung điện cổ....

Ở Liên Xô (cũ), ngoài công viên thành phố có ý nghĩa đặc trưng cho toàn thành còn có công viên khu vực, chủ yếu là tạo môi trường tốt cho các giải trí hiếu động (thể thao, các trò chơi hiếu động), vườn tiểu khu phục cho người ở trong tiểu khu. Loại vườn này thường có hai chức năng là hoạt động thể thao và nghỉ ngơi yên tĩnh, vườn sân nhà ở và nhóm vườn căn hộ (giống như vườn trên mái). Loại vườn này được xem như một loại các "phòng trong không gian mở" cho phép đưa một phần chức năng sống của con người ra ngoài giới hạn căn hộ ở (gần giống như loại vườn Nhật cổ).

Nhìn chung, vườn - công viên hiện đại đã được nghiên cứu từ bố cục chung đến chi tiết, nhưng cái chính vẫn là nghiên cứu tổ chức bên trong của tổng thể vườn công viên. Khoa học về phong cảnh công viên đã nghiên cứu sâu về hình thái bố cục không gian (kín, mở, nửa kín nửa mở) các giải pháp cân đối, xác định giới hạn điểm cảnh cũng như việc chọn và phối kết cây - cỏ - hoa sử dụng tính chất trang trí của cây trồng, vận dụng hiệu quả ánh sáng và bóng tối.

I.1.4.b. ***Quan niệm mới về công viên hiện đại***

Ngày nay, vườn - công viên là một phần sống thực sự của thành phố. Tổ chức công viên phải làm sao cho bất kỳ ai đến cũng đều phải cảm thấy có phần phù hợp với mình.

Vườn - công viên là một tổ chức không gian chiếm ưu thế về thiên nhiên (cây xanh, mặt nước, địa hình) nhưng phải là một thiên nhiên có phong cách.

Vườn - công viên cần tổ chức các hoạt động phù hợp với quy mô và tính chất tạo những điểm hấp dẫn thường xuyên có người lui tới. Trong công viên không có những góc chết và toàn công viên phải mang tính chất sống động, ban ngày cũng như ban đêm, mùa hè cũng như mùa đông.

Vườn - công viên là nơi thư giãn tinh thần và thể xác, có phòng ấm khi mùa đông, có mái che khi trời mưa, có nơi tắm nước nóng, tắm hơi.... Sự thư giãn đó không chỉ thu hẹp trong phạm vi chơi thể thao.

Vườn - công viên sẽ thực hiện những hoạt động không tách rời giữa hiểu biết và thực nghiệm. Do đó sẽ có những khu vực dành cho sự trau dồi kiến thức bằng nhiều dạng như âm nhạc, chiếu bóng, vô tuyến, mô hình... những hoạt động này được tổ chức trong những xưởng "sáng tạo".

Vườn - công viên ngoài nhiệm vụ là một môi trường nghỉ ngơi, phải còn là biểu tượng của thời đại, là hình ảnh thu gọn của lịch sử liên tục và là sự kết hợp hài hòa giữa khoa học về đô thị và những cách tân về văn hóa.

Vườn - công viên là phần chủ yếu của kiến trúc phong cảnh. Ngày nay, người ta quan niệm phong cảnh cũng giống như sự sống, được phát triển đồng nhất và thống nhất về hình thái. Vì vậy việc nghiên cứu kiến trúc phong cảnh liên quan chặt chẽ đến việc nghiên cứu các quy luật phong cảnh thiên nhiên.

Kiến trúc phong cảnh ngày nay chiếm vai trò quan trọng trong việc tạo nên môi trường hài hòa của cuộc sống con người. Vì vậy khuynh hướng phát triển là xây dựng nhanh, dùng kỹ thuật hiện đại, phát triển cả về thẩm mỹ và tiện nghi, làm cho hai chức năng ấy quyện vào nhau, tạo nên tác phẩm nghệ thuật lớn (Hình I.12).

I.2. Vài nét về sự hình thành và phát triển của nghệ thuật kiến trúc phong cảnh Việt Nam

Nghệ thuật vườn Việt Nam gắn liền với nền kiến trúc Việt Nam. Có thể khẳng định rằng nghệ thuật vườn Việt Nam đã có từ lâu đời. Tuy nhiên, để chứng minh cho rõ điều này, hiện chưa có tư liệu thư tịch nào ghi niên đại ra đời những vườn cổ nhất của ta. Cũng vì vậy, tác giả chỉ sơ bộ phân tích sự phát triển của nghệ thuật vườn Việt Nam từ thời kỳ phong kiến cho đến nay.

I.2.1 Vườn Việt Nam thời kỳ phong kiến

Thời kỳ phong kiến Việt Nam, vườn vẫn mang tính chất vườn công trình (vườn gắn với cung điện hay nơi thờ cúng) hoặc quần thể công trình (trừ triều đại cuối cùng: triều đại họ Nguyễn là có một số vườn hoa công cộng thuộc về thành phố).

I.2.1.a. *Vườn thượng uyển*

Vườn này dành riêng cho vua chúa, qua tư liệu thư tịch mô tả các vườn (Thượng kinh ký sự của Hải Thượng Lãn Ông, Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ v.v....), bố cục vườn theo xu hướng mô phỏng tự nhiên. Nghệ nhân làm vườn

thường nhấn mạnh những nét đặc trưng của vườn nhiệt đới; vườn có cây cối um tùm, trồng trên đồi nhỏ hoặc soi bóng xuống mặt hồ có ranh giới tự nhiên: các yếu tố cấu tạo nên vườn là cây bóng mát cổ thụ (đa, si v.v...), cây có hương thơm dịu (đại, lan, mộc v.v...), đá tự nhiên, mặt nước, các chuồng chim có tiếng hót hay (vàng anh) các bể non bộ thả cá vàng, các kiến trúc nhỏ như cầu, tường hoa, đôn, chậu, những khúc đường lát đá v.v... nói chung vườn được tạo ra như một mẫu thiên nhiên thật.

I.2.1.b. ***Sân - vườn đình, sân - vườn đền, sân - vườn chùa*** (Hình I.13a, b, c, d ; Hình I.14a, b, c, d ; Hình I.15a, b, c, d, e)

Các sân vườn này gắn bó chặt chẽ với kiến trúc đình, đền, chùa. Do chỗ các công trình này là nơi nhân dân lui tới nên các sân vườn có những nét giống nhau:

- Cả ba đều có sân, vườn, cổng.
- Cả ba đều có sân vườn trước.

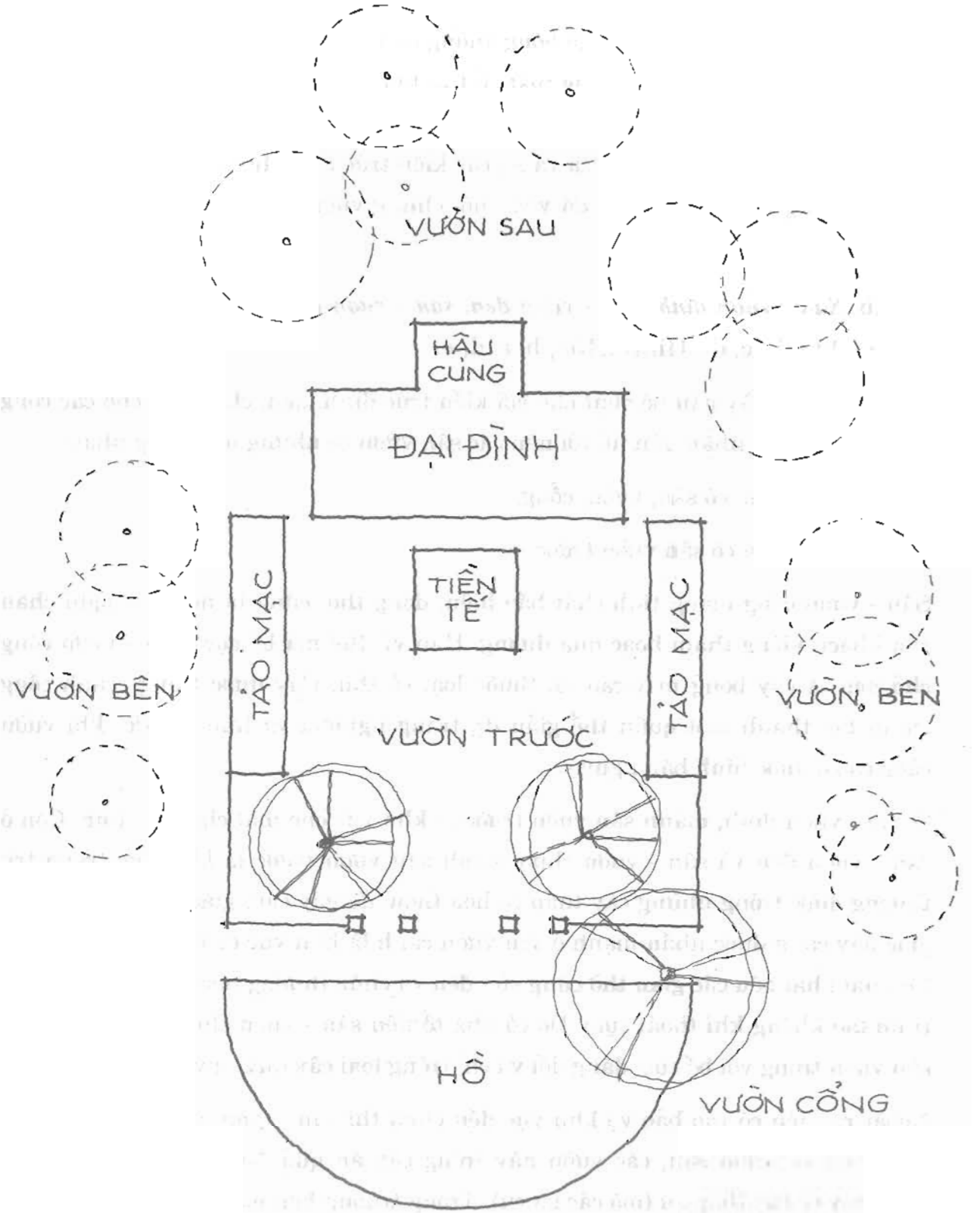
Sân - vườn cổng mang tính chất báo hiệu, đồng thời cũng là nơi tạm nghỉ chân của khách viếng thăm hoặc qua đường. Hẳn vì thế mà bố cục sân - vườn cổng chủ yếu là cây bóng mát cao to, thuộc loại cổ thụ. Cây được trồng cạnh cổng chính tạo thành một quần thể giản dị, trang nghiêm và hữu ích đôi khi vườn cổng có ao nước hình bán nguyệt.

Ở sân - vườn đình, mảnh sân vườn trước là khu vực che mát cho sân đình. Còn ở sân - vườn đền và sân - vườn chùa mảnh sân vườn trước là khu vực trang trí; thường được trồng những cây thấp có hoa thơm dễ gây cảm giác thanh tao. Cảm giác này càng được nhấn mạnh ở sân vườn cạnh là khu vực có bố cục không gian kín, nằm hai bên các gian thờ cúng của đền và chùa (hương hoa quyện với hương trầm tạo không khí thoát tục). Do có nhà tổ nên sân - vườn chùa có thêm mảnh sân vườn trong với bố cục đăng đối và chỉ trồng loại cây quý, cây có hoa thơm.

Ngoài ra, nếu có rào bảo vệ khu vực đền chùa thì sân - vườn chùa còn có thêm vườn bên và vườn sau; các vườn này trồng cây ăn quả. Thông thường sau các chùa hay có các tháp sư (mộ các sư cụ). Trong trường hợp này vườn sau rộng nên đôi khi có thêm những luống rau.

I.2.1.c. ***Vườn nhà ở dân gian*** (ở đây tác giả chỉ mới phân tích được một cách sơ bộ vùng đồng bằng Bắc Bộ)

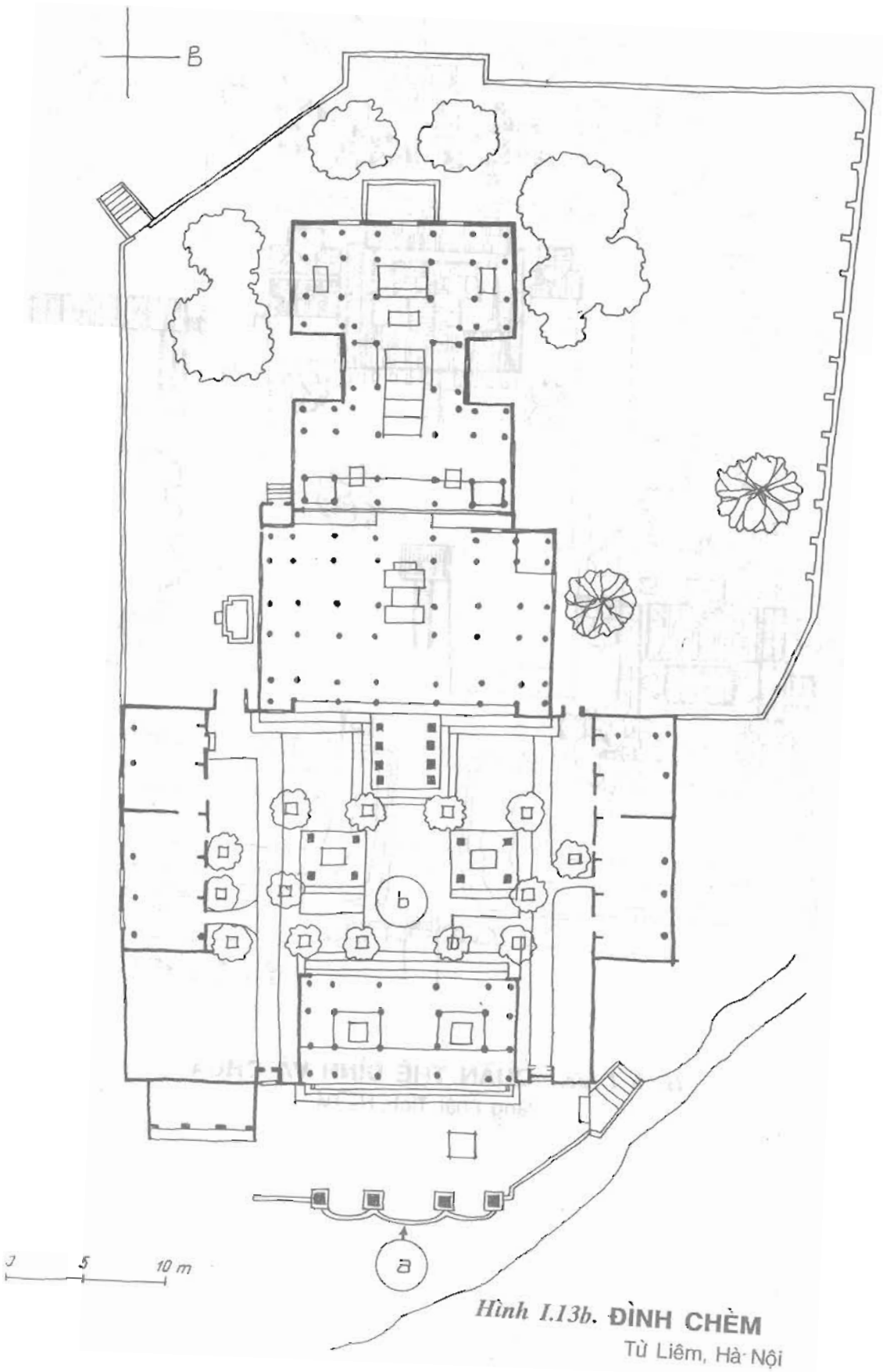
Vườn này thường có ba phần (Hình I.16 a,b,c).



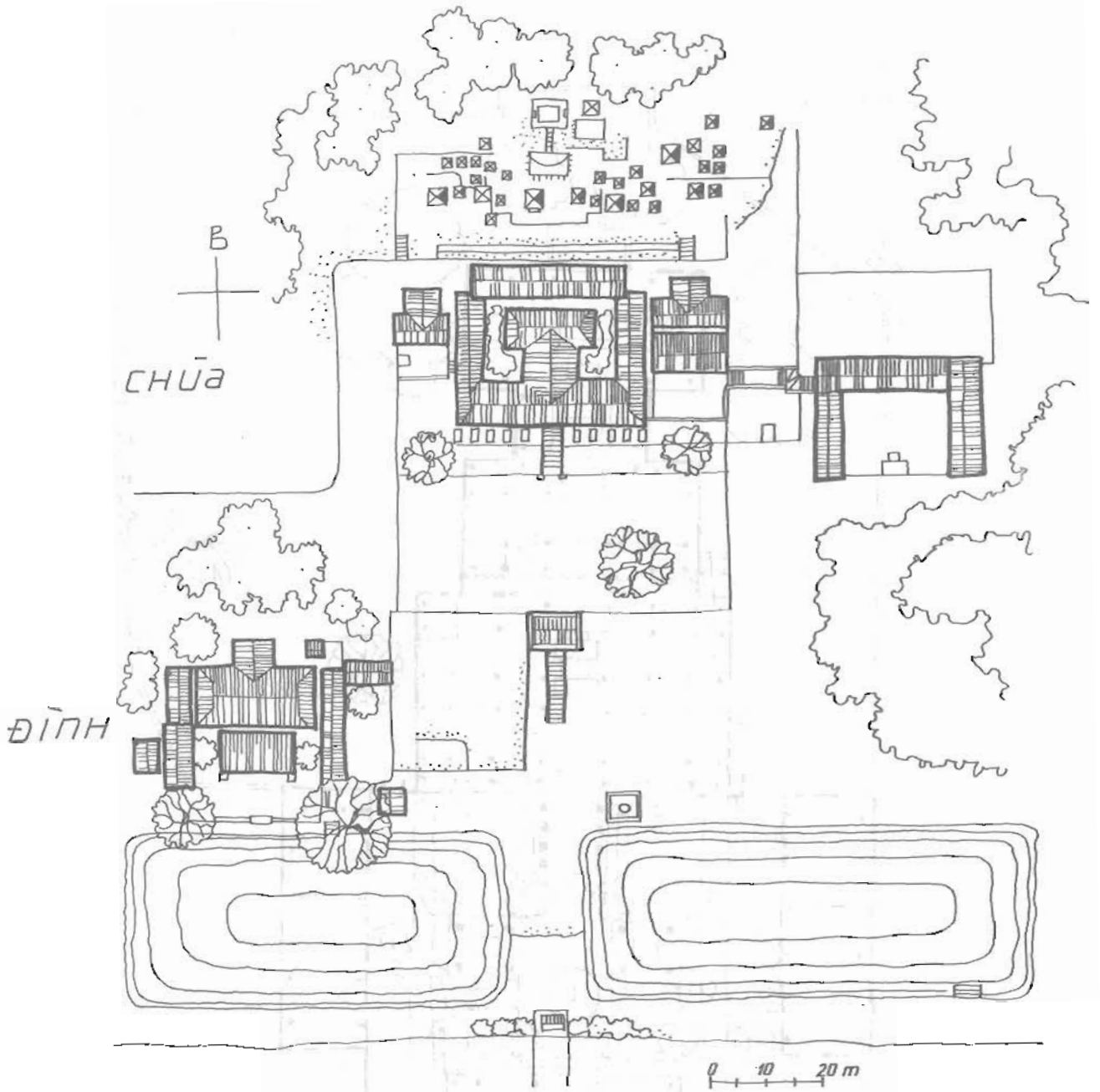
Hình I.13a. **BỐ CỤC VƯỜN ĐÌNH**

——— Yếu tố thường có

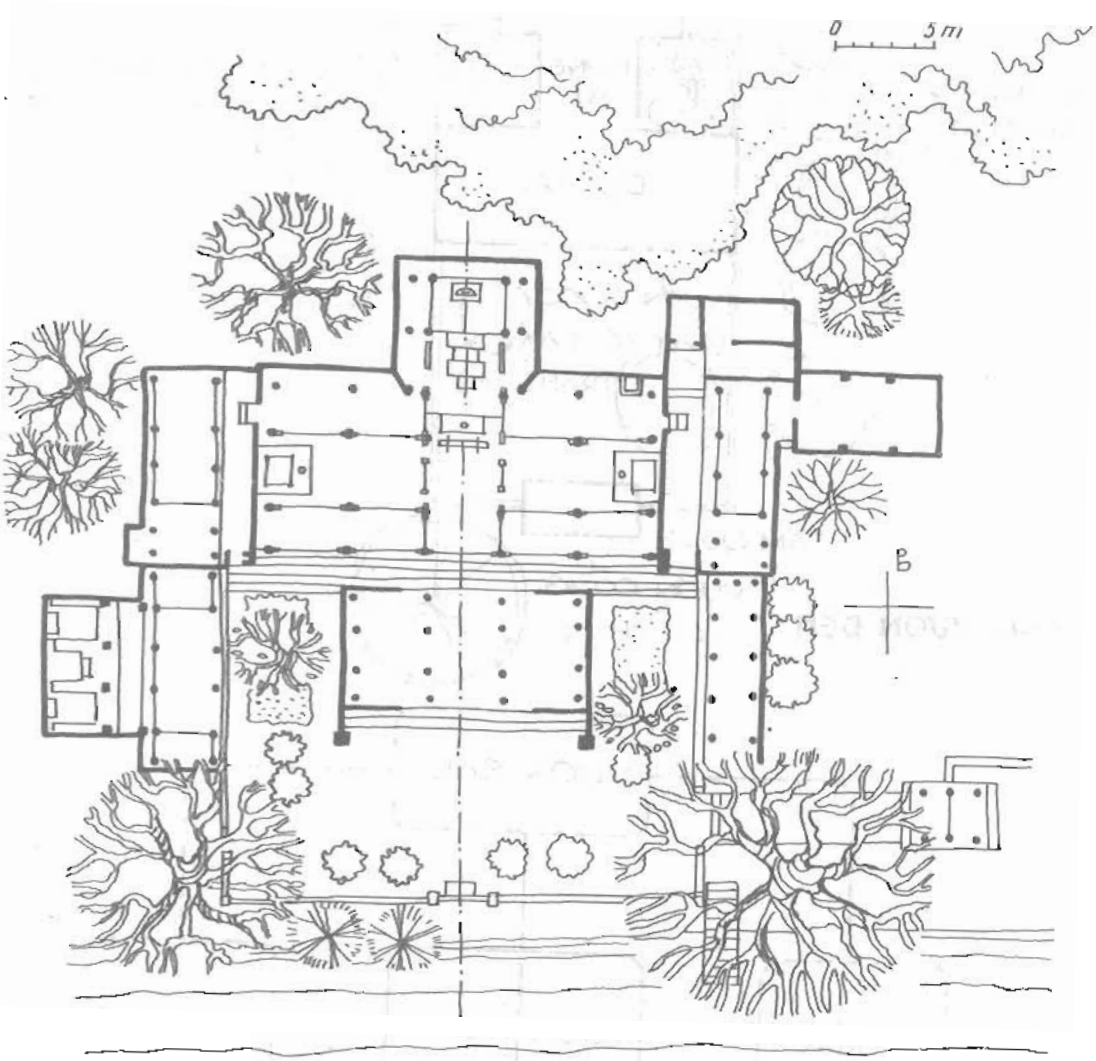
– – – Yếu tố ít xuất hiện



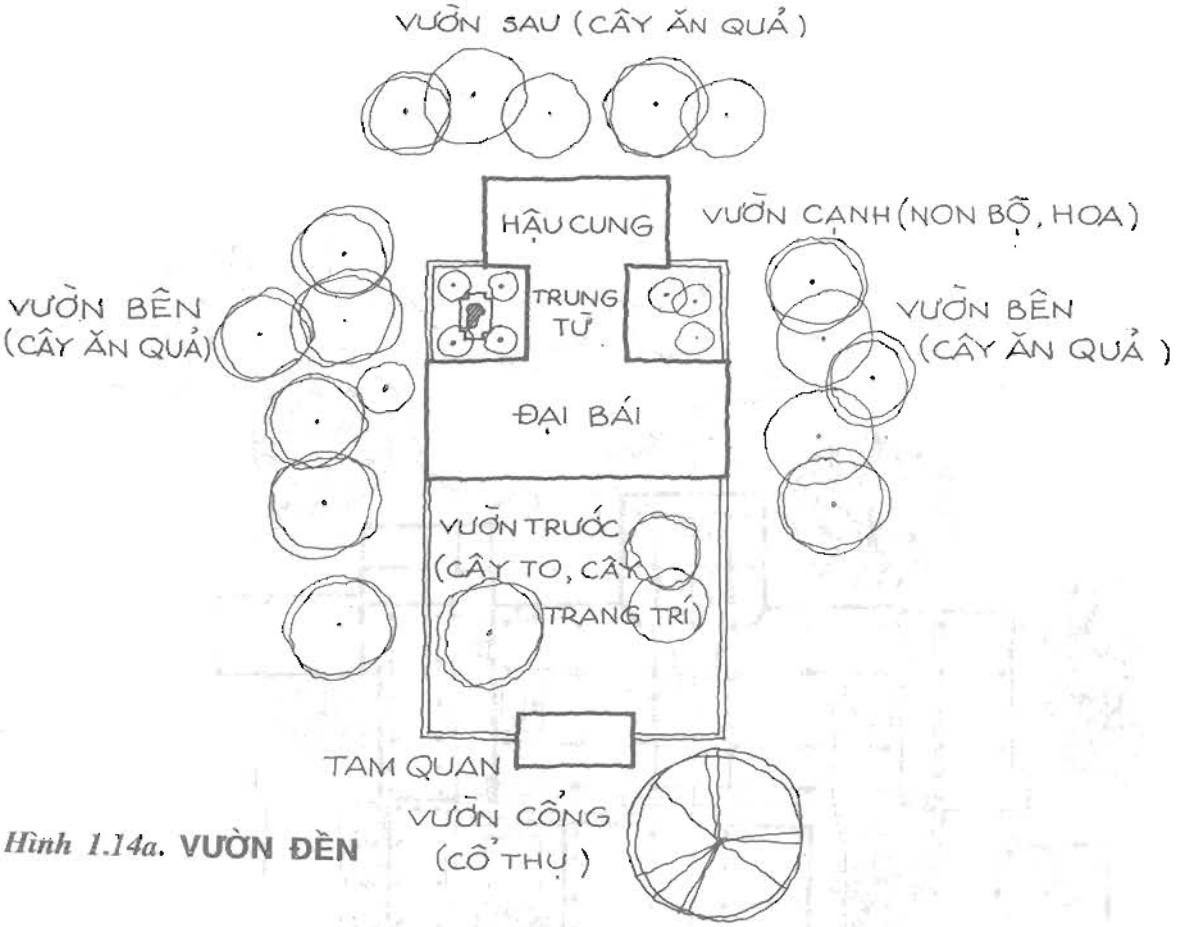
Hình I.13b. **ĐÌNH CHÈM**
Từ Liêm, Hà Nội



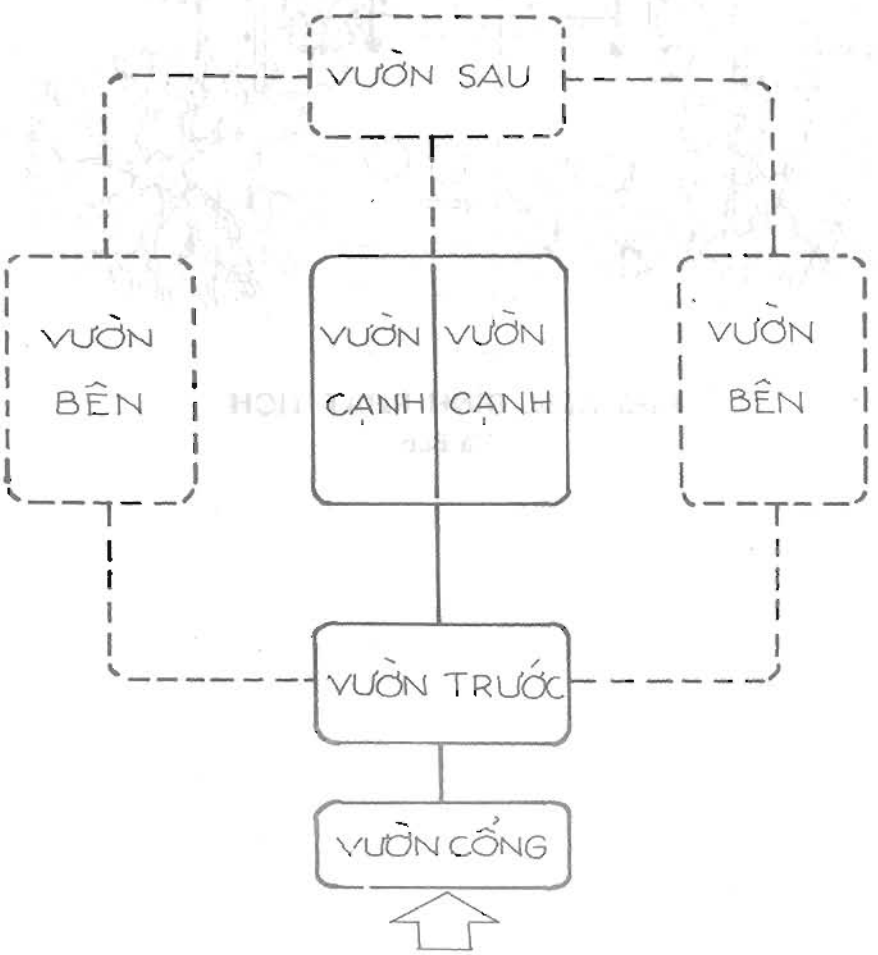
Hình 1.13c. **QUẦN THỂ ĐÌNH VÀ CHÙA**
làng Phật Tích, Hà Bắc



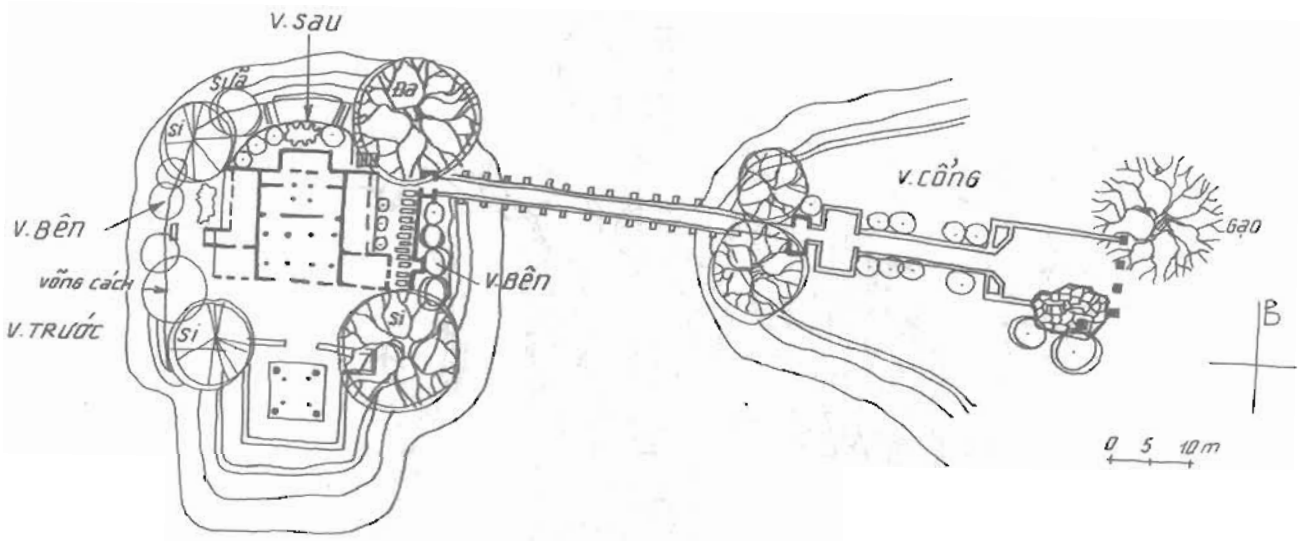
Hình 1.13d. **ĐÌNH PHẬT TÍCH**
Hà Bắc



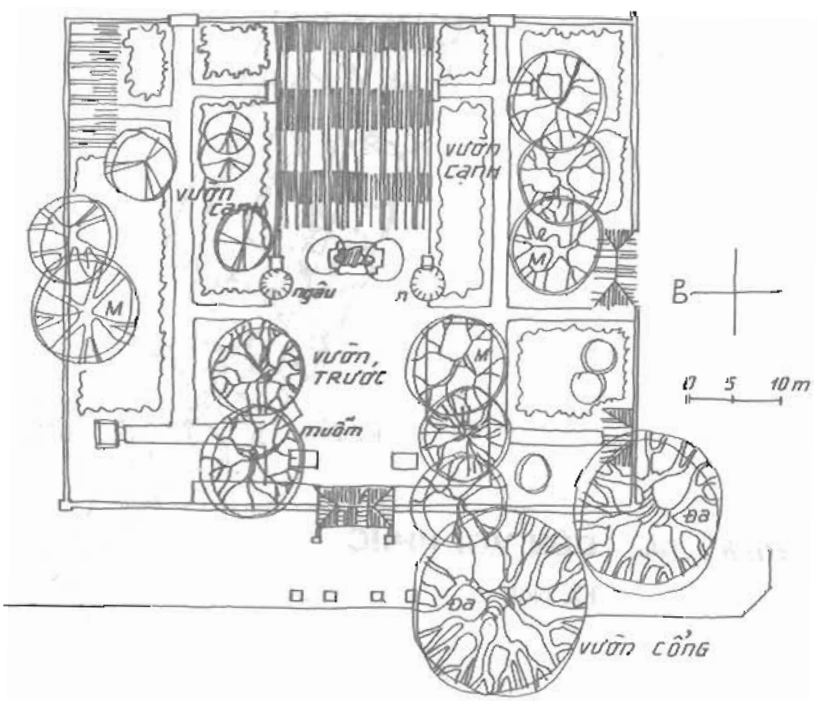
Hình 1.14a. **VƯỜN ĐỀN**



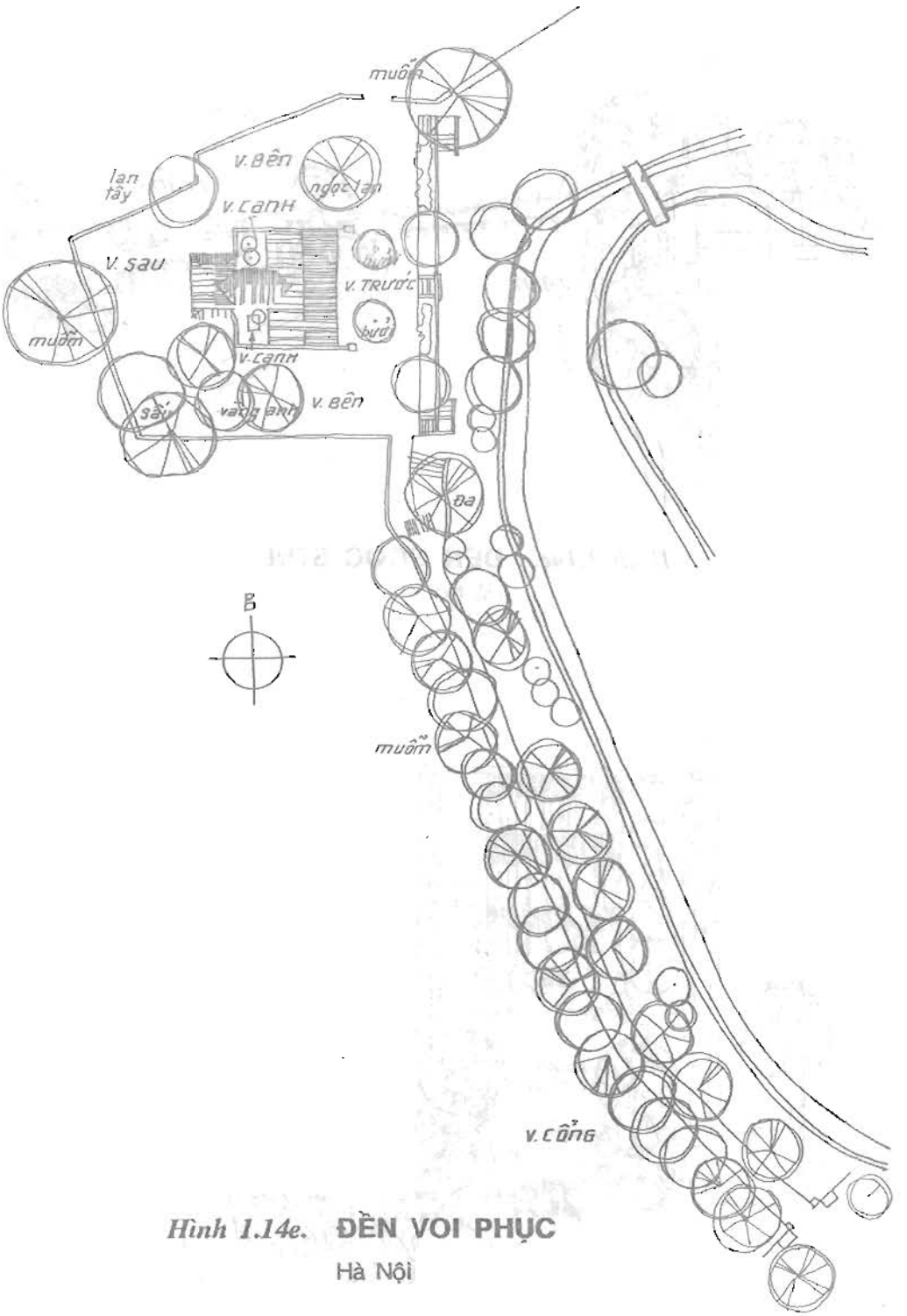
Hình 1.14b. **MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC VƯỜN TRONG MỘT ĐEN**



Hình 1.14c. **ĐỀN NGỌC SƠN**
Hà Nội

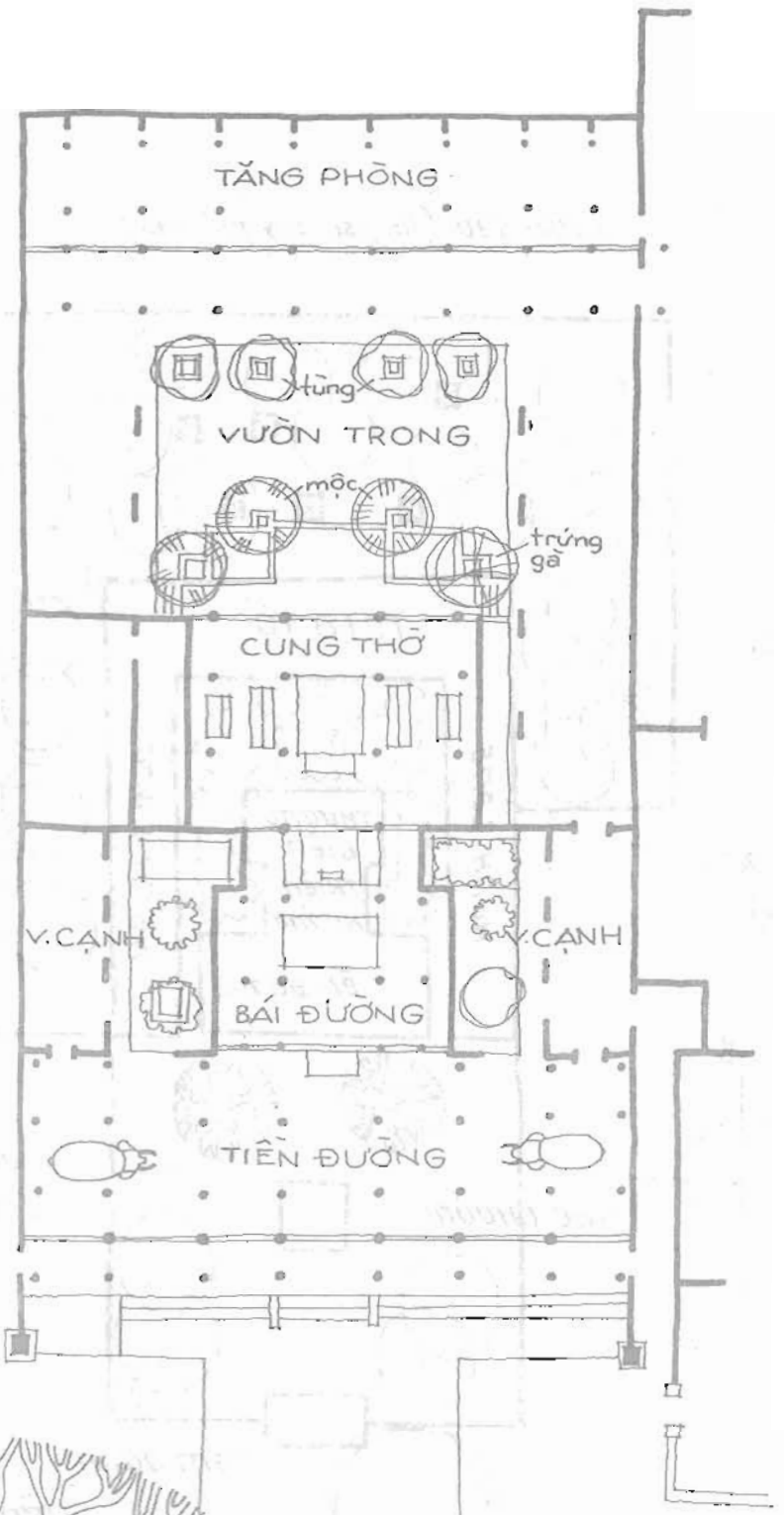


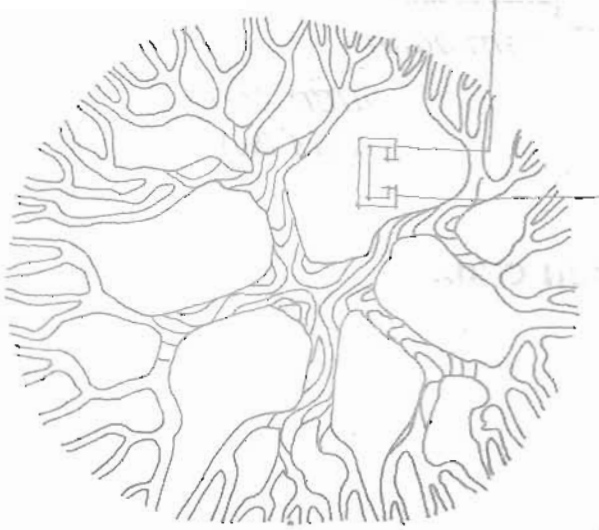
Hình 1.14d. **ĐỀN QUAN THÁNH**
Hà nội



Hình 1.14e. **ĐỀN VOI PHỤC**

Hà Nội

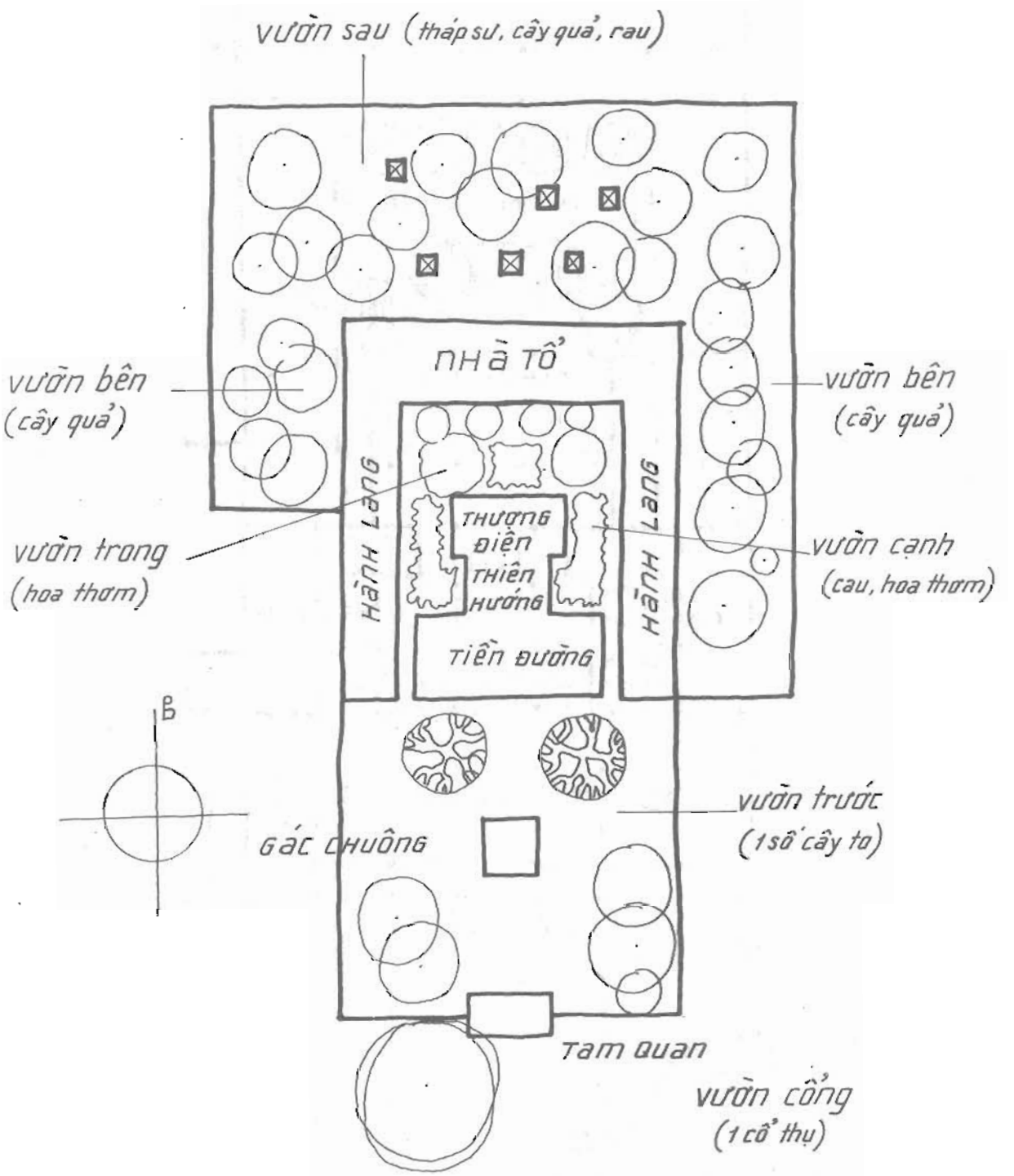




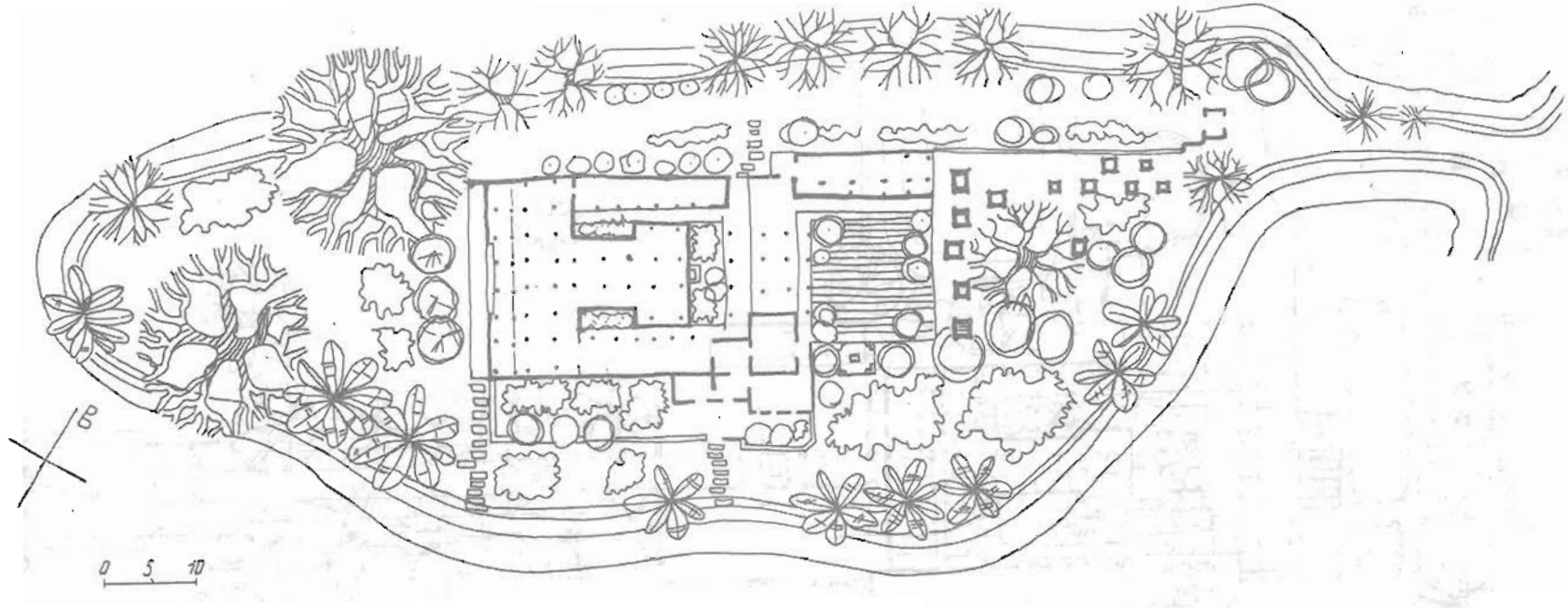
MẶT BẰNG ĐỀN

0 2 4 6 8 10m

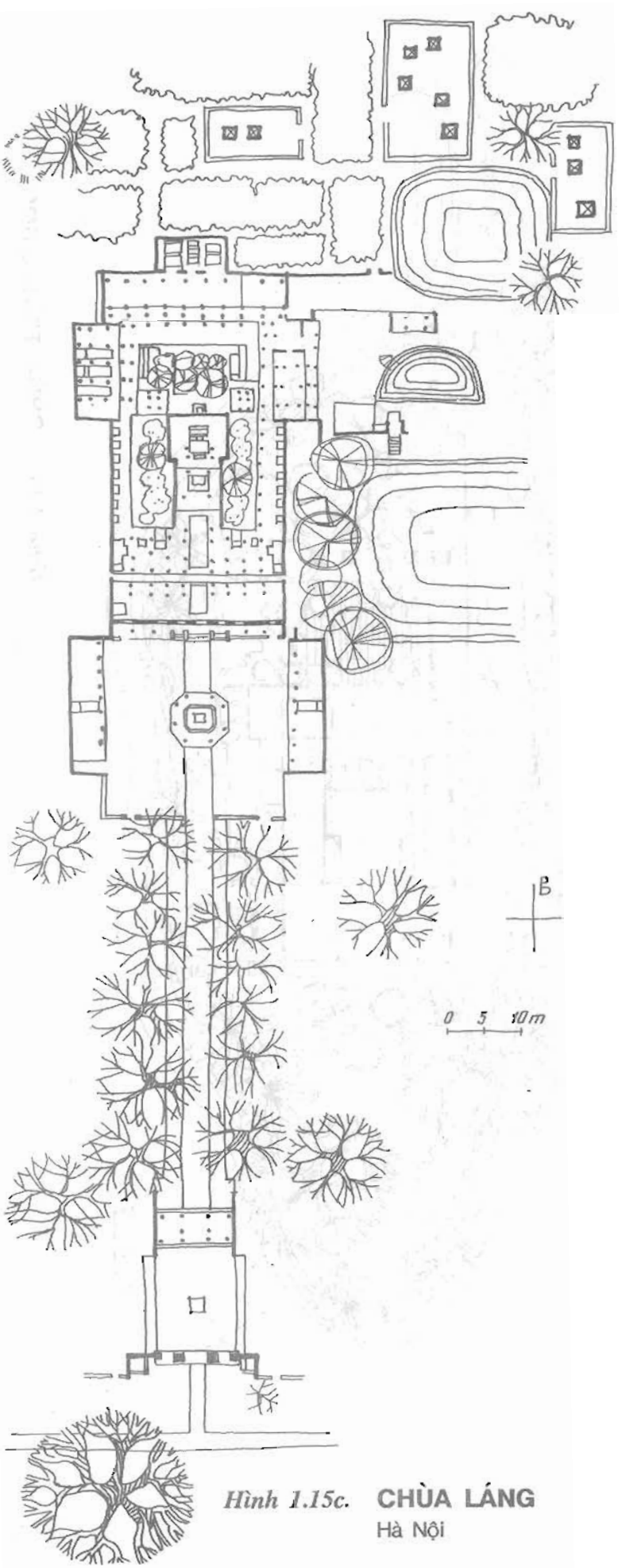
Hình 1.14f. **ĐỀN HAI BÀ**
Hà Nội



Hình 1.15a. **VƯỜN CHÙA**

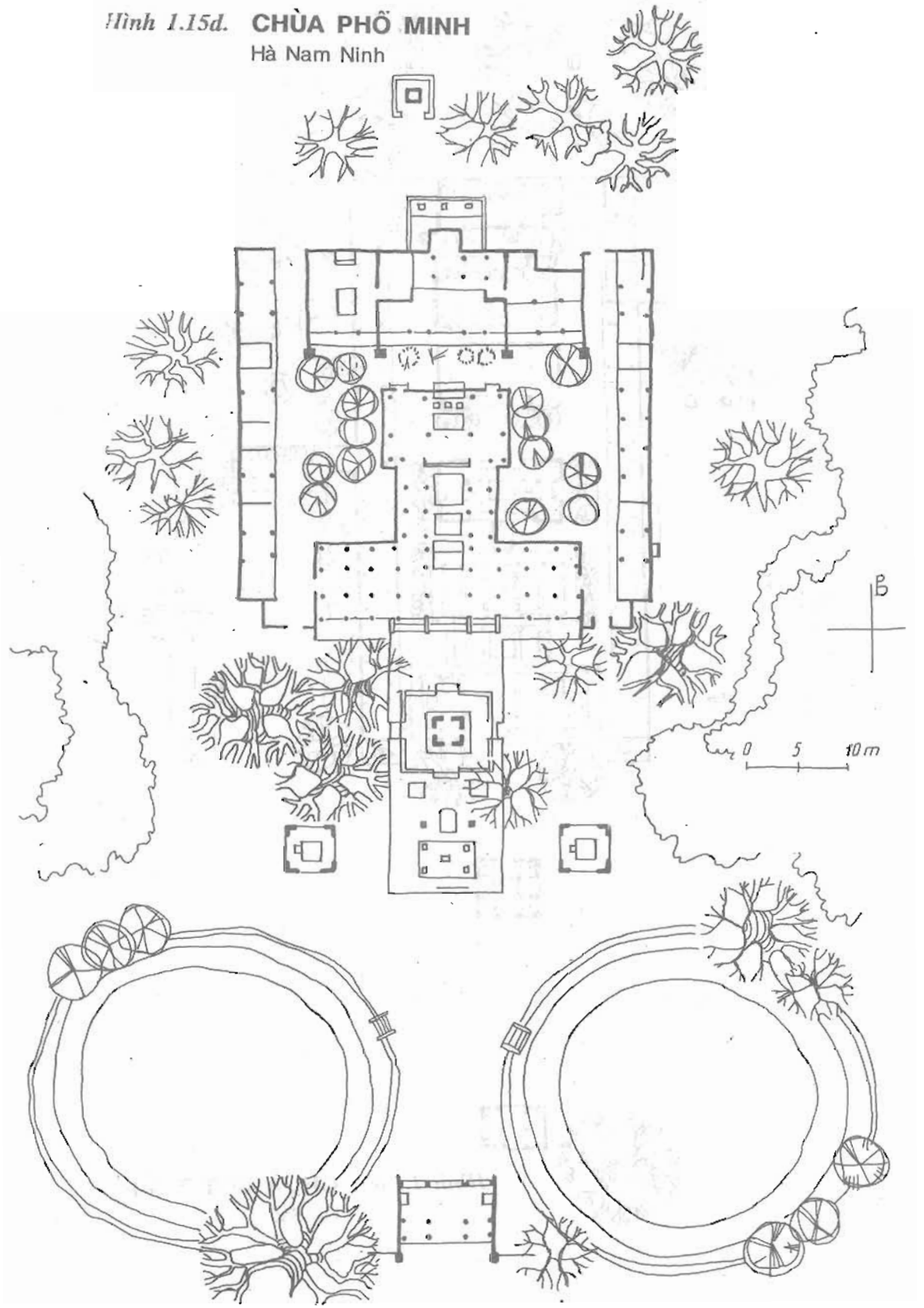


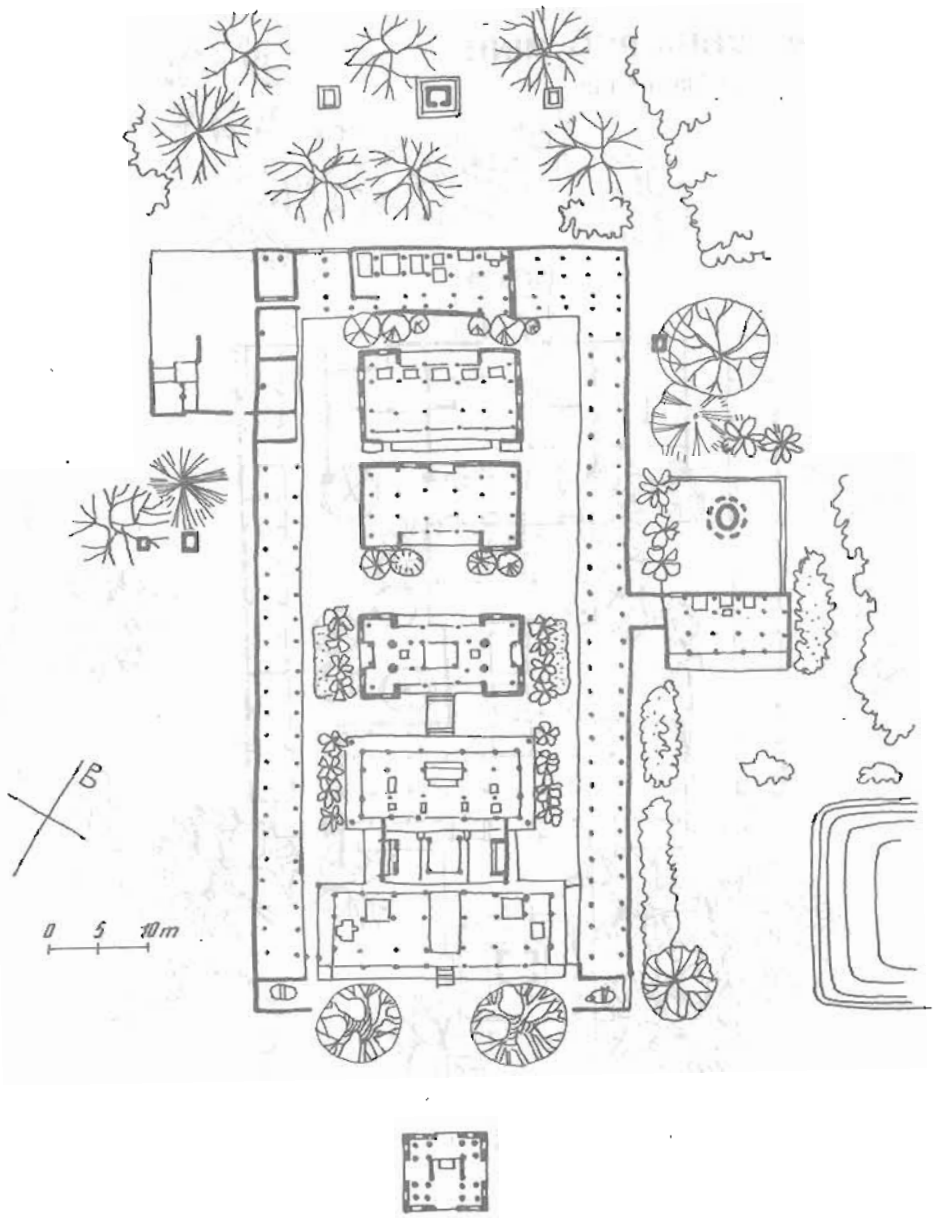
Hình 1.15b. **CHÙA TRẤN QUỐC**
Hà Nội



Hình 1.15c. **CHÙA LÁNG**
Hà Nội

Hình 1.15d. **CHÙA PHỔ MINH**
Hà Nam Ninh





Hình 1.15e. **CHÙA BÚT THÁP**
Hà Bắc

• Vườn trước: có bố cục không gian mở để hứng gió mát. Vườn thường trồng vài cây cau, những khóm hoa (hồng, nhài, sói...) và đôi khi trồng cây thuốc, rau thơm, cây ăn quả như chanh, na...

• Vườn bên: vườn có bố cục tự do với cây có tán lớn để che nắng đầu hồi (thường là mít hay tre...).

• Vườn sau: vườn thường có bố cục theo kiểu rừng tự nhiên; trồng những loại cây lấy quả, lấy gỗ.

Ngoài các vườn trên, vườn nhà dân gian còn có dàn cây leo ở cầu ao trước bếp, ở sân. Cây cho leo giàn thường là thiên lý, gấc, bầu....

I.21.d. ***Vườn nhà ở thành thị*** (Hình I.17)

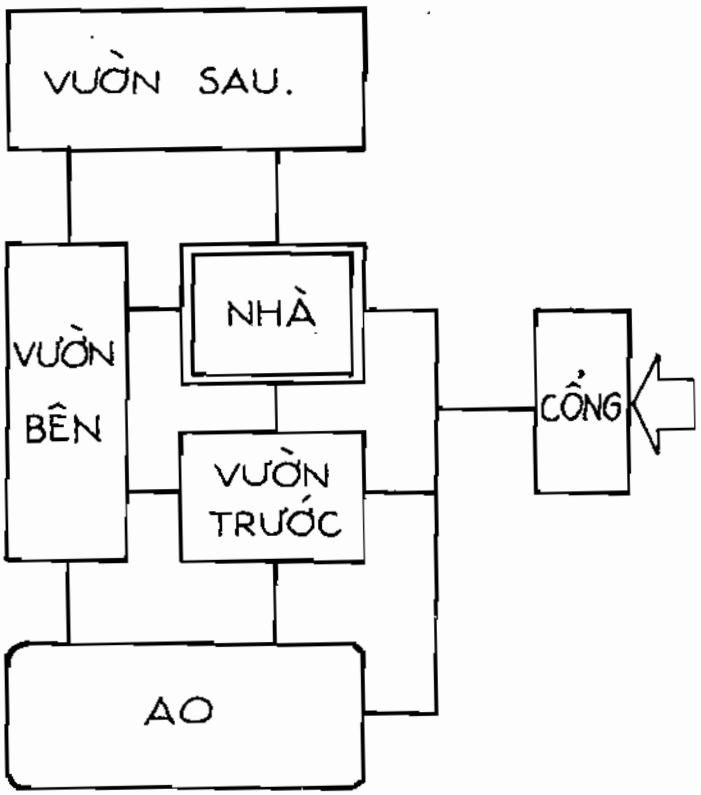
Do lòng khao khát thiên nhiên, người dân ở đô thị thường tạo nên vườn cạnh nhà. Vườn này mang tính chất vườn sân; vườn thường tổ chức trong sân (giữa nhà chính và nhà phụ). Trung tâm vườn là bể non bộ. Bên trên khoảnh vườn, thường có giàn hoa có diềm, quanh trung tâm người ta xếp một số chậu cây cảnh hay địa lan. Bố cục vườn cân xứng.

I.2.1.đ. ***Vườn cảnh của giới thượng lưu nho sĩ*** (Hình I.18)

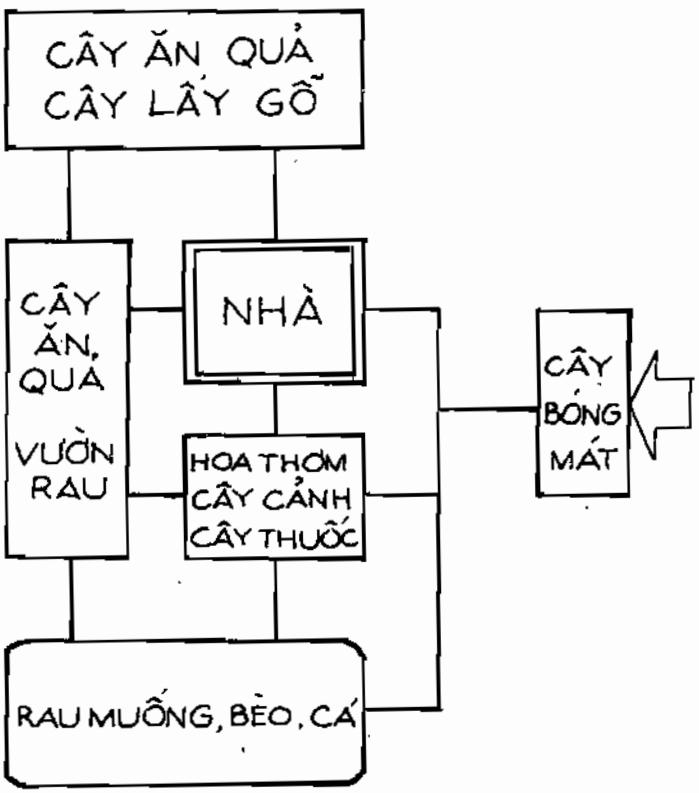
Loại vườn này biểu hiện tư duy của chủ vì chủ nhân tự tay mình chăm bón. Ở trung tâm vườn thường là một bể non bộ hoặc một chậu cây thế trực. Quanh trung tâm là các chậu cây thế hoành hoặc thế huyền đôi khi là các chậu xương rồng hoặc địa lan hay mai, cúc, quất. Loại cây trồng chậu thường trồng loại lưu niên như đa, si, sanh, bỏng nổ, tùng la hán, tùng, các loại xương rồng.... địa lan cũng là loại cây hoa thơm và quý được trọng dụng. Ngoài ra ở các vườn cây này các chủ nhân thường trồng cây quỳnh (nở hoa về đêm) và cành giao (cây lá như cành).

I.2.1.e. ***Vườn lăng*** (Hình I.19a)

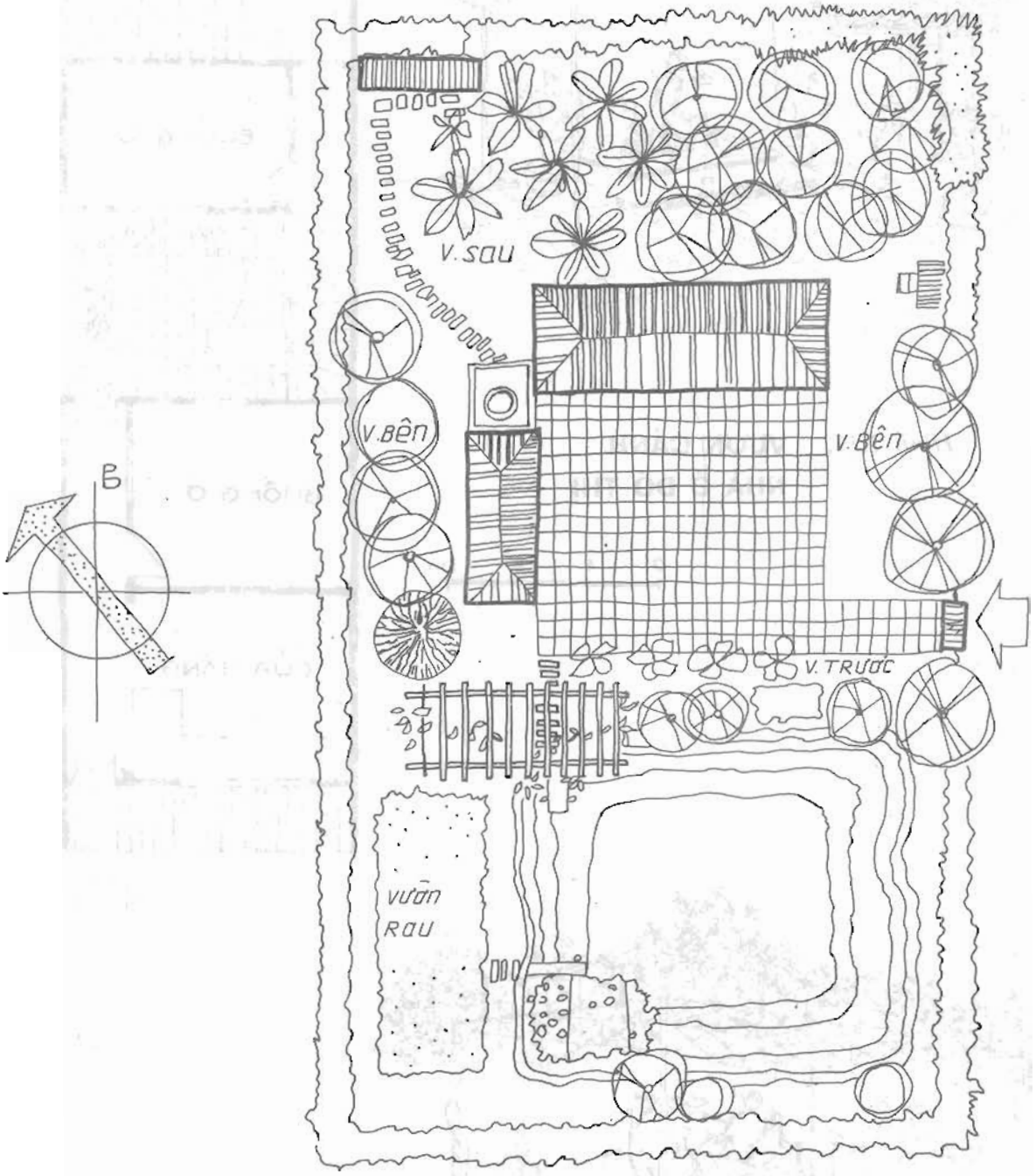
Ở mỗi triều đại phong kiến của nước ta có bố cục vườn lăng khác nhau. Bố cục lăng của các vua nhà Lý và nhà Trần theo lối dăng đốt, quy tụ vào một điểm giữa là phần mộ. Lăng vua Trần, thường có mặt bằng ba hình vuông đồng tâm và hai trục đối xứng, lăng Trần Anh Tông (Hình I.19b). Vườn lăng của vua Lê có mặt bằng vuông vắn nhưng bố cục lại đối xứng qua một trục dọc gọi là đường thần đạo, lăng Lê Thái Tổ (Hình I.19c) . Vườn lăng của vua Nguyễn có hai loại bố cục:



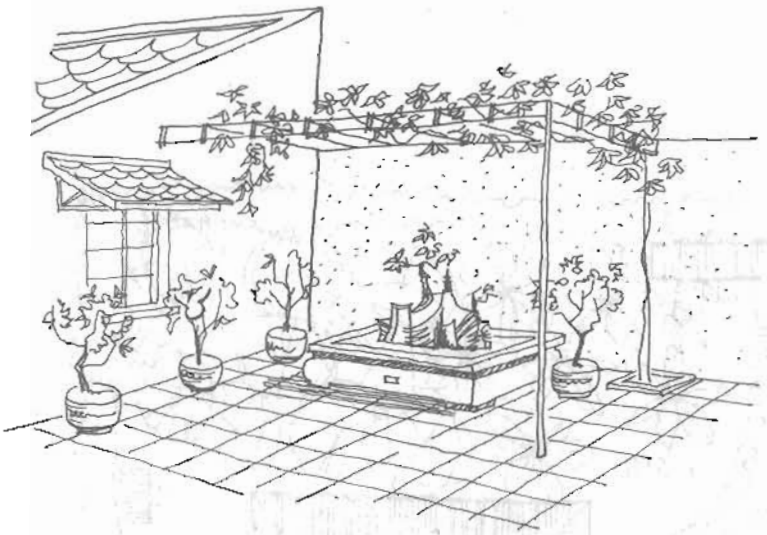
Hình 1.16a. **SƠ ĐỒ QUAN HỆ CÁC VƯỜN NHÀ Ở NÔNG THÔN**

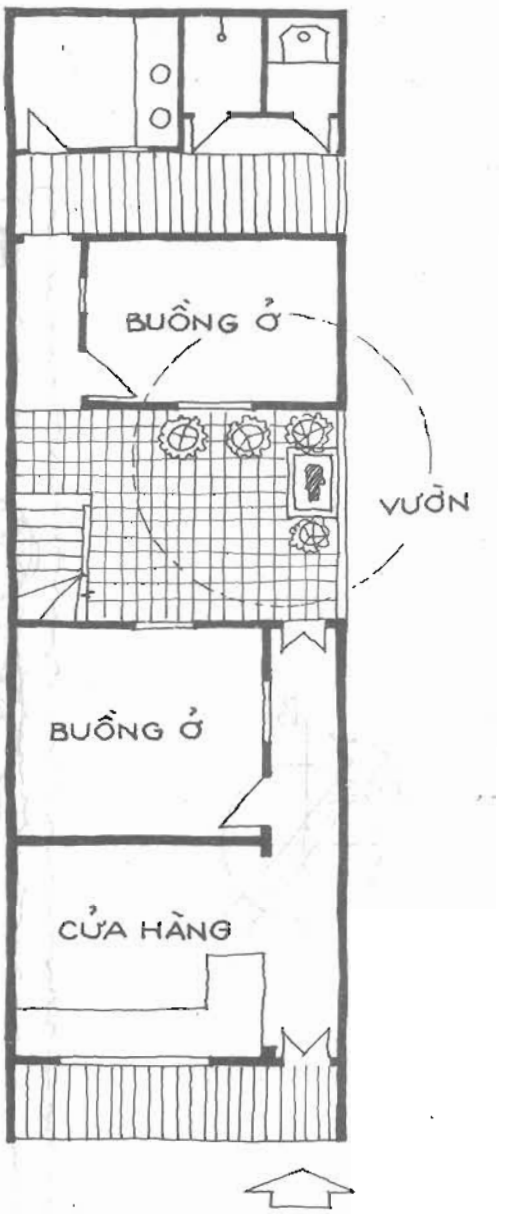


Hình 1.16b. **LOẠI CÂY TRỒNG Ở CÁC NHÀ Ở NÔNG THÔN**

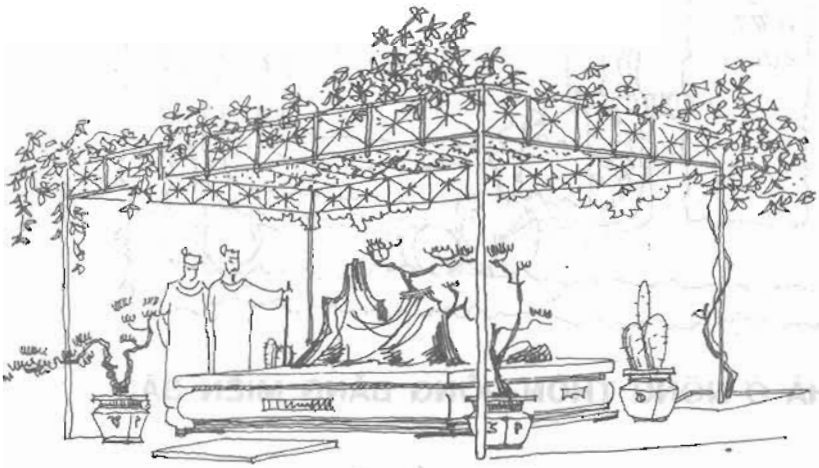


Hình 1.16c. **VƯỜN NHÀ Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG MIỀN BẮC**

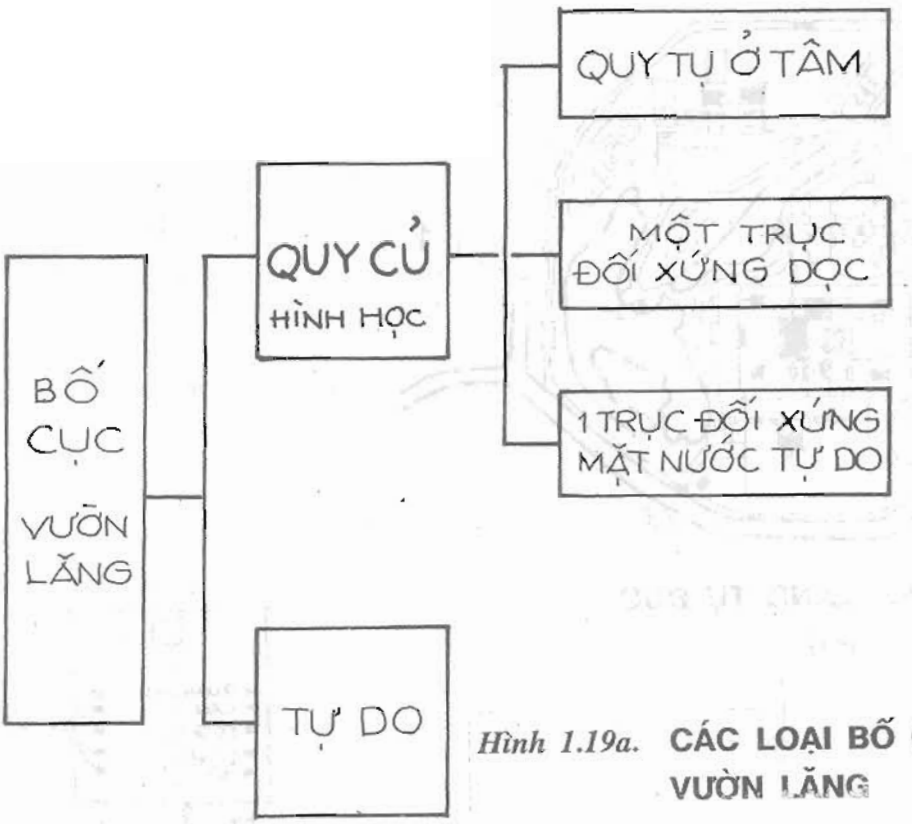




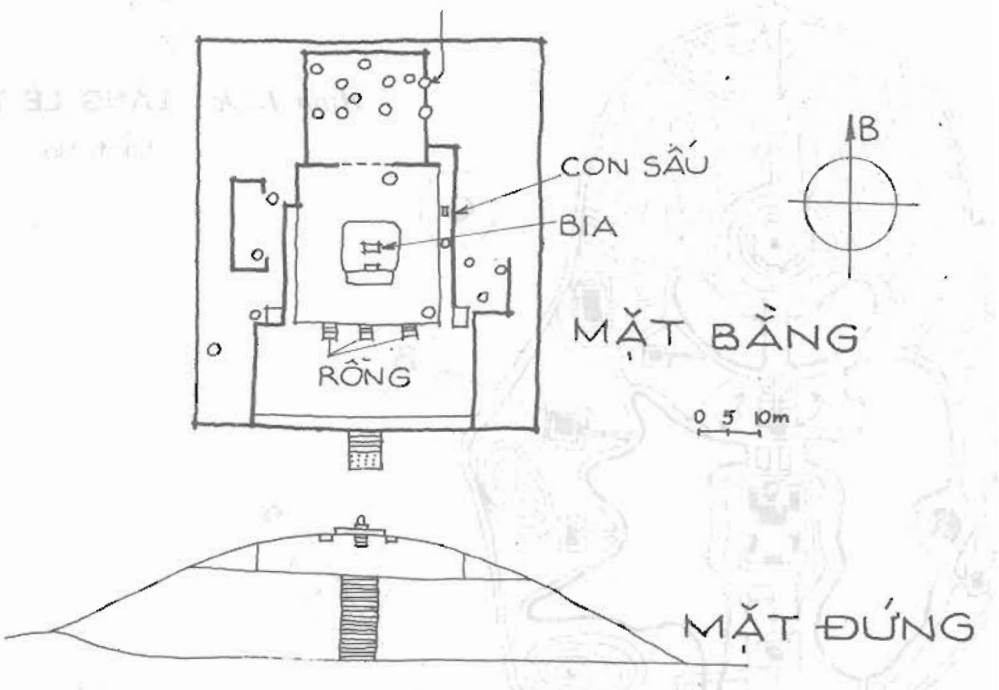
Hình 1.17. **VƯỜN CẢNH NHÀ Ở ĐÔ THỊ**



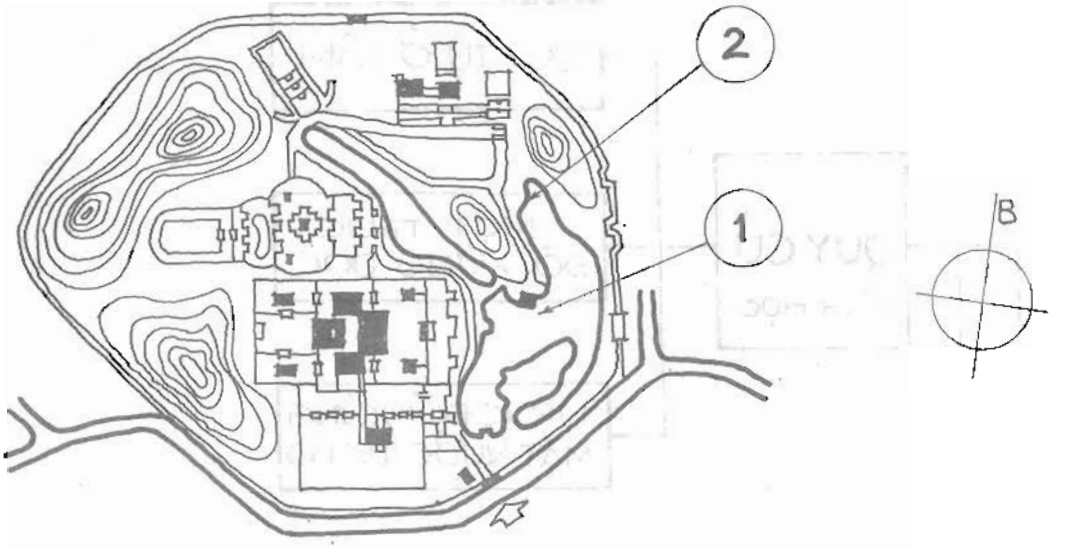
Hình 1.18. **VƯỜN CỦA GIỚI THƯỢNG LƯU NHO SĨ**



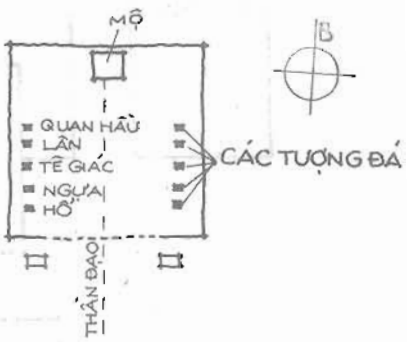
Hình 1.19a. **CÁC LOẠI BỐ CỤC VƯỜN LĂNG**



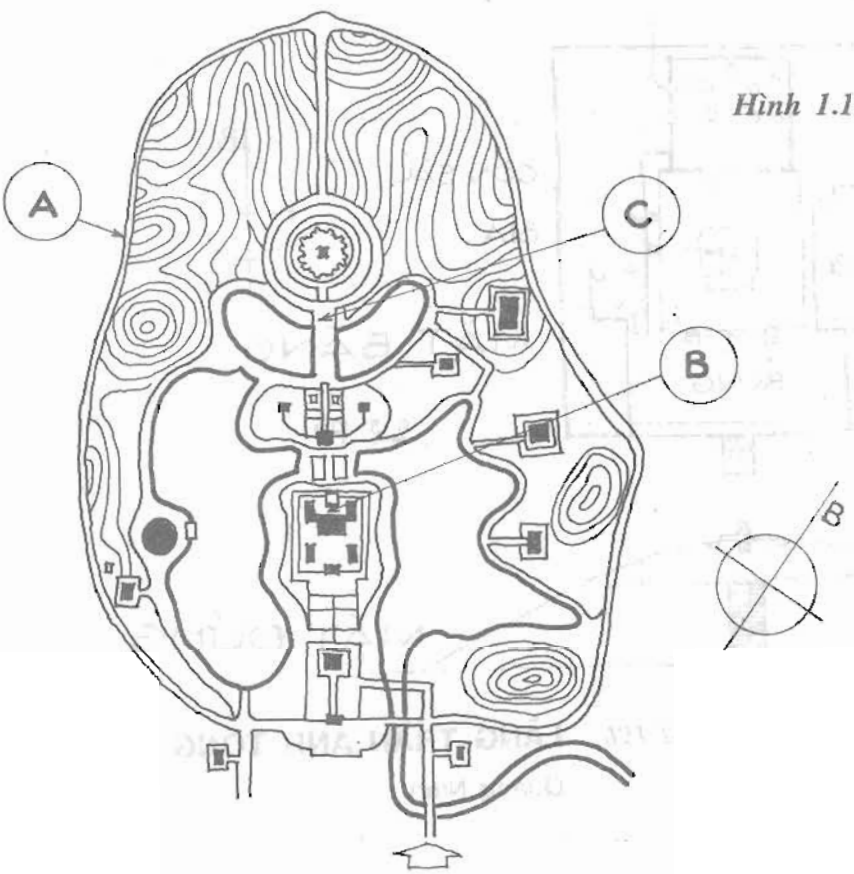
Hình 1.19b. **LĂNG TRẦN ANH TÔNG**
Quảng Ninh



Hình 1.19e. **LĂNG TỰ ĐỨC**
Huế



Hình 1.19c. **LĂNG LÊ THÁI TỔ**
Thanh Hóa



Hình 1.19d. **LĂNG MINH MẠNG**
Huế

- Bố cục quy củ đều đặn đối xứng qua trục dọc như Lăng Minh Mạng ở Huế (Hình I.19d).
- Bố cục mô phỏng thiên nhiên với những con đường và mặt nước uốn lượn theo đồi thông tự nhiên như lăng Tự Đức (Hình I.19e).

Thực chất, bố cục lăng Minh Mạng ngoài tính chất đối xứng chặt chẽ còn biểu hiện sự kết hợp tài tình giữa bố cục cân xứng và bố cục tự do, sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố thiên nhiên và yếu tố nhân đạo.

I.2.2. Vườn Việt nam dưới thời Pháp thuộc

Ở đây tác giả chỉ phân tích những thay đổi do chính quyền thực dân Pháp tác động đến nghệ thuật vườn Việt Nam (thực tế, phần truyền thống của nghệ thuật vườn Việt Nam vẫn không vì thế mà bị tiêu diệt).

Thời kỳ Pháp thuộc, ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Sài Gòn, Hải Phòng... thực dân Pháp đã xây dựng những quần thể công trình làm trụ sở. Giữa những công trình này họ bố trí vườn hoa (vườn theo kiểu vườn Pháp thế kỷ XVII), vườn có bố cục đối xứng, chặt chẽ với những đường thẳng và đường chéo, những bồn hoa, bồn cỏ dạng hình học, những rào cây cắt xén, những hàng cây. Kiến trúc trong vườn thường là chòi trang trí, những chậu đúc bằng bêtông cốt thép với những hình dạng cầu kỳ có hoa văn diêm dúa, những tượng tròn, vòi phun nước hình thù súc vật... Tiêu biểu có vườn hoa Chí Linh (nay là vườn hoa Gandi), vườn hoa Con Cóc, vườn hoa Canh Nông (nay là vườn hoa Lênin). Tuy nhiên, do xây dựng trên đất Việt Nam với khí hậu và thiên nhiên Việt Nam nên vườn phần nào mang màu sắc Á Đông: cây to rợp bóng mát, vườn xanh lá quanh năm. Nhiều cây hoa to che bóng râm mát, vườn xanh quanh năm. Nhiều cây hoa to che bóng râm lại có vườn hoa đẹp và thơm. Cũng nhờ vậy, các vườn cũ đó cho đến ngày nay vẫn còn tồn tại (điển hình là vườn hoa Paxtơ). Vả lại, nếu có cải tạo thì chủ yếu là vườn hoa Canh Nông (nay là vườn hoa Lênin) bỏ đi những tượng đài, những kiến trúc nhỏ phục vụ cho chính quyền thuộc địa.

I.2.3. Vườn Việt Nam từ năm 1954 đến nay

Ở đây tác giả chỉ phân tích những vườn ở Miền Bắc. Sau khi hoà bình lập lại ở miền Bắc, các vườn hoa cũ được khôi phục và cải tạo. Hầu hết các vườn đều giữ nguyên bố cục chung; người ta chỉ thay thế các kiến trúc nhỏ bị hư hỏng hoặc lỗi

thời. Về cây xanh, trồng thêm nhiều loại cây nhưng chủ yếu để lấy bóng mát chứ không có giá trị về bố cục nghệ thuật.

Từ năm 1960 Hà Nội bắt đầu xây dựng công viên Thống Nhất (nay là công viên V.I. Lênin) theo tính chất công viên "văn hóa và nghỉ ngơi" của Liên Xô (cũ). Công viên này có thể xem như công viên đầu tiên của nước ta, làm mẫu cho nhiều công viên khác trong toàn quốc. Là một công viên lớn nhất thủ đô, 20 năm qua công viên Lênin đã có những ưu điểm sau:

- Thỏa mãn được phần nào nhu cầu nghỉ, dạo chơi, biểu diễn, vui chơi cho nhân dân lao động thủ đô nhất là vào những ngày nghỉ.

- Tổ chức hội hè trong những ngày lễ lớn, có thể bơi thuyền rồng.

- Tổ chức hội hoa xuân hàng năm. Đây là một sáng kiến độc đáo thu hút nhiều tỉnh và thành phố trong cả nước, tạo nên một nề nếp tốt đẹp khuyến khích nghệ thuật hoa, cây cảnh của nước ta.

Tuy nhiên công viên Lênin còn chưa hấp dẫn lắm. Trong những ngày bình thường, công viên hoạt động yếu, vắng vẻ, thậm chí có những giờ chết. Về mùa đông công viên càng vắng, mọi hoạt động dường như ngừng lại. Tình trạng trên do những nguyên nhân sau:

- Công viên còn quá nghèo về các hoạt động, các trò chơi và giải trí, các hoạt động văn hóa mang tính chất câu lạc bộ, mở mang kiến thức, tập luyện thực hành.

- Công viên còn quá ít những tác phẩm nghệ thuật (điêu khắc, kiến trúc, nghệ thuật tiểu cảnh cây xanh).

- Về mặt bố cục nghệ thuật, công viên còn quá nghèo nàn, đơn điệu. Bố cục không biểu hiện được chủ đề tư tưởng cả trong toàn cục lẫn trong tiểu cảnh. Không gian công viên rời rạc, đơn điệu (nhiều khu vực như rừng phòng hộ do cây trồng ngay hàng thẳng lối). Các yếu tố công viên (kiến trúc, cây xanh, mặt nước, địa hình...) không được bố cục theo quy luật nghệ thuật mà thường bố trí tuỳ tiện, đơn thuần theo yêu cầu sử dụng. Rất nhiều yếu tố thừa (những đoạn đường, những chòi chụp ảnh, các tượng, các ghế đá...). Ngược lại, có nhiều yếu tố thiếu (những khóm cây bụi thấp dễ tạo không gian khép kín, các tiểu phẩm điêu khắc hay kiến trúc nhỏ hoặc cây xanh cận cảnh để tạo viễn cảnh sâu, những yếu tố để tạo địa hình phong phú bên mặt nước...). Về mặt cây xanh chưa lưu ý tạo những phối kết hài hòa về hình khối cũng như màu sắc, chưa tận dụng vẻ đẹp của các

dáng cây, chưa sử dụng hiệu quả bóng tối và ánh sáng, chưa tạo được màu thắm quanh năm (bằng cách chọn lọc các cây có hoa hoặc lá màu sao cho công viên mùa nào cũng có hoa nở).

Nhìn chung, các vườn - công viên hiện nay của ta chưa đạt được yêu cầu là một tác phẩm nghệ thuật. Nhưng theo chúng tôi nghĩ thì nguyên nhân chủ yếu là quan niệm về vườn - công viên còn mang nặng tính thực dụng, chưa có những nghiên cứu khoa học có sơ sở về nhu cầu nghỉ ngơi để phản ánh vào trong xây dựng, chưa chú trọng đến nghệ thuật bố cục và nghệ thuật tạo cảnh nhằm thỏa mãn thị hiếu của người sử dụng công viên.

Phần II

CƠ SỞ THIÊN NHIÊN ẢNH HƯỞNG ĐẾN CẢNH QUAN KIẾN TRÚC

Thiên nhiên là một cơ chế sống động. Ở nước ta, sự im ắng của những buổi trưa hè hay những đêm đông giá lạnh, bộ mặt hầu như không thay đổi của rừng rậm hay của đồng cỏ, toàn bộ sự yên tĩnh đó chỉ là bề ngoài. Trong thực tế, tất cả đều sống động: đất đang được bồi thêm bùn, quả chín đang rụng và nụ non đang nhú, giun dế đang đào thông đất và nước đang gặm mòn đá.

Chính sự sống động này đã làm cho nghệ thuật vườn - công viên khác hẳn các loại nghệ thuật khác.

Thiên nhiên quyết định việc chọn bố cục phong cảnh, đồng thời là yếu tố tiêu biểu cho đặc trưng từng địa phương. Điều này có ý nghĩa đặc biệt vì nước ta có một thiên nhiên phong phú và đa dạng.

Việt Nam là "cái cầu" nối liền khối lục địa Đông Nam Á với các quần đảo của biển Đông. Cái cầu ấy cũng là hướng di cư của các luồng thực vật và động vật cổ xưa, hoặc từ phía Tây Bắc xuống hoặc là từ phía Nam Đông Nam lên. Men theo các triền núi và các thung lũng sông, hai nền văn minh Trung Hoa và Ấn Độ đã giao thoa tại đây.

Bờ biển Việt Nam dài 3260 km (chiều dài gần ngang với biên giới đất liền). Điều này làm cho Việt Nam có địa mạo rõ rệt của một bán đảo và là một trong những nhân tố chủ yếu tạo nên các giải pháp bố cục kiến trúc phong cảnh Việt Nam.

II.1. Khí hậu

Nằm ở vị trí từ $8^{0}3$ vĩ bắc đến $23^{0}22$ vĩ bắc, nước ta có hai mùa khô rét và mưa nắng rõ rệt; phù hợp với hai thời kỳ xâm nhập của gió mùa Đông Bắc và gió mùa Đông Nam. Vì vậy, bố cục phong cảnh không tách rời với việc dẫn đến gió mùa hè và chắn gió mùa đông.

II.2. Địa hình

Địa hình là yếu tố quan trọng nhất của việc tạo nên cảnh quan kiến trúc. Nước ta có địa hình vô cùng phong phú và tuyệt mỹ. Trong tác phẩm "Thiên nhiên Việt Nam" , tác giả Lê Bá Thảo đã viết "Đồng bằng Nam Bộ trông vẫn như mới dưới biển trồi lên với mạng lưới kênh rạch chi chít và đồng lầy làm cho phần đất nổi có

diện tích không lớn hơn bao nhiêu so với phần còn được nước bao phủ. Miền núi Trung Bộ với dãy Trường Sơn cổ kính khi thì đổ thành vách đứng xuống biển Đông, khi thì chạy dài thành những cao nguyên rộng lớn xếp chồng lên nhau như những bậc thang khổng lồ, cả hai đều khoác lên áo phủ bí mật của rừng nhiệt đới, còn Bắc Bộ với dãy Hoàng Liên Sơn cao chót vót, nhô lên những mạch núi rẻ quạt xen với những dãy đồi lúp xúp mà ngay cả khi ra đến biển rồi vẫn còn nổi lên thành hàng trăm đảo lớn nhỏ"...

Địa hình thiên nhiên Việt Nam sẵn sàng tạo thành những cảnh quan đẹp mắt.

Việt Nam là bán đảo nhưng lại có đồng bằng đa dạng: đồng bằng phù sa châu thổ, đồng bằng ven biển, đồng bằng giữa núi. Phần lớn đồng bằng nằm dọc bờ biển. Thiên nhiên đã sắp xếp cho ta một cảnh quan địa lý hết sức độc đáo. Nếu tạo phong cảnh trên đồng bằng mà không dùng thủ pháp mô phỏng thiên nhiên thì viễn cảnh của phong cảnh nhân tạo đó vẫn dễ dàng có dáng dấp thiên nhiên thật bằng cách mở không gian, lấy cảnh núi hay cảnh biển của thiên nhiên vào tầm nhìn bố cục kiến trúc phong cảnh. Mặt khác, mỗi loại đồng bằng lại có đặc tính riêng do sự khác nhau của thảm thực vật bao phủ, sự khác nhau của các dạng nước (biển, hồ, lạch...). Cơ sở này dẫn đến nguyên tắc mô phỏng thiên nhiên đa dạng của bố cục kiến trúc phong cảnh. Việc tận dụng nguyên tắc này càng linh hoạt khi xét đến địa hình đồi núi Việt Nam.

Nước ta có một miền đồi núi chập trùng chiếm 3/4 diện tích toàn đất nước; núi chia thành bốn vùng chính: Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc và vùng núi cao nguyên Nam Bộ. Đồi núi nước ta rất đa dạng bao gồm nhiều kiểu khác nhau: núi cao, núi vừa, núi thấp và đồi (trung du). Núi ở nước ta thường đi với nước "dãy Trường Sơn chạy sát ra biển tạo thành những vách biển dựng đứng, nhiều nhánh núi, mỏm núi, nhô ra biển tạo thành các bán đảo, các mũi, làm cho bờ biển gồ ghề, lồi lõm, có nhiều vũng, vịnh" (Lê Bá Thảo). Địa mạo đặc biệt này là cơ sở cho nguyên tắc núi -nước tạo thành một tổ hợp chủ yếu của bố cục phong cảnh công viên Việt Nam.

Ngoài ra, giữa vùng biển của nước ta còn có hệ thống quần đảo, bao gồm hàng nghìn đảo: đó là những mẫu mực cho hòn giả sơn, cho các tiểu cảnh trong bố cục vườn - công viên.

Tổ hợp đồi - núi - nước của thiên nhiên Việt Nam đã hữu tình như vậy thì các dạng mặt nước của thiên nhiên Việt Nam cũng mỹ miều không kém. Ở phía bắc, bờ biển được lõm vào tạo thành vịnh Bắc Bộ có kỳ quan Hạ Long nổi tiếng. Phần giữa, từ bán đảo Sơn Trà đến mũi Ô Cấp hay Vũng Tầu đường bờ biển tròn như một "bao lơn" trên Thái Bình Dương. Tương phản với cảnh sóng biển sôi động là dạng mặt nước tĩnh lặng mênh mông của các gương mặt hồ: hồ ở đồng bằng (Hồ

Tây...) hồ trên cao nguyên (Hồ Xuân Hương...), hồ trên núi đá vôi (hồ Ba Bể...) v.v.. Dạng mặt nước phổ biến nhất của đất nước ta là sông, lạch, kênh. Hầu như đâu đâu cũng có. Chính vì thế mà thực vật phát triển mạnh và phong phú. Mặt nước và cây xanh trong thiên nhiên nước ta cũng là yếu tố tổ hợp quan trọng của hệ thống cảnh quan địa lý. Tổ hợp này còn phổ biến hơn là tổ hợp núi nước và dĩ nhiên không thể thiếu được trong bố cục kiến trúc của Việt Nam.

II.3. Thực vật là yếu tố cơ bản của bố cục phong cảnh vườn - công viên

Thực vật ở nước ta, ngoài thực vật gốc (cây cối nhiệt đới) còn có các luồng thực vật phía Bắc đem đến (thực vật á nhiệt đới và ôn đới). Vì vậy, ở nước ta, việc vận dụng kinh nghiệm về bố trí cây trồng của nhiều nước trên thế giới vô cùng thuận lợi.

Ở mỗi vùng khí hậu và địa hình khác nhau thảm thực vật cũng khác nhau. Đồng bằng có cây tre, cây đa làm tiêu biểu thì trung du có cây cọ, cây chè; miền núi có cây thông, cây ban, miền biển có cây đước, cây sú. Việt Nam có những cây gây rừng phong phú như cây tràm tỏa mùi thơm của bạc hà làm cho không khí trong lành và mùa hè tràm nổi hoa trắng toát cả một vùng (cây tràm ưa đất bùn mặn, cây có khả năng cải tạo đất làm đất tốt lên, rừng tràm còn là nơi nuôi ong trên quy mô lớn); dừa nước không những tạo thành rừng đẹp mà còn có khả năng trồng quanh ao tạo tiểu cảnh độc đáo.

Cây miền núi (3/4 đất nước ta là đồi núi) tùy thuộc độ cao mà hình thành những thảm thực vật tương ứng: chủ yếu là loại rừng cùng loại và loại rừng khác loại. Từ xa xưa ông cha ta đã đưa nhiều giống cây về trồng quanh nơi ở (đồng bằng) cho đến nay hàng 400 - 500 loài đã được thuần hoá phát triển tốt trong các đô thị của ta. Tuy nhiên chưa có việc nghiên cứu những bố cục thực vật sẵn có trong thiên nhiên theo những quy luật tự nhiên để vận dụng vào bố cục vườn - công viên. Ở nước ta có loại rừng hỗn giao: loại rừng là loại rừng nguyên sinh Cúc Phương đến rừng già Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ đều có các loài cây to, đường kính 60 - 120 cm, cao 30 - 40 m rất quý cho việc trồng trong vườn công viên làm cây cổ thụ. Nước ta rất phong phú về chủng loại cây (trên diện tích 1 ha, thậm chí 0,1 ha rừng, có hàng trăm loài). Tiêu biểu cho rừng hỗn giao nước ta là rừng Cúc Phương. Đó là "Viện bảo tàng" rất lớn về thảm thực vật tự nhiên (rộng 25000 ha, nằm trong vùng giữa ba tỉnh Hà Nam Ninh, Thanh Hoá, Hà Sơn Bình). Nhìn chung cây trong rừng mọc chen chúc từ mặt đất đến "trần" rừng. Cây non mọc chen cây già; những thân đại thụ 3 - 4 người ôm, cao 30 - 40 m mọc kề bên những thân mảnh dẻ. Rừng không có mùa thu vàng (đặc trưng rừng Việt Nam) rừng không có mùa trút hết lá. Trong rừng đám chuối cùng hoa đỏ rực, cây ráy thân mập lá xanh mơn mởn; các họ dứa, dừa xòa tròn

những tán lá duyên dáng. "Tuy nhiên bố cục cây trồng của rừng tự nhiên vẫn tuân theo những quy luật chặt chẽ: rừng chia thành nhiều tầng, mỗi tầng là một loại cây chủ đạo cao đều nhau".

Qua phân tích rừng Cúc Phương, ta có thể kết luận: rừng hỗn giao Việt Nam là một trong những cơ sở bố cục kiến trúc phong cảnh vườn - công viên với những nguyên tắc:

1. Cây đại thụ mọc xen được với những cây thân mảnh tạo sự tương phản hoặc nhấn mạnh cây chủ yếu.
2. Đám cây nhiều loại cùng một chiều cao có thể mọc sát nhau để tạo thành mảng dày đặc có màu sắc hài hoà.
3. Cây non có thể mọc xen cây già.
4. Bố cục một đám cây trong công viên, nếu trồng theo kiểu rừng sẽ đạt được vẻ thon thả thân vươn lên thẳng cao vút tán gọn, cành lá thưa hơn.
5. Trong bố cục công viên có thể có những phối kết nhiều loại, công viên sẽ không lúc nào có màu sắc ảm đạm vì mỗi loại ra hoa và lá non khác nhau.
6. Sử dụng những phối kết cây có sẵn trong thiên nhiên tạo khả năng phát triển mạnh và màu sắc đẹp: cây cổ thụ tán lá xanh xẫm cho leo cây dáy lá xanh tươi, ở dưới gốc trồng điểm những đám chuối hoa sắc đỏ thắm...

Nước ta, ngoài rừng hỗn giao còn có rừng cây thuần loại (thông, tre, trúc v.v...) cũng là cơ sở cho bố cục kiến trúc phong cảnh những vùng cây trồng cùng loại (trong công viên Panlốpxki người ta đã bố cục hàng trăm kiểu khác nhau của loại cây bạch dương trắng).

Có thể nói thiên nhiên Việt Nam đẹp và nhiều loại cây. Sức sinh trưởng vô cùng mãnh liệt của cây xanh đã làm cho nước ta như một vườn hoa lớn (ta đã trồng được 200 loài trong 270 loài ở Đông Nam Á).

II.4. Thổ nhưỡng

Thiên nhiên của nước ta phong phú và đa dạng còn nhờ lớp đất phì nhiêu (không nơi nào có vùng đất chết như hoang mạc, sa mạc). Đất Việt Nam là lớp đất nhiệt đới thuộc vành đai nhiệt đới và xích đạo gồm 13 - 15 lớp. Đất được hình thành trên một nền địa chất có lịch sử phát triển lâu đời và phức tạp, trên các thềm lục địa khác nhau trong điều kiện nhiệt đới gió mùa. Mặt khác tùy theo điều kiện tự nhiên của từng vùng mà các quá trình phát sinh và phát triển diễn ra không

đồng nhất. Đặc điểm này ảnh hưởng lớn đến việc khai thác, sử dụng, bảo vệ, cải tạo đất và các biện pháp kỹ thuật trồng trọt.

Đất trồng ảnh hưởng đến bố cục kiến trúc phong cảnh, do đó tùy loại đất mà chọn cây trồng khác nhau, nếu không điều tra tỷ mỷ khả năng đất trồng có thể thu được kết quả trái với dự kiến ban đầu.

II.5. Danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử là một trong những nơi hình thành và phát triển bố cục kiến trúc phong cảnh

Trong phần này tác giả chỉ nêu một số di tích gắn liền với danh lam thắng cảnh và cũng chỉ nêu những địa danh tiêu biểu.

Thiên nhiên đa dạng đã mang lại cho đất nước ta biết bao cảnh đẹp. Mỗi một địa phương đều có sắc thái riêng.

Khu Đông Bắc với những dãy núi uốn thành vòng cung lồi ra phía biển, những vùng đồi rộng đỉnh phẳng với độ cao nhất định, mạng lưới sông suối dày đặc chia cắt mặt đất thành những thung lũng ngoắt ngoéo, những rừng thưa màu sắc thay đổi. Khu Tây Bắc, với những dãy núi cao ngất và sắc nhọn; cao nguyên thoáng mát và rộng, những hẻm vực sâu hun hút kẹp dòng sông Đà vào giữa các vách đứng, những đồng cỏ tranh khô rộng lớn và những bồn địa chan chứa ánh nắng, những rừng âm u.

Nói chung cảnh đẹp Việt Nam thường có núi. Mà núi thì thiên hình vạn trạng: Tam Đảo với ba ngọn chót vót sừng sững trên bình địa; Thiên Thị lô nhô hàng trăm tảng đá "như người trời xuống họp chợ; Thạch Bàn bằng phẳng như chiếc bàn đá; Sơn Trà từ biển mọc lên vươn dài trên biển; Non Nước ngay sát biển Đông; hòn Quy quanh vũng Cam Ranh; Trà Long; Du Long v.v, ... Đặc biệt có đèo "Hải Vân đầu phủ mây trời chân dẫm nước biển bao quát cả một vùng núi bát ngát. (Tạ Thị Bảo Kim "Việt Nam thắng cảnh")

Những nơi lòng suối lòng sông bỗng tụt xuống đột ngột thì nước chảy thành thác, mỗi thác mỗi vẻ. Danh sơn thường có hang động. Động Phong Nha lạ về hang gió, sông ngầm và thạch nhũ. Các động Huyền Không, Linh Nham... chi chít núi, Ngũ hành đẹp vì ánh sáng huyền ảo và đá gấm, đá màu.

Nước ta còn đẹp về biển. Bờ biển Vũng Tầu cong tròn; bờ biển Nha Trang nhìn thẳng ra đại dương. Bờ biển có nhiều đoạn là phá là đầm "Phá Cầu Hai thì mênh mông trời nước nhưng đầm Thuỷ Triều lại hẹp tựa dòng sông" (Tạ Thị Bảo Kim).

Điểm cảnh nước ta không chỉ nêu một yếu tố thiên nhiên như núi, hồ, đèo mà gồm một tập hợp yếu tố của cảnh quan địa lý: như cảnh quan hồ Ba Bể gồm hồ làm trung tâm, quanh hồ có núi đá, rừng cây... "Non xanh hài hoà với nước biếc phong cảnh Việt Nam ta mới như tranh họa đồ" (Tạ Thị Bảo Kim)

Cảnh đẹp đất nước ta còn có vẻ sinh động thắm tươi về cây cỏ nữa: vách đá ven hồ Ba Bể điểm những gốc xoan rừng; những cành vối nghiêng mình xuống hồ nước. Núi Tam Đảo quý với những cây dương xỉ thân gỗ lá to xanh rờn, vườn Cúc Phương quanh năm xanh thẫm trùm lên núi đá vôi; rừng thông thơm dịu bạt ngàn trên cao nguyên Lâm Viên; rừng dừa nước duyên dáng soi mình xuống kênh lạch Nam Bộ.

Núi, rừng, sông, biển Việt Nam còn quyến rũ lòng người ở những động vật bên trong: ở Cúc Phương bươm bướm bay lượn như tuyết rơi; trên vách đá hòn én chim yến kêu tưởng như đá hát; ở Ba Bể khỉ đùa với người, lợn rừng đi tắm, nai dùng túi thơm bắt cá.

Từ giã chốn thắng địa, người ta bâng khuâng nhớ cảnh nhưng cũng thường không khỏi nhớ người: nhớ cô gái Mèo váy trùng qua cầu May Sapa; nhớ nàng áo xanh chèo độc mộc trên hồ Ba Bể; nhớ người ngậm ngải tìm trầm trong rừng Khánh Hoà v.v. ...

Cảnh đẹp gắn liền với lịch sử hay những truyền thuyết dân gian càng làm cho cảnh thêm mặn nồng: ở sườn núi Tam Đảo có núi dấu đóng quân; lên đỉnh đèo Hải Vân nhớ Nguyễn Huệ, đến rừng Cúc Phương thấy cây Kim Giao lại nhớ truyền thuyết ca ngợi mối tình chung thuỷ của đôi trai gái bất hạnh v.v...

Cảnh đẹp cũng gắn liền với những vần thơ. Đến chùa Hương lại nhớ câu thơ của Tản Đà, qua đèo Ngang lại thấy thơ của bà Huyện Thanh Quan là đúng.

II.6. Kiến trúc phong cảnh được hình thành và phát triển trên cơ sở xã hội và tâm lý xã hội (vườn - công viên phục vụ cuộc sống con người)

II.6.1. Sự khao khát thiên nhiên (Hình II.1a, II.1b)

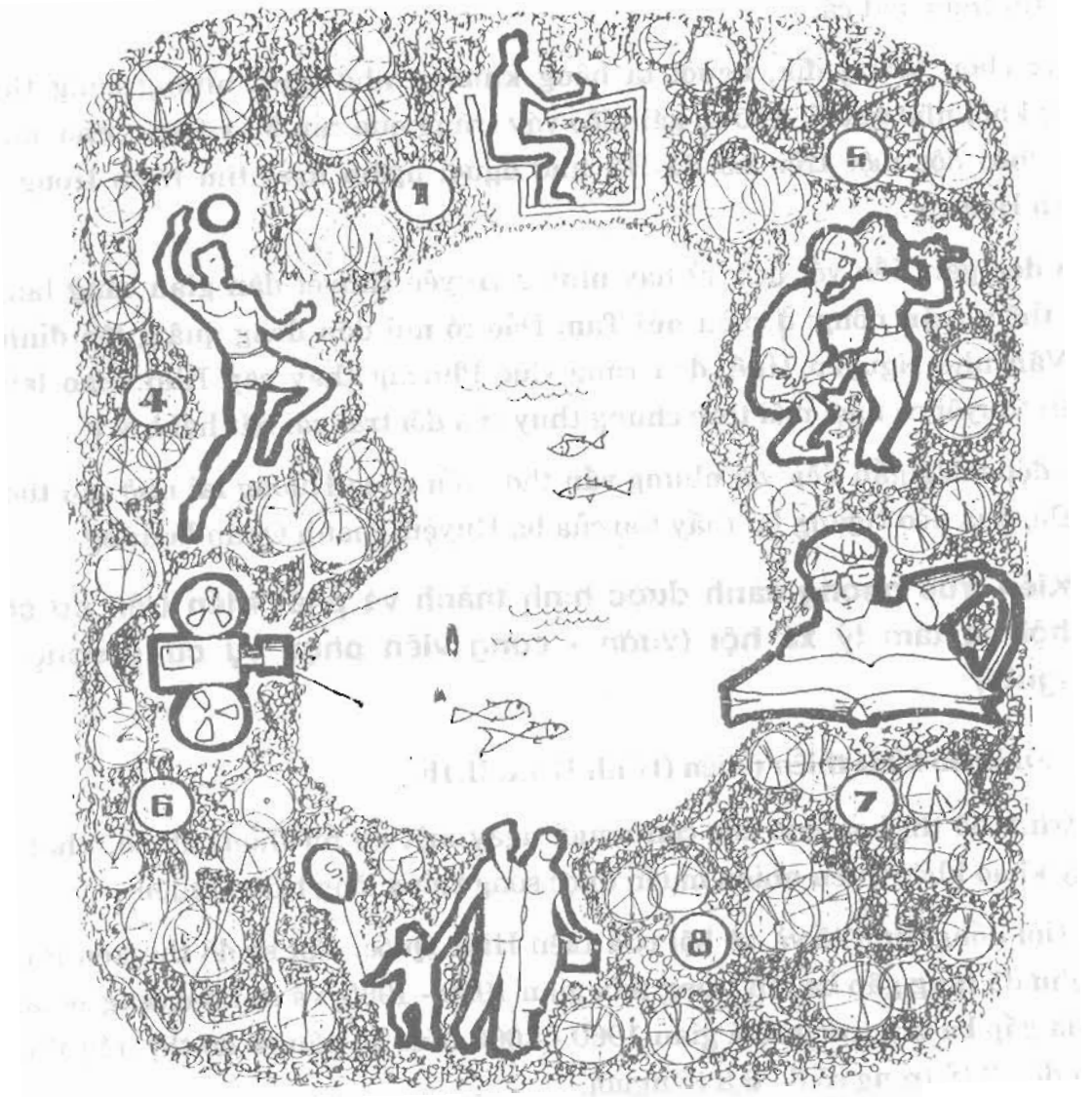
Qúa trình đô thị hoá làm cho con người ngày một xa rời thiên nhiên, phát sinh tâm lý khao khát thiên nhiên muốn được sống trong lòng thiên nhiên.

Theo Hội đồng kinh tế và xã hội của Liên Hiệp Quốc, dân số đô thị trên thế giới gần như đã tăng gấp ba lần trong thời gian 1920 - 1960, và có khả năng sẽ tăng ít nhất là gấp ba lần trong thời gian 1960 - 2000. Lúc đó dân số đô thị trên thế giới sẽ lên đến 3 tỷ trong số 6 - 6,5 tỷ người.

Năm 1800 trên thế giới không có thành phố nào đạt tới 1 triệu dân, nhưng đến 1940 đã có 38 thành phố trên 1 triệu dân. Hiện nay đã có 150 thành phố hơn 1 triệu dân và hàng chục thành phố như Thượng Hải, Tôkiô, Niu Ooc, Luân Đôn, Moxkva đang vươn tới 10 triệu dân hay vượt con số đó.

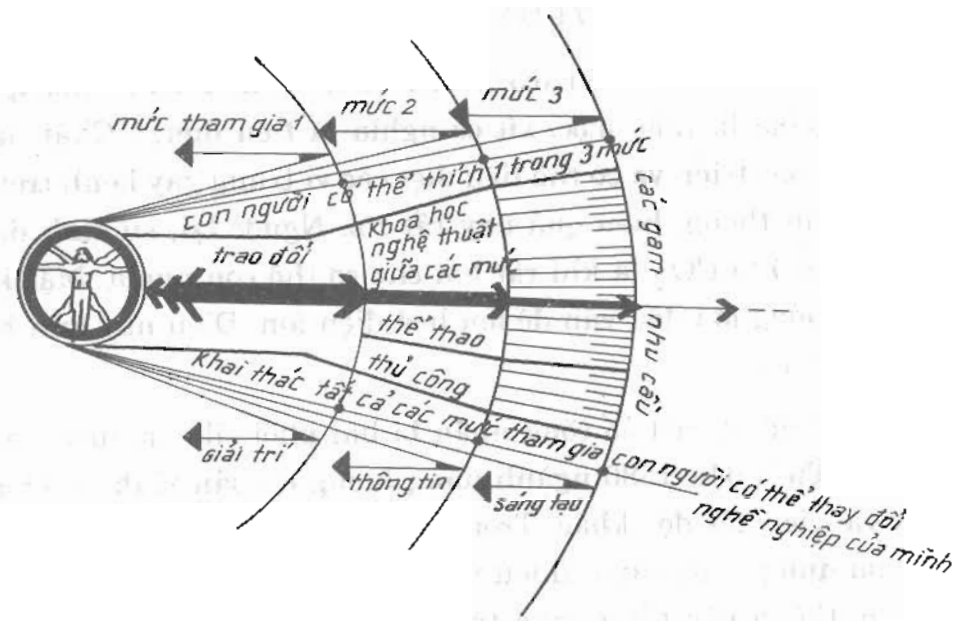
Đô thị hoá và sự bành trướng đô thị đẩy lùi rừng cây không những ra xa nội thành mà còn ra khỏi vùng ngoại thành nữa.

Hình II.1a. **VƯỜN VÀ CÔNG VIÊN ĐÁP ỨNG NHU CẦU SỬ DỤNG THỜI GIAN RỖI CỦA NHÂN DÂN**



10 MỤC TIÊU SỬ DỤNG THỜI GIAN RỖI

1. HỌC TẬP MỞ RỘNG KIẾN THỨC
2. CÔNG TÁC XÃ HỘI
3. HOBBY (TRÒ CHƠI TỰ CHỌN)
4. HOẠT ĐỘNG THỂ THAO
5. VĂN NGHỆ NGHIỆP DƯ
6. HOẠT ĐỘNG NGHE NHÌN
7. ĐỌC SÁCH
8. DẠO CHƠI
9. DẠY DỖ CON CÁI
10. LÀM THÊM TĂNG THU NHẬP



Hình II.1b. CẤU TRÚC SỬ DỤNG THỜI GIAN RỖI TRÊN CƠ SỞ TỔ CHỨC CÁC TRUNG TÂM GIAO TIẾP

Ở nước ta từ sau khi hoà bình được lập lại (1954) các thành phố lớn đã tăng dân số rất nhanh. Ở phía Nam, do tác động của chế độ thực dân cũ và mới, thành phố Hồ Chí Minh và các vùng lân cận đã tăng quá 3 triệu dân. Ở phía Bắc do yêu cầu phát triển kinh tế văn hóa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, dân số các thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định và các thành phố công nghiệp mới cũng tăng lên rất nhanh. Từ năm 1954 đến năm 1974 Hà Nội đã tăng ngót nửa triệu người, Hải Phòng hơn 80 nghìn người.

II.6.2. Kiến trúc phong cảnh góp phần cải tạo vệ sinh môi trường sống (Hình II.2)

Trong những vấn đề ô nhiễm môi trường thì vấn đề cấp bách và khó khặn nhất của thành phố hiện đại là sự ô nhiễm không khí (hai phạm trù ô nhiễm khác là đất và nước).

Ở các thành phố lớn, nơi tập trung đông dân đòi hỏi không khí trong sạch hơn những nơi khác. Nhưng thực chất không khí ở đây lại bị nhiễm bẩn do các chất thải công nghiệp, khí thải của ôtô, bụi và rác. Qua điều tra của Viện vệ sinh dịch tễ Hà Nội thì từ năm 1969 đến 1971 Hà Nội có khoảng 50 loại hơi khí độc.

Cây xanh trong vườn - công viên (có nhiều loại) có khả năng phóng ra chất fitônxit (fitôn có nghĩa là thảo mộc, xít có nghĩa là tiêu diệt) . Chất này có tác dụng kìm hãm sự phát triển và có thể tiêu diệt các vi trùng gây bệnh trong không khí (rừng trồng toàn thông, hiệu quả này rất rõ). Ngược lại, sự sinh dưỡng của cây xanh lại rất cần khí CO_2 là khí rất hại cho cơ thể con người. Mặt khác, cây xanh còn có ảnh hưởng lớn đến vấn đề ion hoá điện âm. Điều này ảnh hưởng tốt đến sức khoẻ con người.

Ở nước ta hiện nay đã có một số công nhân bị bụi phổi silic, amucin, apatít (do sản xuất gây ra). Tính đến 1980 ngành năng lượng đã sản sinh ra khoảng 600 nghìn tấn bụi và các chất độc khác. Trong tương lai, chúng ta sẽ có nhiều sản phẩm hoá học sử dụng ngày càng nhiều nguyên liệu nguồn gốc hữu cơ. Sự phát triển nhanh giao thông vận tải và quá trình đô thị hoá đang diễn ra rộng rãi ở tuyến huyện. Nước ta sẽ dần dần bị tăng cường ô nhiễm không khí. Vì vậy, việc phát triển vườn - công viên trong cơ cấu quy hoạch là một việc cấp bách. Đó là biện pháp có hiệu lực cao trong việc cải tạo môi trường.

Việc bố trí trồng cây theo bố cục nhằm điều khiển tốc độ gió theo ý muốn có thể tạo nên chỗ nghỉ ngơi thích hợp và có tác dụng ngăn bụi. Thường trung bình cây bóng mát có khả năng giữ được 10 kg bụi trong một ngày.

Hiện nay người ta coi tiếng ồn như một chỉ số nhiễm bẩn môi trường trong thành phố. Cây xanh có tác dụng chống ồn rất cao. Các vòm tán cây trung bình thu

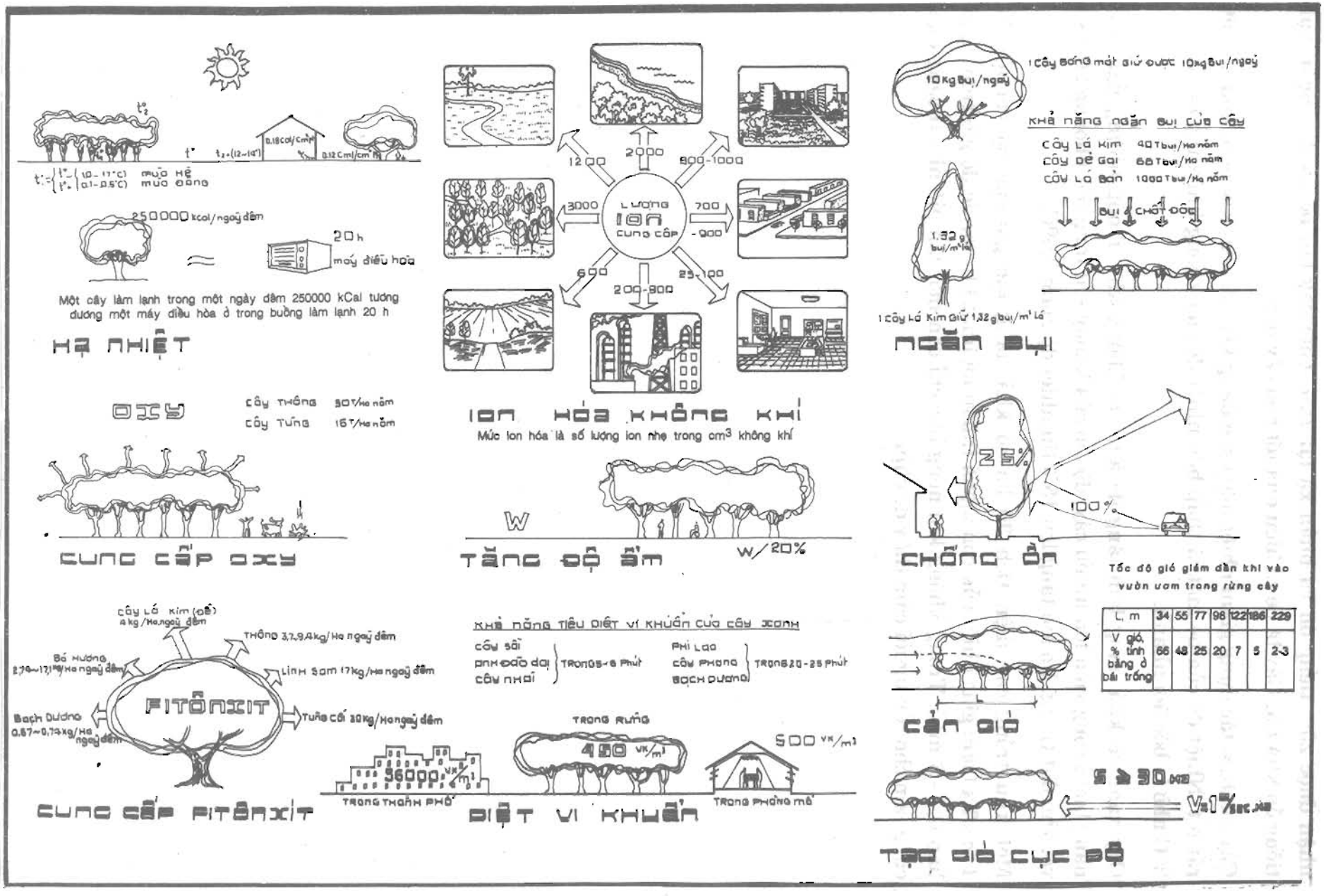
nhận được 25% tiếng ồn và phản xạ lại 75%. Giải cây bụi bố trí dày ngăn bụi tiếng ồn khá tốt. Cây lá bé có hiệu quả tốt hơn cây lá to.

Cây xanh có tác dụng giảm nhiệt một cách đáng kể. Các loại cây lá to giảm nhiệt rất tốt. Nhiệt độ của bề mặt lá thấp hơn nhiệt độ của không khí xung quanh 1 - 2°C nhờ lá bốc hơi nhanh.

Cây xanh có khả năng làm tăng độ ẩm của không khí. Trong những ngày hè nắng bức ở công viên lớn nhiều cây, độ ẩm của không khí tăng lên khoảng 20% so với khu đất trống. Độ ẩm tăng lên 15% thì nhiệt độ giảm 3,5°C.

Một khu trồng cây diện tích 30 ha có khả năng tạo gió cục bộ với tốc độ 1 m.s/ha (cảm giác nhiệt của con người thuận lợi nhất khi tốc độ độ gió trong giới hạn 0,5 - 3 m/s). Trong không khí nóng bức chỉ cần một làn gió nhẹ thoảng qua cũng làm cho con người cảm thấy dễ chịu.

Hình II.2. **KIẾN TRÚC PHONG CẢNH GÓP PHẦN CẢI TẠO VỆ SINH MÔI TRƯỜNG SỐNG**



Hình II.2. KIẾN TRÚC PHONG CẢNH GÓP PHẦN CẢI TẠO VỆ SINH MÔI TRƯỜNG SỐNG

Phần III

CÁC NGUYÊN TẮC CỦA KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

III.1. Các mối tương quan của các dạng bố cục vườn - công viên

(Hình III.1)

Có ba dạng bố cục vườn công viên:

1. Chính diện.
2. Hình khối.
3. Không gian có chiều sâu.

Bố cục chính diện có đặc tính trội về các yếu tố theo chiều ngang và chiều đứng, trong khi đó, bố cục hình khối lại có cả ba chiều trội ngang nhau. Còn bố cục không gian có chiều sâu là mặt phẳng và những khối tổ chức các cảnh và toàn cảnh mở rộng dần dần theo nguyên tắc tăng dần tác nhân xúc cảm.

III.1.1. Mối tương quan của các dạng theo kích thước (cao, rộng, dài)

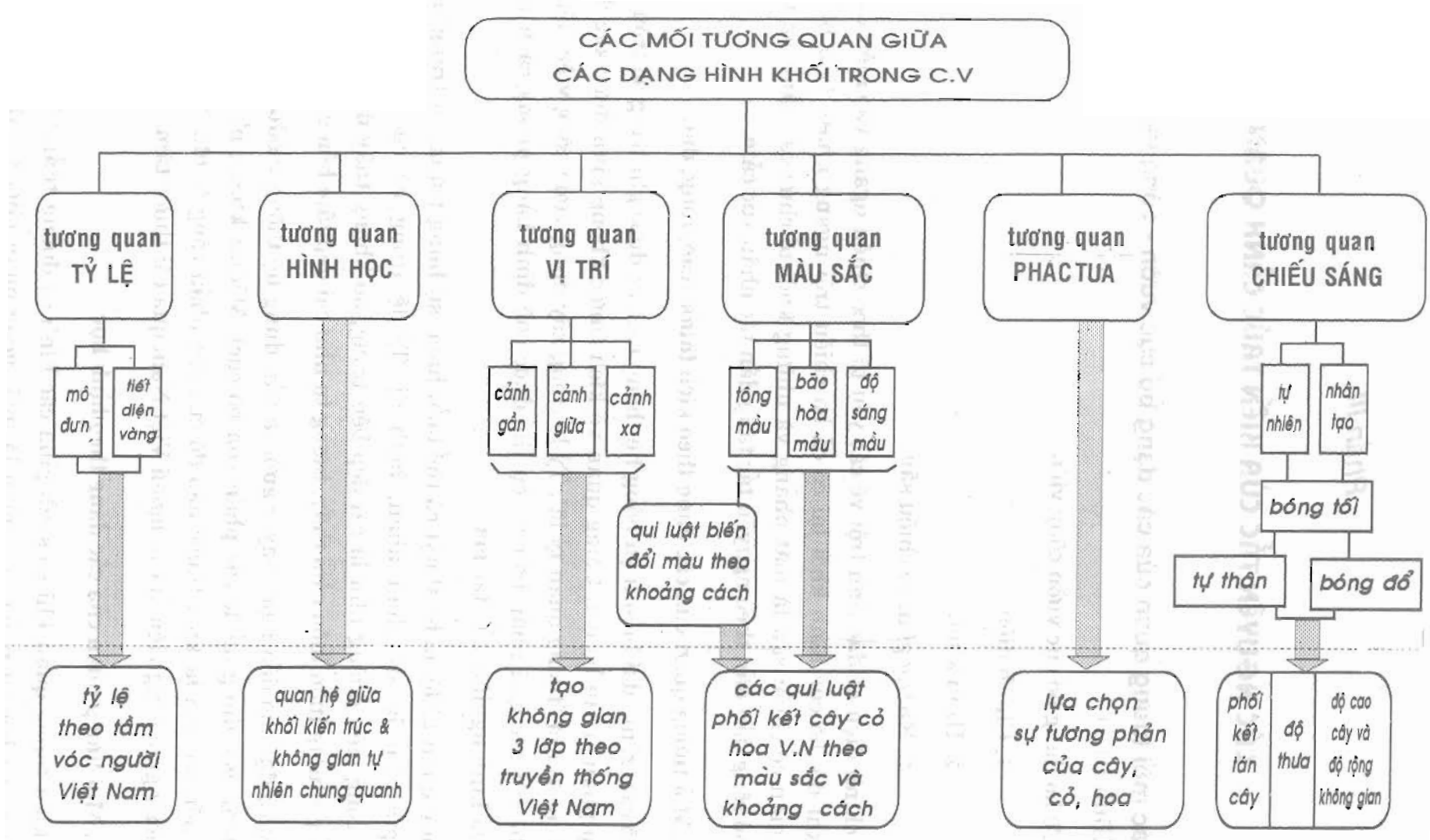
Quy mô cao, rộng, dài biểu hiện bằng hệ thống mét và được ghi bằng số tròn hay số thập phân. Toàn bộ mối tương quan về kích thước không gian được xác định vào bố cục gọi là "tương quan tỷ lệ". Tỷ lệ trong xây dựng vườn công viên liên hệ chặt chẽ với các giải pháp bố cục cụ thể được chế định bằng phong cách nghệ thuật và kinh nghiệm của tác giả.

Do tương quan tỷ lệ, nghệ thuật có thể biểu hiện sự hùng tráng, sự trang trọng hay ngược lại là sự nhũn nhặn, bình dị. Tỷ lệ trong bố cục phong cảnh vườn - công viên dường như là cái đẹp bên trong, nó không thấy được một cách trực tiếp nhưng luôn luôn cảm thấy, tương tự như cái đẹp tâm hồn của con người.

Từ thời cổ đại cho đến ngày nay, người ta vẫn dùng hệ thống môđun (là một vài kích thước gốc dùng để đo các phần của bố cục). Môđun không phải kích thước theo chiều dài mà là kích thước nào đó của các phần công trình. Môđun chung của không gian công viên là con người Việt Nam qua cái thước tầm.

III.1.2. Mối tương quan của các dạng theo hình học

Đó là kiểu tương quan khi so sánh giữa các hình có đường thẳng (hình học) và đường cong (theo tự nhiên) có nghĩa là mối tương quan giữa tự nhiên và nhân



Hình III.1. **SƠ ĐỒ CÁC MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC DẠNG HÌNH KHỐI VÀ VẬN DỤNG VÀO BỐ CỤC VƯỜN**

tạo. Mối tương quan theo tính chất hình học "mang đặc tính khái niệm tạo hình" hay nói cách khác: sự tương ứng hài hòa của các hình dạng và các đường nét.

III.1.3. Mối tương quan theo vị trí của các yếu tố trong không gian vườn - công viên

Mối tương quan này có ý nghĩa quyết định trong việc tạo nên không gian sâu của bố cục. Không gian được điều chỉnh bằng sự mở đóng. Không gian mở gây ấn tượng động, không gian kín gây sự tĩnh lặng.

Bố cục cảnh nhiều lớp được cảm thụ bằng những điểm cảnh gọi là "phong cảnh". Phong cảnh có hiệu quả nhất là bố trí trong "thị trường tiêu chuẩn" có nghĩa là một giới hạn của một hình nón được tạo bằng một hình tam giác có góc bằng 15 - 18,5^{o}. Cận cảnh là phối cảnh đầu tiên được vạch ra bằng những con đường thẳng, có kiến trúc nhỏ, cây xanh. Cảnh giữa được hình thành chủ yếu bằng đường viền của các mảng lớn, những khóm cây hay cây đứng độc lập. Cảnh xa thường có một đối tượng nổi bật lên một cách đặc biệt về chiều đứng (nổi trên nền trời hoặc nền nào đó). Công viên không được tạo hình sẽ buồn tẻ và thiếu bản sắc. Việc tạo nên điểm nhìn của phong cảnh có ý nghĩ lớn.

Các phong cảnh có chiều sâu khác nhau tạo nên trên cơ sở của những quy luật của phối cảnh đường thẳng và phối cảnh không trung (màu sắc).

Các quy luật của phối cảnh đường thẳng quy định sự thay đổi kích thước và hình thức của các yếu tố tạo cảnh.

Để quyết định việc thay đổi độ sáng khi giải quyết chiếu sáng và bố trí màu sắc phải dựa trên cơ sở các quy luật phối cảnh không trung. Độ sáng của màu sắc và ánh sáng thay đổi phụ thuộc vào độ trong suốt của không khí. Các yếu tố mềm mại uyển chuyển với các sắc thái xanh nhạt dường như ở xa người quan sát, còn các yếu tố rõ nét, tương phản thì ngược lại, dường như ở gần.

Việc thay đổi màu sắc của vật liên quan với vật ở xa người quan sát là bao nhiêu và ngược lại được gọi là phối cảnh màu sắc. Mối quan hệ về màu sắc rất đa dạng theo từng màu, theo bão hoà màu, theo độ sáng của màu.

Khi sử dụng phối cảnh trong phong cảnh công viên mối tương quan màu sắc cần theo những tiêu chuẩn sau:

1. Cần dùng mọi sắc thái của thực vật.
2. Các "vệt màu" trong bố cục phong cảnh cần được mở rộng đến mức tối đa (đặc biệt khi ở xa).
3. Khi phối hợp các vệt mầu bão hoà như nhau việc tương quan màu sắc cần được cân bằng kích thước của các vật có vệt màu đó.

4. Sắc nóng làm sáng khu đất.

5. Sắc xám sáng và óng ánh làm dịu sự tương phản mạnh.

6. Màu trắng hài hoà với tất cả các màu khác.

III.1.4. Mối tương quan của các dạng theo sự chiếu sáng

Việc phối hợp màu sắc trong bố cục phong cảnh vườn công viên chỉ thực hiện được trong điều kiện chiếu sáng tốt.

Phối cảnh sâu, việc tạo không gian của cây xanh, mối tương quan về hình khối của thực vật nhấn mạnh vai trò ánh sáng và bóng tối.

Việc biểu hiện sáng và tối phụ thuộc vào những tia nắng mặt trời, mùa của năm và thời gian của ngày.

Ánh sáng là yếu tố chính tạo nên vai trò bóng tối và bóng sáng, biểu hiện dáng dấp cây trồng... giúp cho mối quan hệ tạo hình của các khối bộc lộ các yếu tố đẹp nhất trong phong cảnh.

Bóng được chia làm bóng tự thân và bóng đổ. Độ xẫm của bóng phụ thuộc vào độ chói của ánh sáng, độ chặt của vật và vị trí tương quan của vật.

Trong các khoảng trống, bóng có hiệu quả nhất. Vì vậy chiều rộng không gian hở trong công viên cần có ít nhất là ba lần chiều cao của cây. Sự tương phản của bóng sáng tối được xác định bằng độ xa của vật đối với người ngắm.

Buổi chiều và tối, vai trò của bóng sáng tối được tạo nên do nguồn sáng nhân tạo.

III.1.5. Mối tương quan theo "phactua"

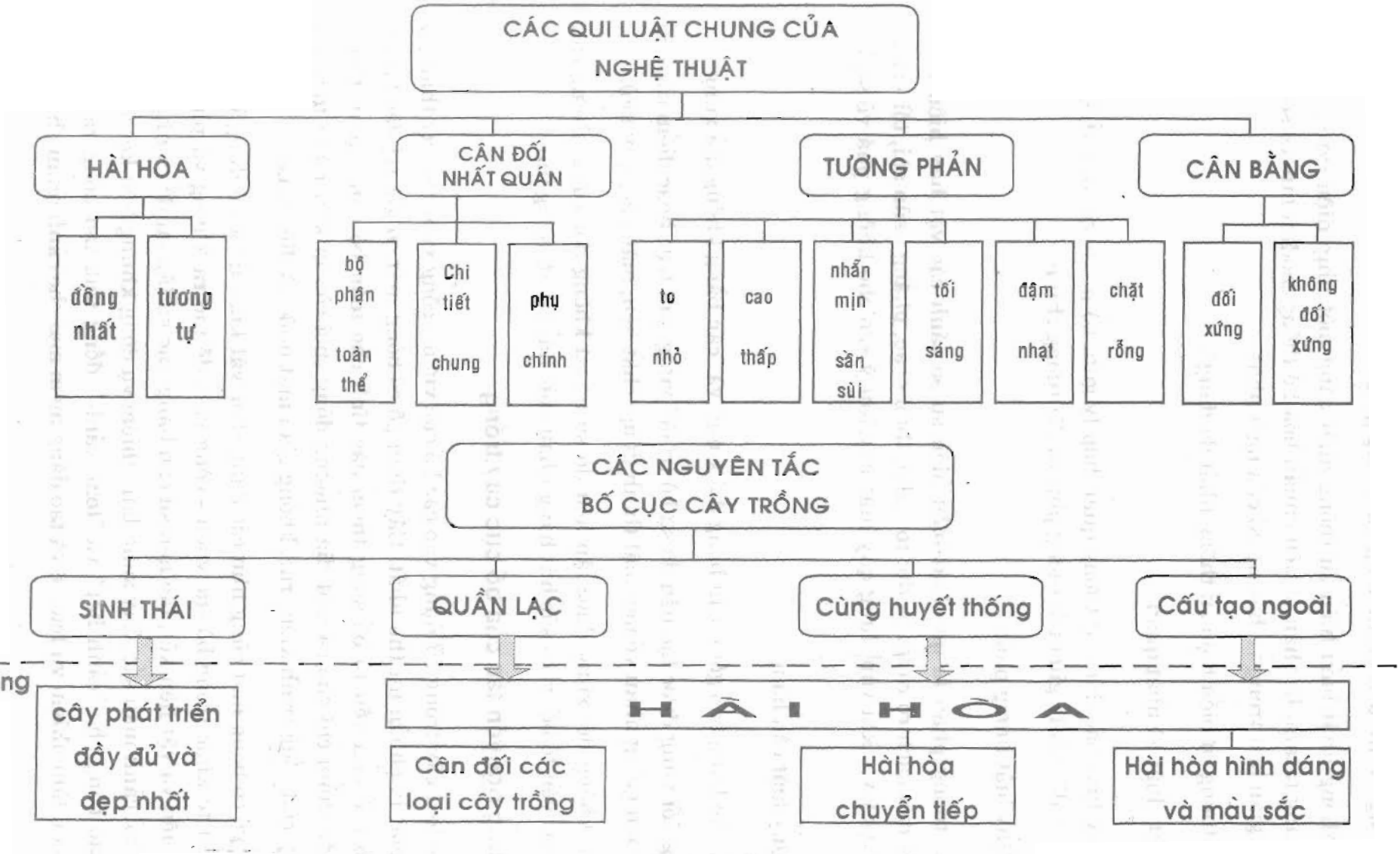
"Phactua" có nghĩa là bề mặt khác nhau của các cây trang trí. Có thể là mịn hay sần sùi, bóng hay nhám. Việc sử dụng mối tương quan theo nhân tạo cho phong cảnh phong phú đặc biệt.

III.2. Các quy luật của nghệ thuật cảnh quan (Hình III.2)

Cũng như bất kỳ nghệ thuật bố trí nào, các quy luật của nghệ thuật bố trí vườn - công viên là sự cân đối và thống nhất, sự cân bằng và hài hòa nhất quán giữa các phần trong việc xây dựng nên những tổ hợp yếu tố và những yếu tố của cảnh quan.

III.2.1. Quy luật cơ bản

Quy luật cơ bản là quy luật hài hòa, bao gồm hài hòa đồng nhất và sự hài hòa trong các yếu tố tạo nên một bố cục hoàn chỉnh có thể cảm thụ khi sự sắp xếp được thực hiện lặp đi lặp lại chính những yếu tố hình dáng và không gian ấy quy luật hài hòa tương tự là sự hài hòa trong các yếu tố tạo nên bố cục hoàn chỉnh có



Hình III.2. SƠ ĐỒ CÁC QUY LUẬT CHUNG CỦA NGHỆ THUẬT
SƠ ĐỒ CÁC NGUYÊN TẮC BỐ CỤC CÂY TRỒNG

thể cảm thụ được khi sự sắp xếp được thực hiện bằng cách lặp đi lặp lại những yếu tố tương tự nhau về hình dáng và không gian.

Hài hòa thống nhất biểu hiện sự thống nhất cùng một nhịp điệu (ví dụ ở Nhật Bản sử dụng tatami là nhân tố tiêu chuẩn hóa hệ thống môđun làm cơ sở cho tất cả không gian bên trong và bên ngoài của ngôi nhà).

"Hài hoà tương tự biểu hiện sự thống nhất đa dạng".

III.2.2. Quy luật và nhất quán

Đây là quy luật bảo đảm sự tương quan hợp lý giữa bộ phận và toàn thể, giữa ý đồ phụ và ý đồ chính, giữa đối tượng phụ và đối tượng chính.

III.2.3. Quy luật tương phản

Quy luật tương phản là quy luật biểu hiện sự so sánh các vật hay hiện trạng khác biệt một cách rõ ràng. Ví dụ: to - nhỏ, thấp - cao, phẳng - sần sùi, tối - sáng, đậm - nhạt v.v... khi vận dụng quy luật này lưu ý sao cho không phá vỡ sự hài hòa.

III.2.4. Quy luật cân bằng

Quy luật cân bằng bao gồm "cân bằng đối xứng" và "cân bằng không đối xứng".

Cân bằng đối xứng được tạo nên do sự bố trí đối xứng qua trục hoặc điểm các yếu tố hoàn toàn giống nhau về mọi mặt (hình dáng, chất liệu, màu sắc, quy mô).

Cân bằng không đối xứng được lập nên do sự bố trí không đối xứng nhưng cân xứng do các yếu tố bố trí có sức hút bằng nhau (sức hút sự nhìn ngắm).

III.3. Những nguyên tắc của bố cục cây trồng

Trong các loại cây trồng sử dụng vào các bố cục vườn - công viên thì cây thân gỗ có bóng mát là chiếm ưu thế nhất. Cây thân gỗ có bóng mát có giá trị đặc biệt ở chỗ nó có thể làm yếu tố bổ sung thêm đặc tính cho toàn bộ cảnh quan thiên nhiên hoặc thậm chí cho cả một địa phương đồng thời còn là khả năng tô điểm cho vẻ đẹp của công trình kiến trúc, không gian mặt nước và điêu khắc.

Cây thân gỗ có bóng mát cũng như các dạng thực vật khác được sử dụng kết hợp với các yếu tố khác trong bố cục vườn - công viên để tạo ra khung và phần che phủ, làm nền và vật liên kết, tạo nên sự cân bằng, tạo sự lập lại để có nhịp điệu, để tăng phối cảnh màu sắc. Cây xanh làm nhiệm vụ đóng khung liên kết và phân chia để tạo bóng cho "cảnh hẹp" và "toàn cảnh", đồng thời tạo bóng râm mát. Ngoài ra còn làm nhiệm vụ bảo vệ và tạo dáng mềm mại cho cảnh quan chung.

Trong bố cục phong cảnh vườn - công viên vẻ đẹp riêng của từng cây, vẻ đẹp của phối kết cây là một trong những cơ sở tạo cảnh đẹp. Và để cho cảnh độc đáo mỗi bố cục cảnh quan sử dụng một loại cây trội nhất, còn các loại khác là phối hợp hài hòa với cây chính ấy. Việc chọn cây trồng có một vài nét chung như chung về cấu tạo về hình dáng, màu sắc, tính chất phát triển sẽ đạt được sự hài hòa thống nhất.

Việc chọn toàn cây rụng lá thì cấu trúc không trung sẽ đặc biệt sáng, song thiếu sinh động. Việc phối kết giữa cây rụng lá và cây lá xanh quanh năm sẽ tạo cho phong cảnh sinh động.

Những nguyên tắc cơ sở cho việc chọn loại cây trồng trong vườn - công viên

III.3.1. Nguyên tắc sinh thái

Đứng về mặt thực vật thì sinh thái học là môn học về mối quan hệ của thực vật với môi trường xung quanh. Mỗi hình thái thực vật là một dấu ấn của điều kiện địa lý và khí hậu mà thực vật đó hình thành.

Sự bố trí thống nhất các hình thái ngoài của thực vật và các điều kiện của nó sinh trưởng trong cảnh quan vườn - công viên được xem như sự hài hòa thống nhất về thẩm mỹ. Trên quan điểm này có thể xem nghệ thuật vườn - công viên là nghệ thuật bố trí các cây có đặc điểm hình thái bên ngoài nhất định, trong điều kiện sinh trưởng thích hợp với nó. Vì vậy, nếu bảo đảm được nguyên tắc này, các cây mà ta chọn sẽ phát triển đúng hình thái đẹp nhất của cây.

III.3.2. Nguyên tắc quần lạc

Thực vật trên trái đất được hình thành theo hệ thống quần lạc thực vật, có nghĩa là thực vật sinh trưởng có ảnh hưởng tương hỗ lẫn nhau, bao gồm những thành phần nhất định. Nếu vận dụng đúng sẽ tạo cho bố cục vườn - công viên có cấu trúc cân đối.

III.3.3. Nguyên tắc cùng huyết thống

Thực vật có nhiều loại có những điểm chung về hình dáng tán, tính chất phân cành, hình dáng thân, cấu tạo vỏ, thân, cành v.v... dựa vào thực chất này để phối hợp nhiều loại một cách hài hòa. Ví dụ rừng thông có thể gồm nhiều loại thông, rừng bạch đàn gồm nhiều loại bạch đàn như bạch đàn trắng, bạch đàn chanh v.v...

III.3.4. Nguyên tắc cấu tạo ngoài

Nguyên tắc cấu tạo ngoài là nguyên tắc tạo nên sự hài hoà về hình dáng và màu sắc bên ngoài. Cơ sở của nguyên tắc này là sự giống nhau, sự hài hoà, sự cân đối về hình dáng bên ngoài; cách sắp xếp và màu sắc của cây.

III.3.5. Những nguyên tắc phối kết cây

Vận dụng các nguyên tắc nêu trên để chọn loại chủ yếu cho việc phối kết cây thành khóm, đám v.v... theo quy mô, chiều cao, hình dáng, màu sắc.

Những điểm chủ yếu khi phối kết:

1. Cây đứng độc lập phải cách xa các cây khác tối thiểu ba lần chiều cao cây để bảo đảm cây phát triển trọn vẻ đẹp về mọi phía.
2. Thận trọng khi đưa vào phối kết cây có cấu trúc độc đáo để bảo đảm sự hài hoà trong bố cục chung.
3. Cây có hoa đưa vào bố cục cần chú ý tỷ lệ phù hợp với các yếu tố xung quanh.
4. Trong một bố cục cây, các cây đưa vào cần phù hợp nhau về thời gian sống.
5. Trong một nhóm hay hỗn hợp không nên dùng quá ba loại cây.

III.4. Những đề nghị về nguyên tắc chủ yếu của bố cục cảnh quan

Việc xây dựng những nguyên tắc bố cục phong cảnh dựa trên những kinh nghiệm lâu đời của nghệ thuật vườn - công viên các nước trên thế giới và những tinh hoa của truyền thống nghệ thuật vườn Việt Nam. Thêm vào đó là những nguyên tắc đề xuất mới nhằm phát huy tác dụng của nghệ thuật vườn - công viên trong lĩnh vực phục vụ rộng rãi quần chúng nhân dân; nâng cao tính nghệ thuật, làm đẹp thêm cho các đô thị của chúng ta.

Các đề nghị về nguyên tắc bố cục vườn - công viên, tác giả sắp xếp theo ba nhóm sau:

Nhóm thứ nhất: Các nguyên tắc bố cục phong cảnh qua học tập kinh nghiệm nước ngoài có thể áp dụng vào Việt nam.

Nhóm thứ hai: Các nguyên tắc bố cục phong cảnh rút ra có chọn lọc từ kinh nghiệm cổ truyền của dân tộc.

Nhóm thứ ba: Các nguyên tắc đề xuất mới.

III.4.1. Các nguyên tắc bố cục phong cảnh qua học tập kinh nghiệm nước ngoài có thể áp dụng vào Việt Nam

Các kinh nghiệm về bố cục vườn - công viên ở nước ngoài nói chung đều xuất phát từ điều kiện cụ thể của đất nước đó trên các mặt địa lý, khí hậu, phong tục tập quán, trình độ khoa học kỹ thuật, tín ngưỡng và chính trị , kinh tế, xã hội. Do đó việc tiếp thu các kinh nghiệm này được áp dụng vào đâu, trong trường hợp nào sẽ được nêu rõ.

III.4.1.a. *Vận dụng vườn Ai Cập*

Vườn cổ Ai Cập có đặc điểm: trung tâm bố cục rất rõ nét (hồ nước). Đặc điểm này nên đưa vào các vườn nhỏ, vườn tượng đài, bố cục toàn thể của công viên, bố cục một khu vực trong công viên, ... đều rất phù hợp. Ngoài ra, kinh nghiệm bố cục trung tâm thoáng mát; cây trồng từ thấp đến cao, kể từ trung tâm tạo thành không gian riêng biệt có thể vận dụng vào bố cục một vườn nhỏ, kín (phòng xanh).

III.4.1.b. *Vận dụng nghệ thuật vườn Lưỡng Hà*

Kinh nghiệm nổi bật ở vườn Lưỡng Hà là bố cục vườn treo (vườn phân nhiều tầng theo chiều cao). Đây cũng là kinh ngiệm của vườn tầng bậc ở Italia thời kỳ Phục Hưng. Ở nước ta có thể áp dụng làm vườn trên mái nhà. Những vườn xây dựng trên khoảng trống trong các nhà cao tầng, kiểu vườn này thích hợp cho vùng đất thiếu màu, khô cằn, vùng biển (có thể đổ đất màu đưa từ nơi khác đến).

Loại vườn này đưa vào địa hình đồi núi có thể là các vườn bố trí trên các bậc liên tiếp như nương rẫy của đồng bào miền núi; có thể là hệ thống vườn trên mái các ngôi nhà xây liên tiếp nhau trên sườn đồi.

III.4.1.c. *Vận dụng nghệ thuật vườn Ấn Độ*

Nói chung, nghệ thuật vườn ấn Độ có nhiều ảnh hưởng đến nghệ thuật vườn Việt Nam. Tuy vậy cũng có những nét tiêu biểu ảnh hưởng đậm nét hơn chưa được sử dụng rộng rãi.Ví dụ như việc sử dụng mặt nước trên trục chính của một bố cục đối xứng. Đây cũng là truyền thống của nghệ thuật vườn Việt Nam. Trên trục đối của những quần thể kiến trúc lớn, thường được dùng mặt nước để làm tôn công trình thêm lộng lẫy và thoáng rộng; tạo không khí trầm tĩnh trong bố cục chung; đồng thời cải tạo khí hậu vào những ngày oi bức. Tuy nhiên, ta còn vận dụng một cách sáng tạo hơn là ngoài bố cục đối xứng có sử dụng mặt nước vuông vắn như Văn Miếu, còn bố cục vừa đối xứng vừa theo dạng tự nhiên như mặt nước ở lăng Minh Mạng, hoặc bố cục hoàn toàn như trong thiên nhiên ở lăng Tự Đức.

III.4.1.d. *Vận dụng nghệ thuật vườn Trung Quốc*

Nghệ thuật vườn Trung Quốc cho chúng ta nhiều kinh nghiệm đặc sắc về bố cục:

• Mô phỏng tự nhiên: những kinh nghiệm và mô phỏng tự nhiên phù hợp với bố cục tự do của vườn Trung Quốc cũng phù hợp với truyền thống nghệ thuật vườn Việt Nam. Các kinh nghiệm ghép đá, tạo dáng suối, thác ghềnh... rất bổ ích cho chúng ta. Đặc biệt là bố cục có trung tâm là mặt nước ở dạng tự nhiên.

• Dựa vào bố cục những yếu tố gây ảo giác và tạo tâm trạng: về mặt này nghệ thuật vườn Trung Quốc có cả một kho tàng phong phú về các thủ pháp.

Việc gây ảo giác xa gần, nóng lạnh, rộng hẹp, sâu nông, cao thấp ... bằng các quy luật phối cảnh, bằng màu sắc, bằng sự tương phản là những kinh nghiệm rất quý mà nghệ thuật vườn công viên Việt Nam cần tiếp thu.

Việc tạo tình huống bất ngờ thường được các nghệ sĩ Trung Quốc bố trí sau những cửa đi đa dạng trong vườn ở sau mỗi cửa, một cảnh đẹp khác đang chờ đợi du khách, làm cho người xem luôn luôn bị thu hút lôi cuốn. Các cảnh đẹp thường tương phản bất ngờ gợi trí tò mò.

Để tạo cảnh bất ngờ, không gian của vườn thường chia cắt thành nhiều gian nhỏ hoặc bằng những tường trang trí có trổ cửa, hoặc bằng những đám cây dày v.v...Tuy nhiên việc gây sự bất ngờ liên tục của vườn - công viên Trung Quốc làm cho người xem bị lôi cuốn vì sự tò mò là chính. Điều này dễ gây mệt mỏi vì luôn thay đổi tâm trạng. Theo tác giả, chúng ta tạo cảnh bất ngờ có mức độ, vừa đủ lôi cuốn người xem, nhưng không gây mất ổn định trong tâm trạng du khách. Ta chỉ tạo những cảnh đó qua từng khoảng "rừng thưa" hay qua những chỗ ngoặt của đường dạo. Như vậy, giữ được sự hấp dẫn của tự nhiên hơn là cảm giác đi xem triển lãm.

Việc tạo tâm trạng bằng những âm thanh là kinh nghiệm độc đáo của nghệ thuật vườn - công viên Trung Quốc. Làm cho tác phẩm nghệ thuật có tiếng nói của tự nhiên. Điều này đặc biệt có giá trị cho những vùng xa thiên nhiên.

III.4.1.đ. *Vận dụng nghệ thuật vườn Nhật Bản*

Hai vấn đề đặc sắc nhất của vườn Nhật Bản là tính tượng trưng và sự hài hòa với thiên nhiên xung quanh; không "lấn át" thiên nhiên. Hai vấn đề đều gần gũi với vườn cổ Việt Nam.

Tính tượng trưng của vườn Nhật Bản mang tính chất triết học sâu xa (mỗi viên đá đều như có hồn).

Bố cục tự do dựa theo thiên nhiên của nghệ thuật vườn - công viên Nhật Bản cũng do nguyên nhân đất nước này có thiên nhiên khắc nghiệt: hay có động đất dữ dội, sóng thần khủng khiếp; con người muốn tồn tại phải lựa chiều sao cho

thích nghi với thiên nhiên. Quan niệm này ông cha ta cũng rất tâm đắc, thể hiện rõ trong thắng cảnh Hương Sơn. Tuy nhiên, điểm xuất phát ở ta có khác, không phải vì sợ hãi thiên nhiên mà người Việt Nam chọn bố cục mô phỏng thiên nhiên là bố cục cơ bản, mà vì bản chất người Việt Nan ưa tự do phóng khoáng, yêu quý thiên nhiên, thích gần gũi thiên nhiên.

Ngay trong một công trình hoàn toàn nhân tạo như lăng Tự Đức, kiểu bố cục hoàn toàn tự do đã được chọn.

III.4.1.e. ***Vận dụng nghệ thuật vườn nhỏ Tây Ban Nha***

Nghệ thuật vườn nhỏ Tây Ban Nha là loại nghệ thuật vườn kín tiêu biểu nhất dưới thời trung cổ.

Kiểu bố cục này thích hợp với cách dùng tượng trưng. Bản thân tác giả đã vận dụng vào một đồ án khá thành công: Đồ án thiết kế quy hoạch vườn di tích Đại Nội Huế.

III.4.1.g. ***Vận dụng nghệ thuật vườn La Mã hay vườn Italia thời Phục Hưng***

Bố cục điển hình của loại vườn này là bố cục đối xứng chặt chẽ của một quần thể công trình qua một trục dọc. Dạng này rất gần gũi với ta. Tuy nhiên ở nước ta không dùng cây cắt xén và tượng tròn (chỉ trừ một vài tượng trước lối vào công trình (nghê, voi, lân, lính hầu, v.v...). Trong bố cục vườn - công viên hiện đại, ở ta sẽ vận dụng nghệ thuật cây cắt xén để tạo hình nghệ thuật (điều này vô cùng phù hợp vì ở ta rất nhiều loại cây có khả năng cắt xén như bỏng nổ, tùng la hán, duối, mẫu đơn, ngâu v.v...)

Việc sử dụng tượng trong vườn - công viên như kiểu vườn Italia là hợp lý, ở nước ta dùng để nhấn mạnh lối vào, làm trung tâm bố cục khu vực, trang trí các tường hoa, các bậc thang v.v...

III. 4.1.h. ***Vận dụng nghệ thuật vườn - công viên Pháp***

Hai xu hướng của vườn - công viên Pháp là xu hướng hình học đối xứng (điển hình là công viên Vecxây) có xu hướng tự do (điển hình là công viên Bagaten) đều cho chúng ta kinh nghiệm bổ ích.

Ở công viên Vecxây tính tư tưởng được đưa vào bố cục thủ pháp đối xứng chặt chẽ trong một diện tích mênh mông (1700 ha) thể hiện được tư tưởng của nền quân chủ chuyên chế, quyền bất khả xâm phạm của nhà vua. Song trên quan điểm nghệ thuật vườn - công viên, bố cục của công viên đã biểu hiện mạnh mẽ chủ đề tư tưởng: làm cho nó có linh hồn. Nghệ thuật bố cục vườn - công viên Việt Nam không thể không vận dụng đặc trưng ưu việt này của các tác phẩm công viên

Vecxây. Ở công viên Vecxây còn nhấn mạnh sự hài hòa chặt chẽ giữa bố cục chung toàn công viên và bố cục từng phần trong công viên.

Ở công viên Bagaten đã biểu hiện tính tư tưởng yêu tự do với nguyên tắc bố cục mềm mại theo từng nét tự nhiên: những con đừng uốn khúc theo địa hình, những hang động v.v... Kiểu bố cục này rất phù hợp với điều kiện thiên nhiên và truyền thống Việt Nam. Tuy nhiên ở Bagaten có cái nên tránh đó là phong cách không nhất quán và trường phái chiết trung (để kích thính tính hiếu kỳ, tác giả vườn này đã đưa vào (không chọn lựa kỹ) cùng một lúc các kiểu vườn khác nhau: vườn Trung Quốc, trụ kiểu Ai Cập, mộ Pharaông, nhà thờ kiểu Gô tích, ngôi nhà kiểu Ấn Độ v.v...).

III.4.1.i. *Vận dụng nghệ thuật vườn Anh*

Vườn Anh thời cận đại với đặc trưng là những bãi cỏ rộng, trên đó có bò cừu thanh thản ăn cỏ; khu vườn dường như là một góc thiên nhiên ngẫu nhiên hài hòa đẹp đẽ chứ không có bàn tay con người tham gia vào. Nguyên lý của Reptơn có thể vận dụng rất thành công ở Việt Nam, đặc biệt là ở Trung du có địa hình phức tạp: những đồng cỏ xen lẫn đồi núi thung lung mặt nước.

III.4.1.k. *Vận dụng nghệ thuật vườn - công viên Liên Xô (cũ)*

Tất cả các loại vườn - công viên đã nêu trên đều là những công trình phục vụ cho đối tượng là tầng lớp trên của xã hội đương thời. Chỉ có công viên dưới chế độ xã hội chủ nghĩa mới là nơi nghỉ ngơi giải trí cho đông đảo quần chúng, cho mọi tầng lớp trong xã hội. Tính chất phục vụ mới này rất phù hợp với xã hội Việt Nam hiện đại. Để phù hợp với tính chất quảng đại quần chúng của công viên, nguyên tắc cơ bản của bố cục công viên là phân chia thành những vùng chức năng riêng, hoàn toàn phục vụ theo tính chất sử dụng của từng vùng, đáp ứng mọi nhu cầu, cho mọi tầng lớp mọi lứa tuổi. Vận dụng vào Việt Nam nguyên tắc này sẽ kết hợp cho thích nghi với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Công viên Lênin ở Hà Nội là công trình đầu tiên áp dụng các nguyên tắc của công viên "văn hoá và nghỉ ngơi" của Liên Xô ở nước ta.

III.4.1.l. *Vận dụng nghệ thuật vườn - công viên hiện đại ở một số nước khác*

Xu hướng tạo hình trong nghệ thuật vườn - công viên hiện đại ở một số nước hiện nay đang là các thực nghiệm thú vị mà tác giả đề tài cũng đưa vào vận dụng ở Việt Nam. Tuy nhiên, ở đây tác giả chỉ nêu lên một vài công trình tiêu biểu như các "vườn điêu khắc" hay còn gọi là "tượng cảnh quan" ở công viên Tơrăngblơ ở Pari (Pháp) vườn tiểu khu ở Rôcđai (Mỹ)... Những vườn - công viên này được làm theo nguyên tắc xem vườn là một tác phẩm điêu khắc, tạo nên những địa hình nhân tạo phức tạp. Loại này ở Việt Nam có thể vận dụng vào những thành phố

cải tạo, trong những khu ở cũ thiếu đất làm vườn; những vùng bên sông bãi đầm lầy; những vườn triển lãm, vườn thiếu nhi, vườn nhóm nhà v.v...

Tóm lại, qua việc phân tích những nguyên tắc bố cục nghệ thuật vườn - công viên của các nước có thể vận dụng vào nước ta, tác giả đúc kết lại thành ba nguyên tắc chủ yếu phù hợp với nghệ thuật vườn công viên Việt Nam.

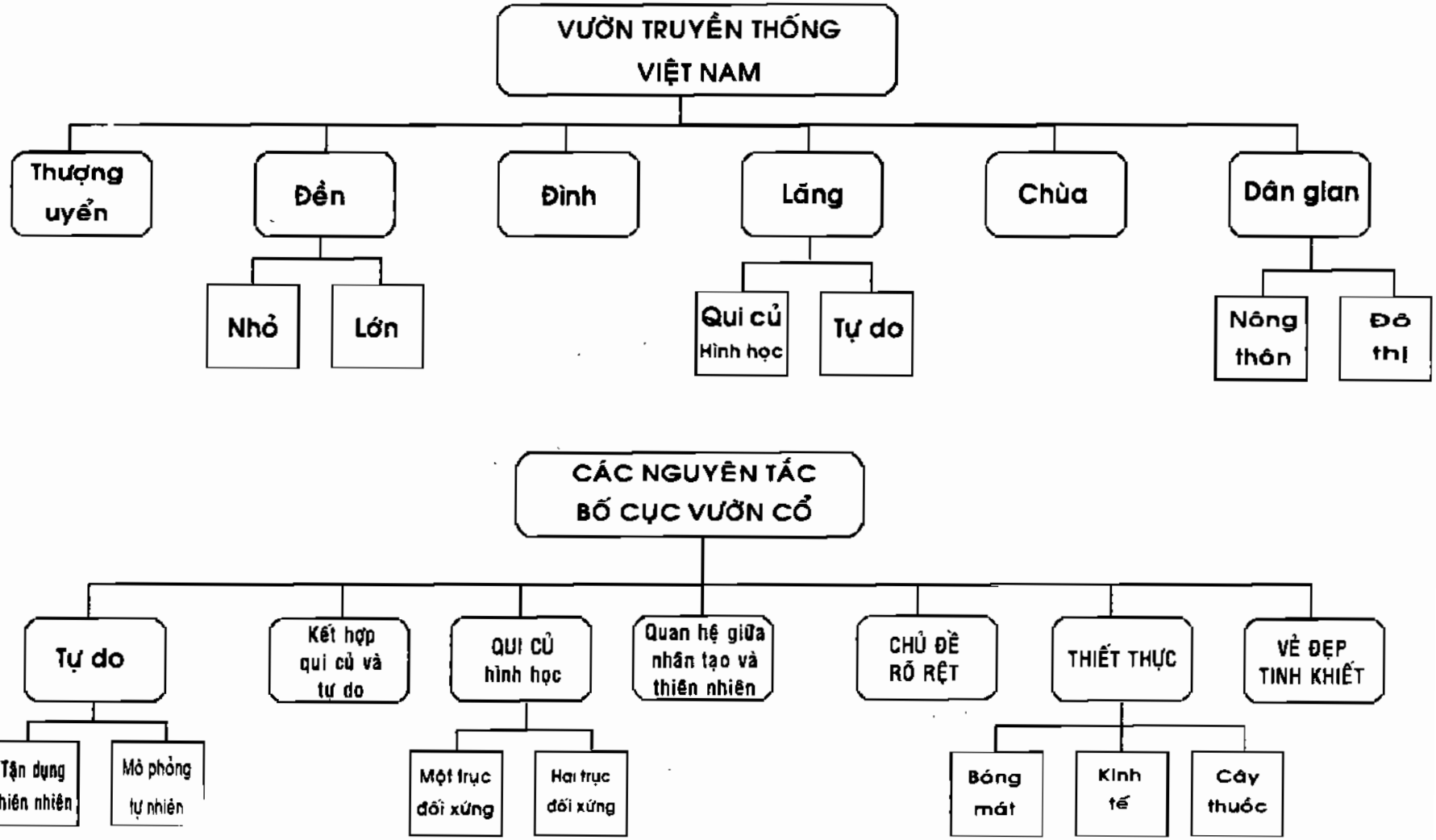
1	Nguyên tắc tính hệ thống	• Có trung tâm bố cục • Phân khu chức năng nhưng thống nhất thành một khối
2	Nguyên tắc bố cục tự do	• Hài hoà với thiên nhiên • Mô phỏng tự nhiên • Tạo hình điêu khắc
3	Nguyên tắc có tính tư tưởng	• Bố cục tượng trưng

III.4.2. Các nguyên tắc bố cục phong cảnh vườn - công viên rút ra có chọn lọc từ kinh nghiệm cổ truyền của dân tộc (Hình III.3)

Nghệ thuật vườn - công viên của ta đã có từ lâu đời nhưng nghiên cứu để đúc kết thành những nguyên tắc vận dụng thì hầu như chưa ai đề cập tới. Trên tư liệu thư tịch và nghiên cứu thực địa bước đầu phân tích một số vườn - công viên cổ của ta, tác giả xin mạnh dạn đúc kết, đưa ra những nguyên tắc để thực nghiệm vận dụng cho vườn - công viên của ta hiện nay.

III.4.2.a. ***Nguyên tắc triệt để tận dụng thiên nhiên***

Trong nhiều cảnh quan nổi tiếng của Việt Nam, ông cha ta đã thực hiện nguyên tắc tận dụng thiên nhiên, chỉ sửa sang ít nhiều một cách khéo léo là có một cảnh quan đẹp. Hương Tích, Yên Tử là những ví dụ điển hình của nguyên tắc này. Ở Hương Tích có chùa Tiên Sơn, am Phật Tích, chùa Hương Tích... đều là những hang động được tạo thêm những lối đi, những bậc thang. Chùa Giải Oan tựa vào vách núi nổi bật màu sáng của công trình trên vách đá xẫm màu ở lưng chừng núi. Đó là một công trình nhỏ, mỏng, xây ốp vào miệng một hang đá, chỉ có thể làm thành một ngôi chùa đẹp. Những cây đại vươn thân mình cổ kính lên những bậc đá là yếu tố nhân tạo nhưng dường như do thiên nhiên tạo ra từ ngàn xưa. Cầu Hộ là một ví dụ về nguyên tắc vận dụng thiên nhiên: với đường nét mảnh



Hình III.3. **SƠ ĐỒ PHÂN LOẠI VA NGUYÊN TẮC BỐ CỤC VƯƠN TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM**

mai, chiec cau be nho bồng trở thành trung tâm của bố cục mang tính chất "sơn thủy hữu tình".

III.4.2.b. ***Nguyên tắc mô phỏng thiên nhiên***

Công trình nghệ thuật vườn - công viên biểu hiện rõ nét nhất của ta về thực hiện nguyên tắc mô phỏng thiên nhiên là hòn giả sơn thường gọi là "non bộ". Các yếu tố của bố cục non bộ đã trở thành nguyên tắc: đá, nước, cây hãm nhỏ hoặc rêu, các kiến trúc nhỏ thường gặp trong cuộc sống (cầu, miếu v.v... bằng sành sứ hay đất nung) toàn bộ các yếu tố trên được sắp xếp một cách nghệ thuật thành một hòn giả sơn đặt trên một cái bể (hình chữ nhật) nhỏ. Ngoài ra vườn tiêu biểu nhất cho nguyên tắc mô phỏng thiên nhiên là vườn lăng Tự Đức. Vườn có hồ theo dạng mặt nước tự nhiên, có đồi thông có những lối đi quanh co uốn khúc theo bờ hồ.

Hai công trình tiêu biểu nhất nêu trên là một vài tác phẩm trong những tác phẩm vườn - công viên mô phỏng thiên nhiên lí tưởng theo ý muốn của tác giả. ở đây ta như bắt gặp ý niệm của George Gromort (kiến trúc sư phong cảnh ở Pháp). Quan niệm của ông là mục đích của chúng ta: việc tạo nên một cái vườn không phải là sự sao chép một cách ngẫu nhiên những cảnh quan thiên nhiên mà tạo nên một thiên nhiên có phong cách.

III.4.2.c. ***Nguyên tắc kết hợp bố cục hình học và bố cục tự do***

Đây là một nguyên tắc rất độc đáo trong nhiều bố cục vườn Việt Nam. Tiêu biểu cho việc thực hiện nguyên tắc này là vườn lặng Minh Mạng ở Huế, về cơ bản đây là một bố cục chặt chẽ. Nhưng kết hợp với trục đối xứng có những công trình đăng đối hai bên là đường nét tự do không đối xứng của hồ Trong Sáng. Hồ uốn khúc mềm mại ôm lấy đồi thông, hài hòa với hai mảnh hồ đối xứng trước Huyền Cung. Ngoài ra sự kết hợp hài hòa giữ hai thủ pháp này là cận cảnh nhân tạo và viễn cảnh của núi Sài Sơn xa mờ, làm trung tâm cho vùng cảnh phía tây của trục. Ở vườn Minh Mạng còn được vận dụng thuyết phong thủy trong đó bố cục còn lưu ý phía tây mở không gian thoáng, phía đông khép không gian bằng núi đồi rừng cây.

III.4.2.d. ***Nguyên tắc vận dụng mối quan hệ giữa cảnh quan nhân tạo và cảnh quan sẵn có trong thiên nhiên***

Trong bố cục chung của vườn truyền thống Việt Nam, thường cảnh quan thiên nhiên xung quanh được khéo léo đưa vào hoặc làm viễn cảnh cho một phong cảnh (do thuyết mở không gian phía tây) hoặc là sự tiếp tục nới rộng cảnh quan của vườn nhân tạo như cảnh quan chùa Thầy. Nguyên tắc này phù hợp với công viên Vécxây của Pháp (tạo cảnh vô bờ bến).

III.4.2.đ. ***Nguyên tắc chủ đề tư tưởng rõ rệt***

Mỗi vườn đều có một chủ đề rõ rệt mang tính tư tưởng của vườn, cũng như sự nhất quán trong toàn khu vườn đó. Có thể nêu vườn lăng Tự Đức làm ví dụ: chủ đề của vườn là biểu hiện sự "khiêm nhường" và mang tính chất thơ. Ngoài tòa Hòa Khiêm Diện có quy mô tương đối lớn, còn mọi công trình đều nhẹ nhàng xinh xắn sắp xếp theo bố cục tự do, ẩn hiện sau những lùm cây gò đất. Các chòi nghỉ, nơi ngâm thơ (Du Khiêm Tạ, Xung Khiêm Tạ) đặt bên Lưu Khiêm hồ thể hiện chất thơ. Trong những vườn cảnh dân gian, chủ đề tư tưởng thường được biểu hiện bằng những chậu cây thế (thế trực) hoặc non bộ với thế hòn giả sơn.

III.4.2.e. ***Nguyên tắc có vẻ đẹp tinh khiết***

Qua hầu hết các vườn cổ truyền từ vườn nhà ở, vườn sân đình, chùa, lăng... đều toát lên một vẻ đẹp chung nhất. Đó là sự giản dị không khoa trương, không đi vào sự vụn vặt, tỉa tót mà chú trọng tạo không gian lớn, những đường cong lớn, ít gây đột ngột. Toàn bố cục toát lên một vẻ đẹp tinh khiết giản dị nhưng sâu sắc mộc mạc mà thâm thuý. Đôi khi chỉ có một vài cây to bóng mát trong sân gạch (như sân vườn đình, vườn chùa v.v...) cũng thành một bố cục hoàn chỉnh, hài hòa với khung cảnh xung quanh.

III.4.2.g. ***Nguyên tắc sử dụng dạng hình học đều đặn***

Những dạng hình học được sử dụng trong kiến trúc cổ của ta phần lớn là hình đều đặn: hình vuông, tròn, bát giác, lục lăng. Rất ít khi dùng hình lệch. Nếu dùng hình chữ nhật thì thường là nửa của hình vuông (do đó chữ nhật được dùng của ta bao giờ cùng là chữ nhật dài). Hình bán nguyệt của vườn cổ cũng là nửa hình tròn. Vườn dân gian ưa chuộng nhất là hai hình vuông tròn. Tục ngữ ta thường có câu "ăn ở cho vuông tròn", " mẹ tròn con vuông". Đây cũng xuất phát từ đạo lý trung hiếu vẹn toàn, tình nghĩa thủy chung, ăn ở đầy đặn. Trong nhiều công trình vườn cổ của ta có dạng vuông tròn như Khuê Văn Các trong Văn Miếu, cột thường tròn đế cột là đá tảng hình vuông. Hình vuông, hình tròn đã có sự tích bánh chưng, bánh dày mang tính triết học về vũ trụ quan, về nhân sinh quan của người Việt Nam.

III.4.2.h. ***Nguyên tắc thiết thực hay thực dụng***

Với một đất nước thiên nhiên phong phú nhưng khí hậu lại khắc nghiệt như nước ta, cái đẹp không tách rời với cái thực dụng. Không thể bố cục những cây tuy rất hài hòa về màu sắc nhưng để cạnh nhau lại gây tổn thất cho nhau, hoặc trong một vùng nắng chói chang lại thiếu bóng râm của những lùm cây quanh năm xanh lá. Cây đa đầu đình che nắng cả một khoảnh sân lớn trong những ngày hè

oi bức, vườn cạnh nhà ở dân gian che nắng xiên khoai, vườn trước nhà xen những cây hoa đẹp hay thơm là những cây ớt đỏ, rau húng, rau dăm; đôi khi là một vườn thuốc. Giàn cây leo trước nhà vừa là một yếu tố của vườn cảnh vừa là giàn che mát vừa lại cho lá ăn được (thiên lý).

III.4.2.i. ***Nguyên tắc bố cục hình học đối xứng - cao dần theo trục dọc***

Vườn có bố cục hình học đối xứng ở Ai Cập có trục đối xứng thẳng góc với nhau ở vùng trung tâm vườn, vườn có bố cục hình học trên địa hình giật cấp là ở vườn Italia; vườn có bố cục hình học đối xứng trên sân phẳng là vườn Pháp; còn vườn có bố cục hình học đối xứng cao dần theo trục dọc là vườn Việt Nam. Vườn này bố trí liên tiếp các sân phẳng, mỗi sân chênh nhau vài chục centimét với mục đích từ cổng vào đã nhìn thấy các công trình tận trong cùng nhưng không rõ "mồn một" mà chỉ thấp thoáng để biểu thị sự thống nhất toàn vẹn trong một bố cục, mặt khác tạo phối cảnh thêm sâu do có cận cảnh và viễn cảnh (rõ nét trong việc vận dụng nguyên tắc này là vườn Văn Miếu Hà Nội). Mặt đặc trưng nữa về bố cục hình học đối xứng Việt Nam là không có cổng chào và cây bố trí ở vị trí đối xứng nhưng lại không dùng loại cây cắt xén, thậm chí nhiều khi không trồng loại cây có tán cân đối (thông thường hay trồng cây dại).

III.4.3. Các nguyên tắc đề xuất mới

Ngoài những nguyên tắc chọn lọc trong kho tàng kinh nghiệm của nghệ thuật vườn - công viên trong và ngoài nước, tác giả cũng mạnh dạn đề xuất một số nguyên tắc mới.

III.4.3.a. ***Nguyên tắc trong một bố cục không có chi tiết thừa***

Với nguyên tắc này đòi hỏi người có vườn - công viên phải nghiên cứu tất cả các yếu tố đưa vào bố cục sao cho vừa đủ về số lượng, loại, hình dạng, màu sắc. Ở ıguyên tắc này sự hài hòa chưa đủ mà còn tinh giản đến mức tối đa những yếu tố đã hài hòa. Nguyên tắc này kết hợp nhuần nhuyễn với nguyên tắc " vẻ đẹp tinh khiết" của vườn truyền thống sẽ tạo cho nghệ thuật vườn Việt Nam một vẻ độc đáo thanh tao.

III.4.3.b. ***Nguyên tắc có màu sắc cả bốn mùa***

Thiên nhiên ta, đặc biệt là cây cỏ, hoa của đất nước ta có điều kiện tạo màu sắc suốt cả bốn mùa. Vườn - công viên của ta lúc nào cũng có sắc hoa tươi, vòm lá xanh thẳm và không có cây cối xơ xác ảm đạm (ngay cả vườn nghĩa trang cũng có sắc thẫm phù hợp với tính lạc quan yêu đời của người Việt Nam).

Vườn - công viên Việt Nam là những phối kết thân gỗ có hoa (cho cả bóng mát). Mùa xuân có đào phai nở rộ, nhành mai vàng hay trắng trong, cây hoa ban tím hồng. Màu sắc hoa sen với lá xanh rờn của sếu và nhội v.v... Mùa hè với những mảng hoa phượng đỏ, muồng hoa đào, bằng lăng hoa tím xen với khóm ngọc lan, hoàng lan thơm ngát hoặc những tán long não xanh sáng điểm thân đen xẫm. Mùa thu, khác hẳn phong cách phương Tây, ở ta vẫn có trúc đào trắng, hồng thắm, cây móng bò với cánh tán rủ điểm hoa tím đỏ hoặc móng bò hoa trắng phau bên những tán me mềm mại đưa từ rừng về... Có những lúc con người thích được đi trên thảm cỏ dày xanh một cách vô định, thả bước chân đi theo một suy nghĩ nào đó. Những vùng phong cảnh vận dụng nguyên tắc này đồng thời là vùng phong cảnh phải thường xuyên được đổi mới. Nguyên tắc này đã vận dụng trong vườn sau nhà sàn Bác Hồ: khu vườn này có một con đường mòn nhỏ do Bác đi mà thành. Người ta đề nghị xây mặt lát nhưng Bác không cho, Bác có ý kiến "Hãy để cho con đường tự hình thành" (theo lời kể của đồng chí Kì - bảo vệ của Bác - cho các kiến trúc sư thiết kế vườn sau lăng khu vực nhà sàn v.v... vào dịp tháng 10 - 1980).

III.4.3.c. *Nguyên tắc hệ thống toàn đô thị*

Trong bố cục một công viên, một vườn, tính hệ thống thường chỉ có tác dụng trong khu vực của vườn hay công viên ấy. Trong đô thị xã hội chủ nghĩa (đặc biệt đối với xứ nhiệt đới cây cối xanh tươi, um tùm) có thể áp dụng tính hệ thống của vườn - công viên trên toàn đô thị để tạo nên sự thống nhất hài hòa giữa các vườn - công viên, cảnh quan đô thị. Xem đô thị là một "vườn" khổng lồ. Vườn này có phân vùng cảnh quan theo chức năng cơ cấu quy hoạch thành phố, nguyên tắc phù hợp với quan niệm "hệ thống cây xanh thành phố". Tuy nhiên, tính chất tập trung ở đây cao hơn vì đã là một vườn - công viên thì có trung tâm bố cục chung, có chủ đề rõ rệt. Chủ đề này sẽ làm rõ bản sắc của đô thị: đặc trưng của địa mạo vùng xây dựng thành phố đó, đặc điểm khí hậu, loại cây chủ yếu, con người với những văn hóa phong tục cổ truyền tinh túy nhất. Nguyên tắc này là cơ sở cho cụm đô thị.

Phần IV

VIỆC VẬN DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC VÀO THỰC TẾ THIẾT KẾ

Những đề xuất ở phần III mang tính chất chung của vườn - công viên Việt Nam. Ở phần này tác giả nêu lên những ứng dụng các nguyên tắc đó vào bố cục cụ thể cho ngôi vườn hay một công viên, có phân thành hai loại rõ rệt.

Loại áp dụng vào bố cục toàn cảnh.

Loại áp dụng vào bố cục tiểu cảnh.

Ngoài ra tác giả còn đưa thêm những vận dụng vào việc biến cảnh quan địa lý thành cảnh quan kiến trúc.

IV.1. Việc vận dụng các nguyên tắc vào bố cục toàn cảnh (Hình IV.1)

Không phải vườn - công viên nào cũng thực hiện được cả 7 nguyên tắc nêu trong phần III.

IV.1.1. Áp dụng các nguyên tắc có chủ đề tư tưởng

Chọn một bố cục thể hiện được chủ đề tư tưởng của vườn - công viên là công việc đầu tiên quan trọng nhất của người thiết kế.

Cụ thể : muốn biểu hiện tính chất "quyền lực" "ảnh hưởng rộng khắp thì có thể dùng sơ đồ bố cục hình tia một nửa tròn (như công viên Vecxây) hoặc bố cục hình tia cả vòng tròn (như bố cục Khải Hoàn Môn trên quảng trường Ngôi Sao ở Pari). Tuy nhiên hai kiểu hình tia này đều phải được thực hiện trên diện tích rộng lớn mới biểu hiện được chủ đề trên. Nếu trên diện tích nhỏ thì hai kiểu hình tia này chỉ đạt hiệu qủa uy nghiêm trang trọng.

Chủ đề có tính chất "trang nghiêm đĩnh đạc" sẽ biểu hiện bằng sơ đồ vuông vắn đối xứng mà điểm trọng tâm của bố cục đặt ở sân, cuối trục chính. Để tăng tính chất trang nghiêm thì đường đi nên thẳng theo trục giữa và không ngắn, đồng thời áp dụng thêm ở đây nguyên tắc hình học đối xứng cao dần theo trục dọc sẽ đạt hiệu quả cao.

Hình IV.1. VẬN DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC BỐ CỤC PHONG CẢNH VÀO BỐ CỤC TRUNG CỦA VƯỜN

Hình IV.1. **VẬN DỤNG CÁC NGUYÊN TẮC BỐ CỤC PHONG CẢNH VÀO BỐ CỤC CHUNG CỦA VƯỜN**

Nếu diện tích vườn nhỏ hơn và trung tâm bố cục đặt ở giữa, có tường rào bao quanh vườn hoặc rào cây bao quanh thì tính chất của chủ đề sẽ trang nghiêm nhưng ấm áp hơn.

Chủ đề "đạo lý" có thể biểu hiện bằng bố cục vuông tròn theo truyền thống dân tộc.

Những chủ đề có tính chất phóng khoáng và tự do hoặc "lãng mạn tích cực" thì tất nhiên vận dụng bố cục tự do. Trường hợp này kết hợp những nguyên tắc tự do rất có hiệu quả. Ở đây, điêu khắc hoặc tượng biểu hiện chủ đề rõ nét nhất.

IV.1.2. Áp dụng nguyên tắc tự do trong bố cục chung

Nguyên tắc này thể hiện muôn hình muôn vẻ khi vận dụng vào bố cục toàn cảnh vườn - công viên.

Thông thường có hệ thống giao thông, mặt nước uốn lượn theo địa hình thiên nhiên hoặc địa hình nhân tạo mô phỏng tự nhiên. Ở đây bố cục tuy không đối xứng nhưng cân đối có trung tâm biểu hiện chủ đề chính; toàn bố cục các vùng phong cảnh cũng phục vụ theo chủ đề trung tâm.

Bố cục tự do áp dụng cho toàn vườn, tác giả đề xuất ba dạng chủ yếu.

Dạng cong tự do.

Dạng thẳng tự do.

Đường cong tự do kết hợp với đường thẳng tự do.

IV.1.3. Áp dụng nguyên tắc kết hợp bố cục tự do và bố cục hình học đối xứng

Theo tác giả, nguyên tắc này áp dụng vào bố cục toàn cảnh vườn - công viên chia làm ba dạng.

Dạng thứ nhất: Hệ thống đường, trục và công trình bố trí đối xứng, mặt nước bố trí tự do.

Dạng thứ hai: Đường trục và công trình đối xứng, cây bố trí không đối xứng.

Dạng thứ ba: Toàn bộ công trình khu vườn là đối xứng, nhưng lại mở khoảng trống về phía có cảnh đẹp thiên nhiên, đưa viễn cảnh xa vào không gian ngắm của vườn.

Dạng thứ nhất áp dụng vào những vườn công viên lớn vừa trang trọng vừa có tính chất thơ mộng. Ngoài mặt nước không đối xứng, có thể cả núi đồi cũng không đối xứng.

Dạng thứ hai áp dụng bố cục vườn nhỏ. Đôi khi chỉ cần một cây cổ thụ hoặc một khóm trúc đứng lệch một bên hoặc bố trí cây hai bên nhưng tán lá không ở dạng đối xứng.

Dạng thứ ba xuất phát từ địa mạo của đất nước ta: phần lớn đất nước có biển ở phía Đông, núi ở phía Tây. Do đó nếu những vườn công viên đặt theo trục Bắc Nam thì viễn cảnh thường là bên phải có biển, bên trái núi hay đồi cây. Nhân dân ta rất quen thuộc vườn đối xứng hình học những viễn cảnh bên ngoài lại là thiên nhiên với những đường nét mềm mại, tự do.

IV.1.4. Áp dụng nguyên tắc tính hệ thống trong bố cục toàn cảnh vườn công viên

Trong một vườn - công viên có phần khu chức năng; mỗi khu chức năng có trung tâm bố cục thể hiện chủ đề của khu. Những chủ đề các khu lại phục vụ cho chủ đề chung toàn bố cục vườn - công viên.

IV.1.5. Áp dụng nguyên tắc vẻ đẹp tinh khiết

Nguyên tắc này được áp dụng bố cục toàn cảnh bằng cách bố cục tổng thể vườn - công viên những yếu tố có bố cục mang đường nét giản dị, thoáng đãng, rõ ràng, rành mạch.

IV.2. Việc vận dụng các nguyên tắc vào bố cục tiểu cảnh (Hình IV.2)

IV.2.1. Áp dụng nguyên tắc có tính tư tưởng vào bố cục tiểu cảnh

Các tiểu cảnh cũng có chủ đề rõ rệt (tính tư tưởng này thống nhất với chủ đề chung của phong cảnh khu vực) mà tiểu cảnh được bố trí bên trong. Tính tư tưởng của tiểu cảnh có thể biểu hiện những sự tích, truyền thuyết dân gian; các hình ảnh tượng trưng cho đất nước hoặc các hình tượng biểu hiện nội dung tư tưởng của thời đại.

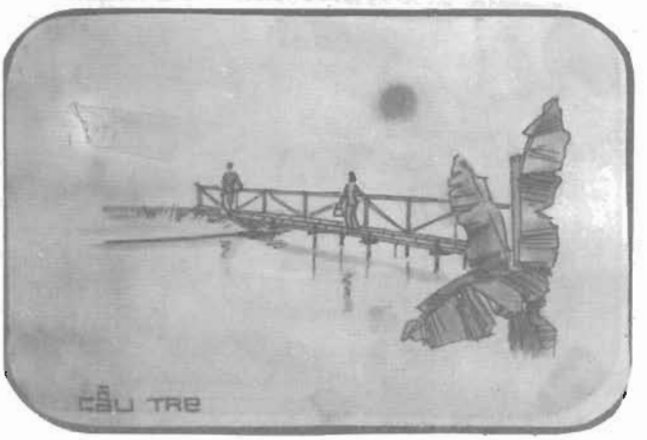
Để biểu hiện lòng chung thuỷ và tình nghĩa ruột thịt, lấy sự tích "trầu cau" làm chủ đề tư tưởng của tiểu cảnh. Biểu hiện bố cục cụ thể là một cây cau bên cạnh một tảng đá trắng, cho dây trầu không leo xung quanh thân cau. Tiểu cảnh này có thể bố trí ở một góc đường dạo bên một bồn hoa, bên công trình kiến trúc v.v...

Để biểu hiện truyền thống anh hùng của dân tộc có thể dùng tiểu cảnh tượng trưng sự tích Thánh Gióng: tượng một thanh niên cưỡi ngựa vung gươm bên cạnh một khóm tre xanh hoặc bụi tre la ngà mọc cạnh một hồ nước tượng trưng vết chân ngựa sắt của Thánh Gióng.

Một chiếc cầu tre, một cây đa che bóng cho quán nước, một cầu ao có những cây dừa nghiêng soi bóng, một hòn đảo trang trí toàn bằng san hô và vỏ ốc v.v... mỗi

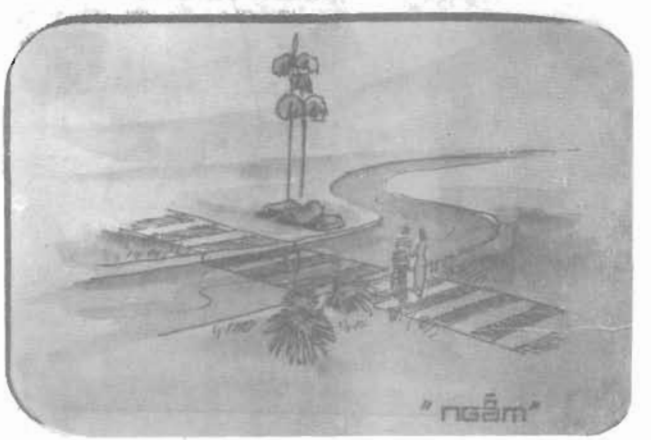

TRÂU CAU


TƯỢNG GIÓNG

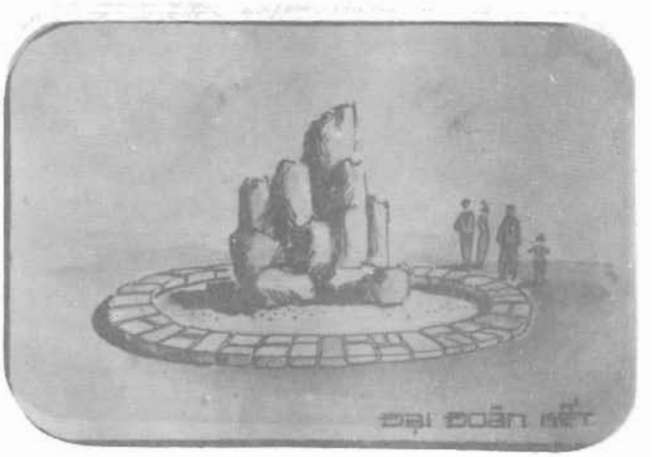

CẦU TRE


CÂY ĐA QUÁN NƯỚC


CẦU AO


"NGẦM"


CẦU TRE SỐNG


ĐẠI ĐOÀN KẾT



Hình IV.2 (tiếp)

tiểu cảnh trên đại diện cho mỗi vùng của đất nước, gợi lên những câu hò, những điệu dân ca, những nét sống sôi động của một miền đất nước, làm xúc động du khách bởi sự gần gũi quen thuộc.

Những chủ đề hiện đại biểu hiện tính tư tưởng trong các tiểu cảnh: dùng những hình ảnh tượng trưng một sự kiện lịch sử như tạo những ngầm qua dòng suối (chiến tranh cứu nước thời Pháp - Mỹ); hoặc sáng tạo những hình tượng mới tiêu biểu cho đất nước như "cầu tre sống"; hoặc một đạo lý như "đại đoàn kết" biểu hiện bằng một khóm đá sắp xếp trong một bố cục chặt chẽ mang tính nghệ thuật (một khóm cây to cao cũng biểu hiện được chủ đề này).

IV.2.2. Áp dụng nguyên tắc hệ thống vào tiểu cảnh vườn - công viên

Các tiểu cảnh tuy tự thân là một tác phẩm nghệ thuật nhưng lại nằm trong một bố cục chung của trung tâm bố cục chung ấy. Các tiểu cảnh không biểu hiện những chủ đề rời rạc với nhau, mà liên quan đến nhau theo một hệ thống thống nhất - hệ thống của bố cục toàn công viên. Ví dụ ta muốn xây dựng vườn "Nguyễn Du" thì các tiểu cảnh trong vườn thường là những mô tả truyện "Kiều", những tiểu cảnh ấy thống nhất thành một hệ thống phục vụ chủ đề "Kiều" hay rộng hơn, chủ đề Nguyễn Du. Hệ thống tiểu cảnh bố trí gợi cho du khách những vần thơ tuyệt tác:

"Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang "

Hoặc:

"Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha"
"Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa"
"Hải đường lá ngọn đòng lên
Giọt sương gieo nặng cành sương la đà".

Cũng như trên, ta có thể xây dựng "vườn quan họ", vườn "chèo", vườn "Văn Lang" v.v...

IV.2.3. Áp dụng nguyên tắc thực dụng trong bố cục tiểu cảnh

Tiểu cảnh trong bố cục vườn - công viên, ngoài chức năng thẩm mỹ, còn có thêm chức năng thực dụng bằng những cách như tạo nên các vùng bóng râm bằng tán cây hoặc chòi che nắng; bằng cách bố trí thêm những thiết bị ngồi nghỉ hoặc bản

thân tiểu cảnh có yếu tố trung tâm là một kiến trúc nhỏ phục vụ giải khát hay quán sách, quầy bán hàng lưu niệm v.v...

Áp dụng tính thực dụng vào tiểu cảnh làm cho tiểu cảnh thêm có sức hút. Có điều đáng lưu ý là chính những con đường dẫn đến tiểu cảnh cũng là một yếu tố tạo cảnh, thậm chí có những đoạn đường uốn khúc trên bải cỏ là một tiểu cảnh nên thơ.

IV.2.4. Áp dụng nguyên tắc tự do trong bố cục tiểu cảnh

Những tiểu cảnh mô phỏng thiên nhiên là vận dụng nguyên tắc bố cục tự do. Theo tác giả, áp dụng nguyên tắc này là tạo nên những phối kết lấy cảnh thiên nhiên làm mẫu.

Ví dụ:

Phối kết cây với cây

Phối kết những khóm cây cùng loại (khóm trúc, khóm vông đỏ, khóm cây bụi, khóm ban, khóm lộc vừng v.v...).

Phối kết những cây khác loại: vấn đề cốt lõi ở đây là am hiểu đời sống cây trồng. Những cây đứng cạnh nhau phải là những loại cây không ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của nhau. Mặt khác các cây này quanh năm tạo nên phối kết hài hoà về màu sắc hình dáng (vì có cây thay lá quanh năm nên luôn luôn có lá non cạnh lá già làm cây vẫn xanh nhưng có cây trơ cành hoàn toàn để rồi lại mọc lá non hoàn toàn gây thay đổi màu sắc và hình dạng. Do đó trong phối kết có tỷ lệ thích đáng giữa hai loại này).

Một vài ví dụ về phối kết đẹp: ban tím và vú sữa, bách tán nhãn và ngọc lan hay long não, ngâu với tùng bách tai tượng với huyết dụ, tếch với nhãn hoặc vàng anh, bằng lăng với phượng v.v...

Phối kết cây với nước (một số ví dụ điển hình)

Dừa quanh ao nước nhỏ, kênh, hào.

Liễu ven hồ.

Lộc vừng trên đảo (sông, hồ).

Hoa ban bên suối.

Rừng mơ bên suối.

Thủy trúc bên bờ nước nhỏ.

Bụt mọc bên hồ.

Sung, thông bên thác.

Si bên hồ.

Đa trên sông hoặc hồ nước lặng (vuông).

Sen súng trên mặt nước hồ.

Phối kết cây với đá, núi, đồi

Cây đại xen đá tảng.
Cau với đá xếp nghệ thuật.
Vảy cá leo tường đá.
Cọ và sườn đồi.
Thông trên núi.
Xương rồng dưới chân núi.
Đỗ quyên, mẫu đơn, sim trên đồi thấp.

Phối kết cây, đá, nước

Liễu hay móng bò hoa tím, tảng đá ven hồ.
Non bộ lớn (đảo nhỏ trong hồ).
Bể nước có bờ đá xếp tự nhiên với trúc đùi gà.

Phối kết tổng hợp bốn yếu tố cây, đá, nước và công trình kiến trúc

Bố cục tiểu cảnh nhiều yếu tố bao giờ cũng có một yếu tố làm trung tâm. Ví dụ như khu phong lan cây cảnh ở quán gió trong công viên Lênin. Công trình nhà giàn phong lan làm khung, trung tâm tiểu cảnh là hồ xếp đá ở giữa có trồng rải rác những khóm thuỷ trúc. Trong hồ nhỏ còn thả cá vàng làm cảnh.

Tiểu cảnh nhiều yếu tố thường phong phú và yếu tố thực dụng cao nhưng bảo đảm được bản chất tinh khiết, nhất quán cho toàn bố cục tiểu cảnh thì các yếu tố hợp thành phải sao cho hài hòa về màu sắc và hình khối.

Công trình trong phong cảnh chủ yếu là những công trình kiến trúc nhỏ như chòi, cầu, ghế ngồi.

Non bộ trong phong cảnh của ta là một bố cục tiểu cảnh tổng hợp đặc sắc theo xu hướng tự do. Non bộ là một tiểu cảnh mô phỏng thiên nhiên có núi, nước, cây mọc trên núi tượng trưng thảm rừng. Nhưng thiên nhiên đơn thuần thì chưa đủ mà còn điểm xuyết vào cảnh sơn thủy hữu tình đó những mái đình, mái chùa, tháp... ở những sườn núi cheo leo, những chiếc cầu làng quê nho nhỏ, ông già ngồi câu cá, bác tiều phu gánh củi, chú bé chăn trâu v.v... Đó là những hình ảnh của cuộc sống gần gũi. Theo tác giả, non bộ không được đưa những hình ảnh không có tính chất cổ xưa như nhà ở cao tầng, nhà lắp kính màu v.v...

IV.2.5. Áp dụng nguyên tắc bố cục hình học đối xứng trong tiểu cảnh vườn - công viên

Nguyên tắc này áp dụng trong vườn cảnh nhỏ. Đặc biệt thích hợp cho sân vườn trước công trình công cộng, sân nghỉ yên tĩnh, trung tâm bố cục.

Bố cục hình học vận dụng vào tiểu cảnh thông thường gồm ít yếu tố hợp thành. Ví dụ thềm cửa ra vào một công trình trong công viên bố trí hai chậu hoặc hai hàng chậu cảnh; bố trí hai hàng cây có tán đối xứng. Tuy nhiên, nguyên tắc chỉ áp dụng điểm xuyết so với toàn bố cục chung vườn - công viên.

IV.2.6. Áp dụng nguyên tắc bố cục hình học đối xứng và bố cục tự do trong tiểu cảnh vườn - công viên

Áp dụng y như trong bố cục toàn cảnh nhưng quy mô bé hơn (trong một sân) ví dụ mặt nước nhỏ, có hình dáng tự nhiên bố trí trong một sân vuông có lối vào đăng đối.

IV.2.7. Áp dụng vẻ đẹp tinh khiết trong bố cục tiểu cảnh

Các tiểu cảnh bao giờ cũng thống nhất phong cách (hoặc hiện đại, hoặc cổ kính) theo phong cách cùng một thời đại, nếu tập hợp nhiều cảnh như công viên Gagaten thì không đạt được vẻ đẹp tinh khiết của bố cục chung lẫn bố cục tiểu cảnh.

Áp dụng vẻ đẹp tinh khiết là không tham nhiều chi tiết, không sử dụng nhiều loại cây hoặc công trình kiến trúc nhỏ (chỉ cần ba loại cây đã đủ tạo một tiểu cảnh nổi có không gian ba chiều rõ nét).

Việc áp dụng các nguyên tắc vào thiết kế vườn - công viên tùy thuộc điều kiện cụ thể về thể loại vườn, quy mô và đặc trưng khu đất thiết kế mà áp dụng kết hợp đồng thời một số nguyên tắc. Không có vườn - công viên nào thể hiện đầy đủ cả 7 nguyên tắc. Tuy nhiên tác giả có ba nguyên tắc mang tính chất bao trùm mà vườn - công viên nào cũng phù hợp, đó là:

Nguyên tắc tính tư tưởng (thường được biểu thị bằng nguyên tắc tượng trưng).

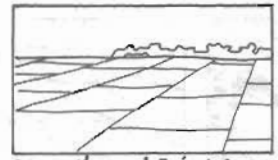
Nguyên tắc tính hệ thống.

Nguyên tắc vẻ đẹp tinh khiết.

IV.3. Vận dụng các nguyên tắc vào việc biến đổi cảnh quan địa lý thành cảnh quan kiến trúc (Hình IV.3a, IV.3b)

Đứng về góc độ kiến trúc phong cảnh, tác giả phân loại cảnh quan nước ta thành năm loại.

ĐỒNG BẰNG



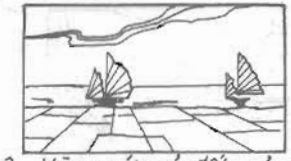
ĐB phẳng ở Bắc bộ



ĐB có núi x.kế ở Trung bộ

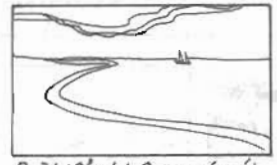


ĐB nhiều kênh lạch ở Nam bộ

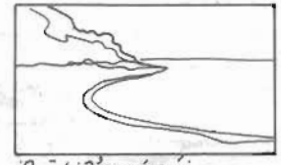


Vùng núi nửa đất nửa nước

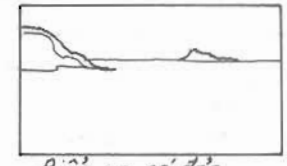
BỜ BIỂN



Bờ biển không có núi



Bờ biển có núi

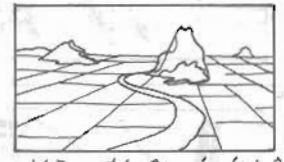


Biển xa có đảo

TRUNG DU

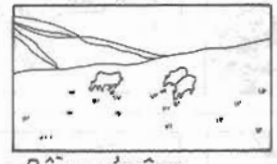


Ruộng hẹp giữa thung lũng

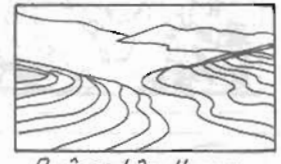


Vùng đá vôi có núi trên ruộng bằng

CAO NGUYÊN



Đồng cỏ rộng



Ruộng bậc thang



Đồi núi có rừng thông

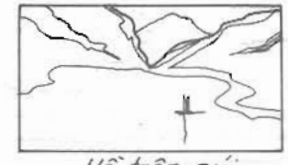
MIỀN NÚI



Suối



Thác

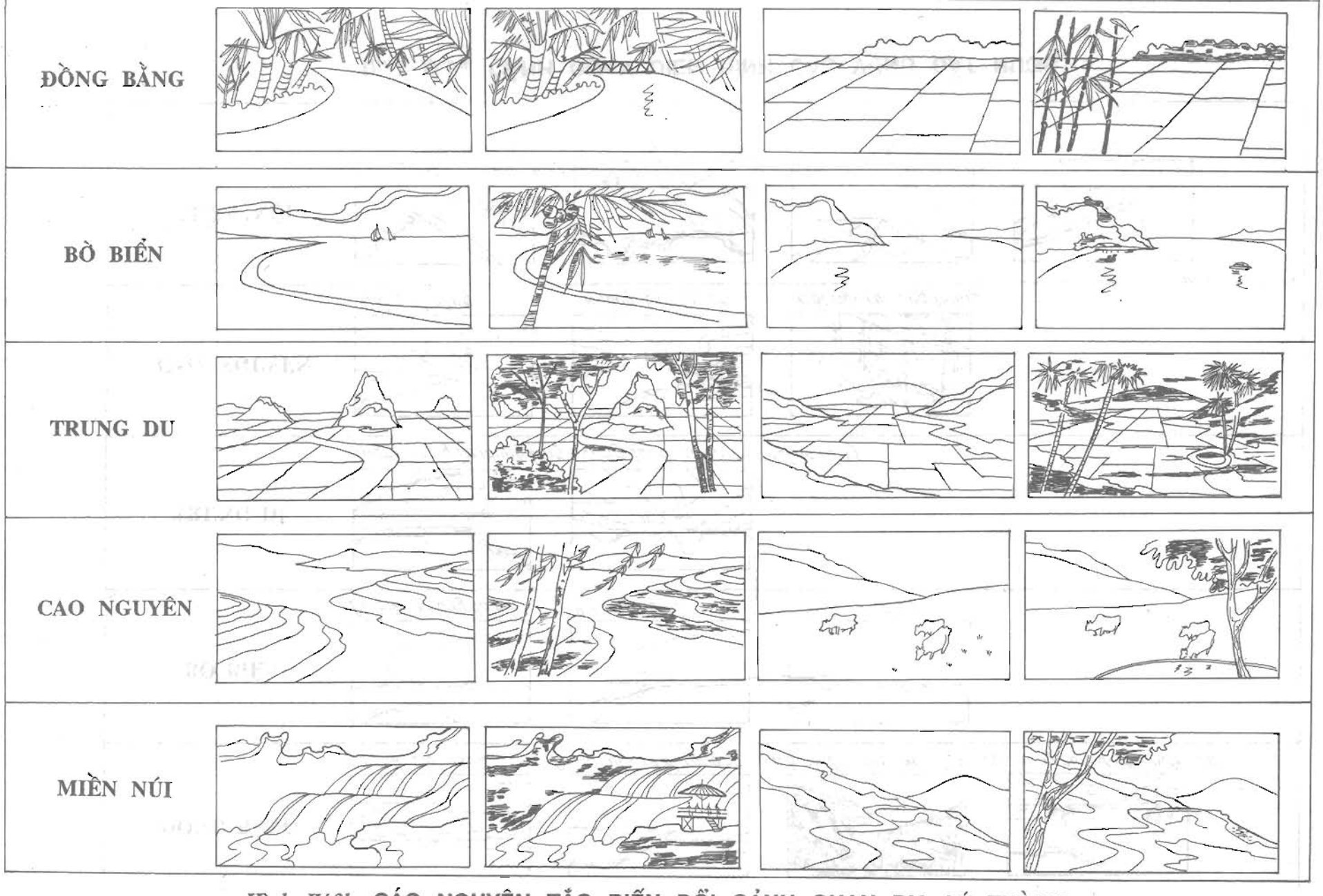


Hồ trên núi



Đèo

Hình IV.3a. **CẢNH QUAN ĐIỂN HÌNH CÁC VÙNG ĐẤT NƯỚC**



Hình IV.3b. **CÁC NGUYÊN TẮC BIẾN ĐỔI CẢNH QUAN ĐỊA LÝ THÀNH CẢNH QUAN KIẾN TRÚC**

IV.3.1. ***Loại 1*****: Đồng bằng**

Đồng bằng bao gồm các dạng cảnh quan sau

Cảnh quan thiên nhiên có địa hình bằng phẳng, xa xa là rừng hay núi (chủ yếu có ở Bắc Bộ).

Cảnh quan đồng bằng có sông núi xen kẽ (chủ yếu ở Trung Bộ)

Cảnh quan đồng bằng nhiều kênh lạch (chủ yếu ở Trung Bộ).

IV.3.2. ***Loại hai*** **: Bờ biển**

Bờ biển bao gồm các dạng cảnh quan sau

Bờ biển không có núi.

Bờ biển có núi.

IV.3.3. ***Loại 3*****: Trung du**

Trung du bao gồm các dạng cảnh quan sau

Trung du có vùng thung lũng.

Trung du có những đồi bát úp.

IV.3.4. ***Loại 4*****: Cao nguyên**

Cao nguyên gồm các dạng cảnh quan sau

Cao nguyên có đồng cỏ mênh mông.

Cao nguyên có địa hình giật cấp (ruộng bậc thang).

Cao nguyên đồi rừng.

IV.3.5. ***Loại 5*****: Miền núi**

Miền núi có những dạng cảnh quan

Núi có suối dưới chân núi.

Núi có thác.

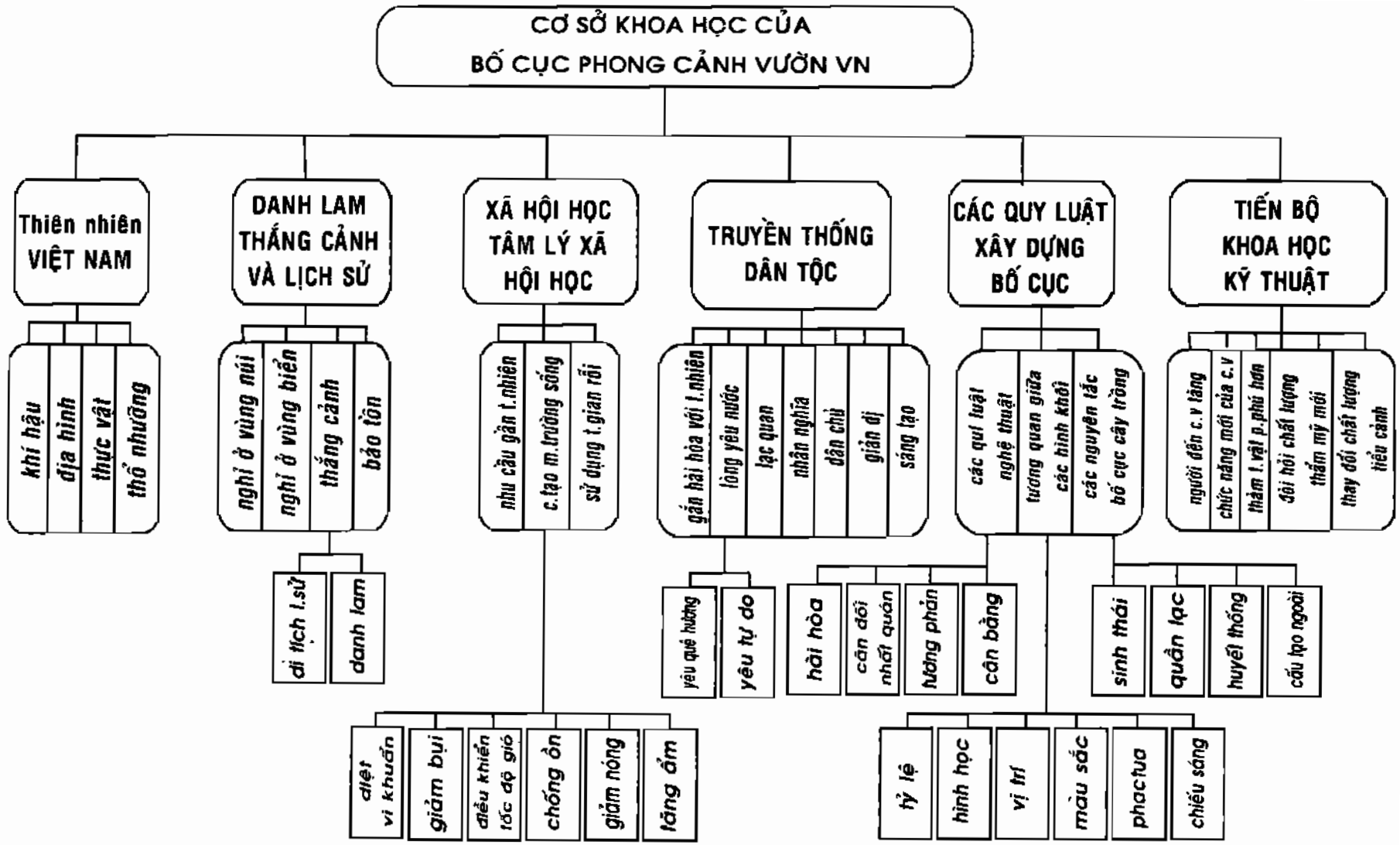
Hồ trên núi.

Đèo.

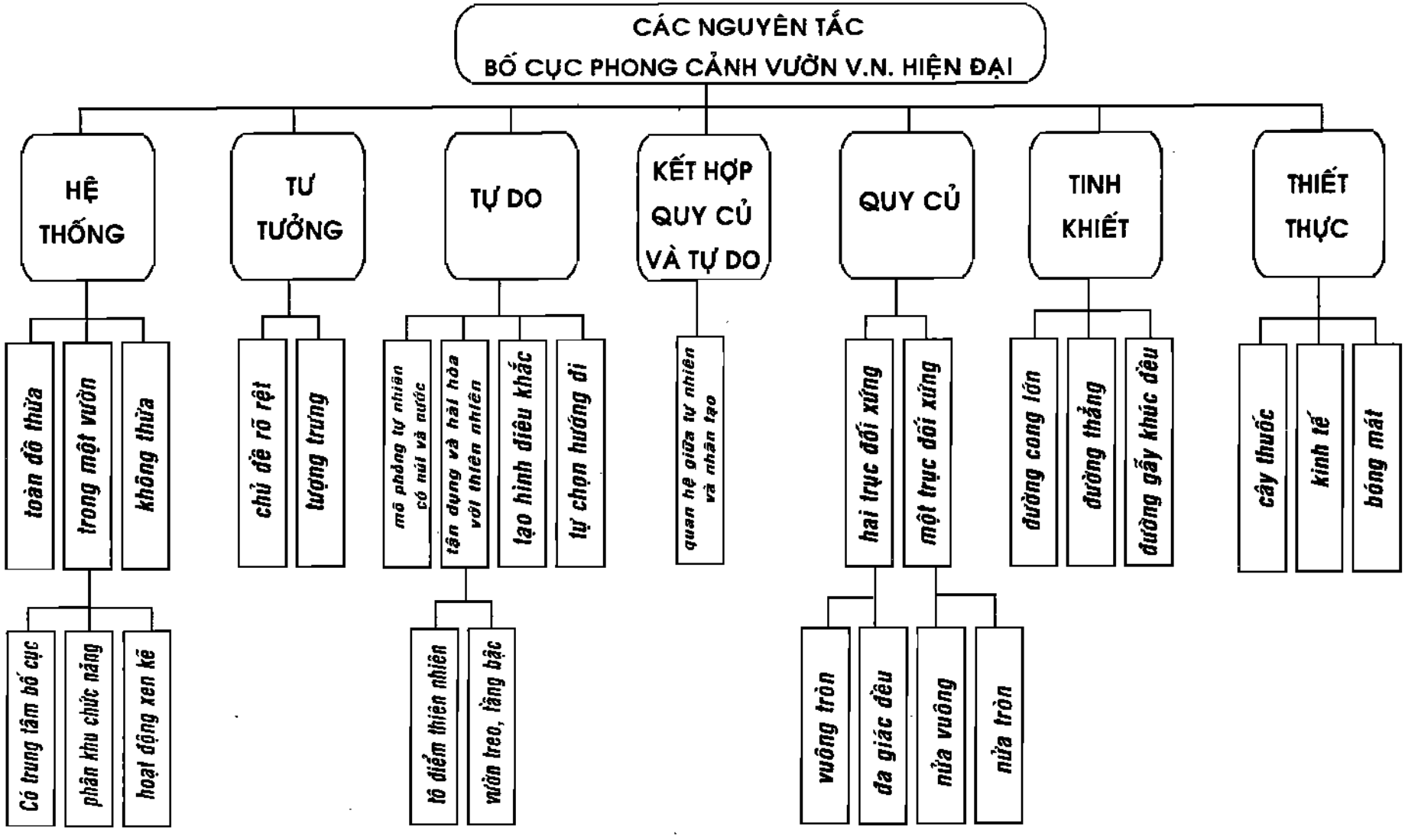
Để bạn đọc dễ theo dõi, tác giả xin trình bày hai hình vẽ mô tả cách phân loại cảnh quan nước ta và việc vận dụng các nguyên tắc vào việc biến đổi cảnh quan địa lý thành cảnh quan kiến trúc (Hình IV.3a, IV.3b).

Còn dưới đây tác giả đưa ra hai sơ đồ và một bảng phân loại để tóm tắt phần trình bày về kiến trúc phong cảnh và vườn Việt Nam.

1. Sơ đồ những cơ sở khoa học của bố cục phong cảnh vườn Việt Nam (Hình IV.4).
2. Sơ đồ các nguyên tắc bố cục phong cảnh vườn Việt Nam hiện đạI (Hình IV.5).
3. Bảng phân loại vườn truyền thống Việt Nam (Hình IV.6).



Hình IV.4. **SƠ ĐỒ NHỮNG CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA BỐ CỤC PHONG CẢNH VƯỜN VIỆT NAM**



Hình IV.5. **SƠ ĐỒ CÁC NGUYÊN TẮC BỐ CỤC PHONG CẢNH VƯỜN VIỆT NAM HIỆN ĐẠI**

QUI MÔ		LOẠI VƯỜN Theo tên công trình	TÊN VƯỜN	CÔNG DỤNG (Khoa học và kinh tế)	LOẠI CÂY TRỒNG	TÍNH CHẤT Bố cục mặt bằng	TÍNH CHẤT không gian	HIỆU QUẢ tâm lý, thẩm mỹ	GHI CHÚ
VƯỜN NHỎ	VƯỜN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	ĐÌNH CHÙA ĐỀN	CỔNG	báo hiệu bóng mát	đa, đề, si, gạo	Không đối xứng	mở	trang nghiêm bề thế	
		ĐÌNH, CHÙA, ĐỀN	TRƯỚC	bóng mát	muỗm, sanh, đại, vàng anh, ngọc lan	Đối xứng	mở- nửa kín	tôn kính	
		CHÙA	BÊN	kinh tế (có rào) bóng mát (không rào)	mít, nhãn, vải, chuối, muỗm, rau, sấu	Tự do	mở		
		CHÙA	SAU	đặt tháp sư kinh tế (có rào) bóng mát (không rào)	mít, nhãn, vải, chuối, muỗm, sấu		mở, nửa kín, có rào		
		CHÙA, ĐỀN	CẠNH	Hương thơm	ngâu, sói, hồng, huệ, láng, quỳnh, mộc	Không đối xứng	kín	thành kính thoát tục	
		CHÙA	TRONG			Đối xứng			
	VƯỜN NHÀ Ở	NHÀ Ở DÂN GIAN TẠI NÔNG THÔN	TRƯỚC	Kinh tế mỹ quan	cau, cây thuốc, hoa hồng, cúc.. rau thơm	Đối xứng (cau)	Mở	niềm nở thân mật, vui, ấm cúng	Chủ yếu ở nông thôn đồng bằng bắc bộ
			BÊN	Kinh tế bóng mát	mít, nhãn, tre	Tự do		Sự sung túc	
			SAU	kinh tế	mít, nhãn, ổi, chuối, xoan, tre		Kín		
		NHÀ Ở TẠI ĐÔ THỊ	TRONG	Cải tạo vi khí hậu	Hoa thơm, cây thế dân thiên lý, non bộ	Đối xứng	Kín	thỏa mãn lòng khao khát thiên nhiên và cái đẹp	
		NHÀ Ở CỦA GIỚI QUÍ TỘC NHO SĨ	TRONG, CẠNH	tạo hương thơm	non bộ, hoa thơm, cây thế, cây quí, thiên lý, địa lan		Kín, nửa kín	công phu, quí hiếm và đẹp	
VƯỜN LỚN		LĂNG	NHÀ LÝ,NHÀ TRẦN	Nơi chôn cất	cây bóng mát	Qui củ: đối xứng qua tâm (hình vuông)	Mở	Trang nghiêm	Thí dụ: lăng Trần Anh Tôn
			NHÀ LÊ			Qui củ: đối xứng qua trục, (đường thần đạo)	nửa kín		Thí dụ: lăng Lê Lợi
			NHÀ NGUYỄN MINH MẠNG		cây bóng mát, cây quí		mở nửa kín kín	trang nghiêm và thơ mộng	
			NHÀ NGUYỄN TỰ ĐỨC	Nơi vui chơi, nơi chôn cất	hoa thơm có lạ, cây bóng mát	Tự do		thơ mộng, trữ tình	
		THƯỢNG UYỂN		Nơi vui chơi và nghỉ ngơi của vua và gia đình	hoa thơm có lạ, cây quí	Tự do		tạo hình ảnh, hồng lai, tiên cảnh	Chưa có tư liệu về hình vẽ, bố cục

Hình IV.6. **PHÂN LOẠI VƯỜN TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM**

CÁC CÔNG TRÌNH THỰC NGHIỆM

Về phương diện thực nghiệm, tác giả đã xây dựng tại Hà Nội và một số tỉnh một loạt công trình kiến trúc phong cảnh lớn nhỏ từ những vườn cảnh cạnh nhà ở, trong cơ quan đến những khu vực rộng lớn như vườn Lăng Bác, khu vực Bảo tàng Hồ Chí Minh, cảnh quan khu di tích lịch sử Đền Hùng v.v... Dưới đây xin giới thiệu sơ lược hai công trình thực nghiệm về kiến trúc phong cảnh đã xây dựng tại Hà Nội là ***Trà Hoa Viên*** và ***Làng kiến trúc phong cảnh***.

TRÀ HOA VIÊN

Trà Hoa Viên (THV) là một ngôi vườn có tính chất triển lãm các tiểu phẩm và tiểu cảnh đồng thời là một ngôi vườn tượng trưng cho ý tưởng mới về nghệ thuật kiến trúc phong cảnh Việt Nam.

Vườn có bố cục đi để ngắm: Lần lượt từ cổng vào, bên phải là vườn dạo với các mảnh vườn:

"Mảnh vườn chào khách" có trung tâm là tiểu phẩm *"Vạn tuế thế tam đa"* có ý chúc khách *"Phúc lộc thọ"*.

"Mảnh vườn với bộ sưu tập xương rồng" có điểm xuyết tiểu phẩm *"Hạc chầu đỉnh"*, tiểu phẩm *"Sanh trực liên chi"*, tiểu phẩm *"Vạn tuế thế mẫu tử"*.

"Mảnh vườn lá màu quanh năm rực rỡ".

"Mảnh vườn các loại cây lưu niên ra hoa đẹp" có điểm xuyết non bộ.

"Mảnh vườn trăng khuyết có mành liễu rủ".

"Mảnh rừng nhỏ lộc vừng".

Cuối vườn dạo là *"Mảnh vườn tưởng niệm"*.

Vườn dạo là vườn lớn nhất. Bố cục vườn dạo ngoài các mảnh vườn nêu trên là những con đường mang ý nghĩa tạo cảnh: lúc thẳng, lúc cong, lúc rộng, lúc hẹp. Bên trái từ cổng vào là vườn trà. Có lều nhỏ lợp lá cọ, bên trong lều có bàn ghế mây để uống trà. Trung tâm vườn trà là một mái che hình nấm bằng cây tre sống phủ mát những bàn ghế đá dùng để ngồi uống trà ngoài trời. Vườn có hành lang nhỏ, có đồi sim xinh xinh, ôm lấy chân đồi là hồ sen súng có hình bán nguyệt.

Qua đồi sim của vườn trà là *"Vườn rượu"*. Vườn rượu mang ý tưởng: con người dùng rượu một cách tao nhã. Tại ngôi vườn nhỏ này có "*Tiểu phẩm tứ linh*" tức long, ly, quy, phụng và tiểu cảnh *"Tứ quý"* tức mai, lan, cúc, trúc. Trung tâm

vườn là một biểu tượng *"Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"* đề cao nghĩa sinh thành, đó là một cái giếng tượng trưng nguồn nước không bao giờ cạn. Từ giếng là con đường sỏi nhỏ chảy quanh vườn tượng trưng cho dòng suối.

Trà Hoa Viên còn có phần hệ thống vườn nhà ở: vườn trong nhà, vườn ngoài hiên và vườn trước nhà. Mỗi phần đều được bài trí thích hợp vừa tiện nghi vừa mang tính nghệ thuật tinh tế.

Trà hoa viên là một ngôi vườn đề cao giá trị nghệ thuật của kiến trúc phong cảnh, có phong cách dân tộc độc đáo qua các tiểu phẩm cổ truyền như non bộ, vạn tuế thế tam đa - thế mẫu tử, hạc chầu đỉnh, cửu phẩm - trực liên chi, si trực siêu, long, ly, quy, phụng. Mặt khác, trà hoa viên thực hiện quan niệm mới là tại nơi cảnh quan đẹp phải có các điểm để tổ chức các hoạt động, tạo những nơi giao tiếp cũng như tổ chức các sinh hoạt văn hóa và giải trí như uống trà, uống rượu, đàm đạo, thu thập thông tin mới và dạo ngắm v.v.. có nghĩa là tạo ra *"Đô thị trong phong cảnh"* chứ không phải chỉ đơn thuần *"Phong cảnh trong đô thị"*.

LÀNG KIẾN TRÚC PHONG CẢNH

Nước ta sẵn có thiên nhiên giàu đẹp: địa hình đa dạng cỏ cây hoa lá bốn mùa xanh tươi. Nhưng ta chưa khai thác hợp lý để tạo ra những phong cảnh đẹp tại nơi ở của mình.

Nước ta đã sớm có nền nghệ thuật cảnh quan đặc sắc (Hương Sơn, Yên Tử v. v..). Nhưng chúng ta chưa khai thác những bố cục phong cảnh cổ truyền đó để đưa vào các vườn nhà ở hiện nay (trong nhà, ngoài nhà). Đô thị Việt Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, không gian đô thị đòi hỏi có những khoảng trống thoáng như mặt nước cây canh (vườn - công viên). Bên cạnh những công trình cao to là những khoảng đặc rất cần có những công trình thấp tầng thoáng đãng tạo những khoảng rỗng trong không gian đô thị. Việc giữ lại vài ba khu làng cổ lâu đời được đô thị hoá bằng những trang thiết bị hiện đại cùng với việc xây dựng mới các khu đất theo kiểu làng (không gian thoáng đãng với những bố cục kiến trúc hài hòa với cây xanh và mặt nước) là cần thiết cho môi trường sống của người dân đô thị.

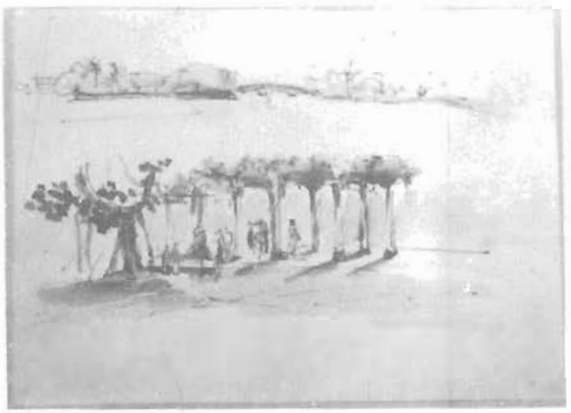
"Làng kiến trúc phong cảnh" là một mô hình mới được xây dựng với ý nghĩa thực nghiệm, nhằm đáp ứng các yêu cầu trên.

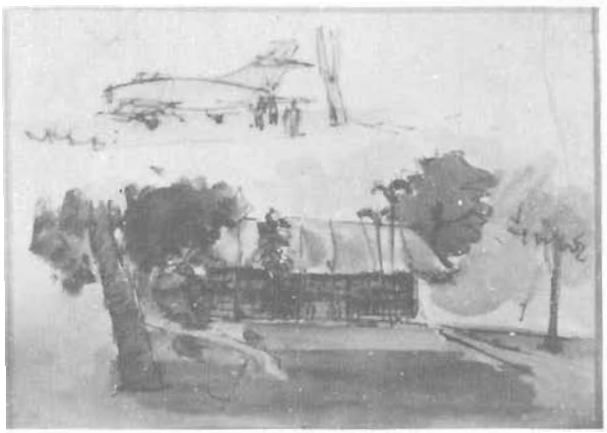
"Làng kiến trúc phong cảnh" là một dự án của đề tài KC II - II: *"Tổ chức môi trường sống, làm việc và cảnh quan đô thị"*. Đề tài nằm trong chương trình cấp Nhà nước (Chương trình nâng cao có hiệu quả [illegible] quản lý và xây dựng đô thị).

Phụ bản

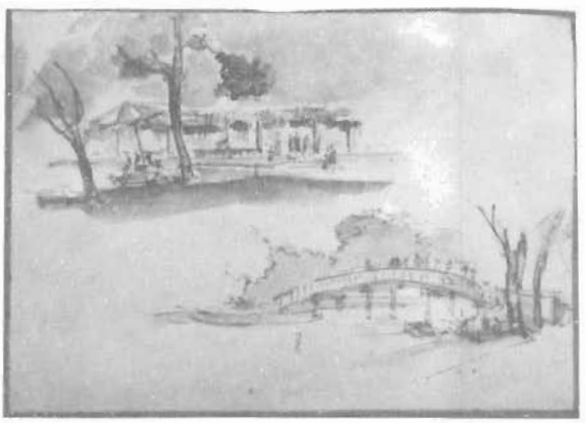
MỘT SỐ ĐIỂM CẢNH CỦA CÔNG VIÊN LÊ NIN
CÓ THỂ GIỮ LẠI ĐỂ CHỈNH TRANG











TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 JOHN ORMSBEE SIMONDS
Landscabe architecture.
F. W Dodge Corporation, New York, 1961.

2 BESACIER
"Essai sur l'art Annamite" I. D. O , 1944.

3 GEORGES GROMORT
"L'art des jardins", Paris, 1953.

4 MAGUERITE CHAREGEAT
"L'art des jardins", Paris, 1962

5 MURET J.P. 1983 Ministère de l'agriculture
"Espaces verts et qualité de la vie et du cardre de vie".

6 MAN DER KEMO
"Versailles", 1977.

7 LÊ BÁ THẢO
"Thiên nhiên Việt Nam".
Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1977.

8 TẠ THỊ BẢO KIM
"Việt Nam thắng cảnh" tập I
Nhà xuất bản phổ thông, Hà Nội, 1978.

9 TRỊNH ĐANG
"Giới thực vật trong lịch sử trái đất".
Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1983.

10 HOÀNG ĐẠO THÚY
"Phố phường Hà Nội xưa"
Sở văn hoá thông tin Hà Nội, 1974.

11 HOÀNG ĐẠO THUÝ
"Người và cảnh Hà Nội"

12 NGÔ HUY QUỲNH
"Tìm hiểu kiến trúc Việt Nam". In rônêô, Hà Nội, 1960.

13 LÊ KHẢ KẾ
"Cây cỏ thường thấy ở Việt Nam" tập 1, 2, 3, 4, 5, 6.
Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1969 - 1976.

14 NGUYỄN KHẮC VIỆN
"Huế passé et présent" études Vietnamiennes N° 37, 1973.

15 HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG
Thượng kinh ký sự.

16 ĐÀO NGỌC PHONG
"Ô nhiễm môi trường".
Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1979.

17 PHẠM NGỌC TOÀN
"Khí hậu nước ta".
Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1976.

18 LÊ PHƯƠNG THẢO
"Cây trồng đô thị".
Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội, 1980.
29 NGUYỄN PHI HÀNH
"Lược sử mỹ thuật Việt Nam".
Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1970.
20 TRẦN QUỐC VƯỢNG, VÕ TUẤN SÁN
"Hà Nội nghìn xưa".
Sở văn hoá thông tin Hà Nội, 1975.
21 NGÔ QUÂN MIỆN, QUANG DŨNG, TRẦN LÊ VÂN
"Gương mặt Hồ Tây". Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội, 1984.
23 ĐẶNG THÁI HOÀNG
" Những công trình kiến trúc nổi tiếng thế giới"
Nhà xuất bản văn hóa, Hà Nội, 1983.
22 ĐẶNG THÁI HOÀNG
"Hà Nội nghìn năm xây dựng"
Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội, 1990.
23 NGUYỄN THẾ BÁ
"Quy hoạch xây dựng đô thị"
Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội, 1982.
24 NGUYỄN THỊ THANH THỦY
"Bố cục vườn - công viên"
Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội, 1990.
25 NGUYỄN THỊ THANH THỦY
"Kiến trúc phong cảnh thành phố Hà Nội"
Nhà xuất bản Hà Nội, Hà Nội, 1985.
26 BÙI VẠN TRÂN (người dịch)
" Xây dựng xưa và nay" . Tác giả Phêrenx Sêbiốc
Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1975.
27 ĐỖ TẤT LỢI
" Cây thuốc Việt Nam
Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1982.
28 TRẦN VĂN GIÀU
" Giá trị tinh thần truyền thống dân tộc Việt Nam"
Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1980.
29 VÕ VĂN CHUYÊN
"Hỏi đáp về thực vật" tập 1, 2, 3, 4.
Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 1967.
30 ĐỖ VĂN MINH
"Thành cổ Việt Nam"
Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.
31 BALAKISINA F.C
"Hoàn thiện bên ngoài tiểu khu". Moxkva, 1964.
32 BARANOV N.V
" Kiến trúc sư trưởng thành phố". Moxkva, 1973.
33 BUNIN A.V, SAVARENSKAIA T.F
" Lịch sử nghệ thuật đô thị". Moxkva, 1974.

34 VECGUNOV A.P
"Bố cục kiến trúc vườn - công viên". Moxkva, 1980.
35 GALAKTIONOV I.I, VU A.V
" Cây trang trí trong các thành phố châu á của Liên Xô". Moxkva, 1963
36 GIRNOV L.L
" Nghệ thuật xây dựng công viên". Moxkva, 1977.
37 GEREKOVA G.I
" Phong cảnh và cấu trúc quy hoạch kiến trúc thành phố". Moxkva, 1978.
38 ZALESKAIA L.E
" Giáo trình kiến trúc phong cảnh". Moxkva, 1946.
39 ZALESKAIA. L.C, MIKULINA E.M
" Kiến trúc phong cảnh". Moxkva, 1979.
40 KOSAREVSKI I.A
" Bố cục công viên thành phố". Moxkva, 1971.
41 KOSAREVSKI I.A
" Công viên thành phố". Moxkva, 1977.
42 LUNS L.V
" Xây dựng đất đai thành phố". Moxkva, 1974.
43 LANCHENKO T.F
" Thiết kế khu an dưỡng và nghỉ ngơi". Kiev, 1983.
44 GUNTNOV A.E, LEGIAVA
" Thành phố tương lai". Moxkva, 1977
45 NIKOLAEVA N.S
" Vườn Nhật Bản". Moxkva, 1975.
46 PRIKHOTKO P.I
" Bố cục phong cảnh vườn nhỏ". Moxkva, 1976.
47 RUTXOV L.I
"Thiết kế vườn công viên". Moxkva, 1979.
48 RUTXOV L.I
" Cây và bụi cây trong kiến trúc phong cảnh ". Kiev, 1977.
49 RODISKIN I.D
" Thiết kế vườn - công viên ngoại thành hiện đại". Kiev, 1981.
50 SEVERIN S.I
"Quần thể cây xanh trong quần thể đô thị", Kiev. 1975.
51 TITÔVA N.P
" Những xu hướng hiện đại trong kiến trúc phong cảnh nước ngoài". Kiev, 1974.
52 XECKASOV I.I
"Thẩm mĩ của kiến trúc phong cảnh". Lêningrat, 1974.
53 " Công viên và nghỉ ngơi". Bộ văn hóa liên bang Nga. Moxkva, 1978.

MỤC LỤC

	Trang
Lời giới thiệu	3
Mở đầu	5
***Phần I.* Những bước đi ban đầu của kiến trúc phong cảnh**	
I.1. Phân kỳ sự phát triển nghệ thuật vườn - công viên trên thế giới	7
I.1.1.Thời kỳ cổ đại	7
I.1.1.a. Vườn cổ Ai Cập	7
I.1.1.b. Vườn cổ Lưỡng Hà	8
I.1.1.c. Vườn cổ Ấn Độ	8
I.1.1.d. Vườn cổ Trung Quốc	8
I.1.1.e. Vườn cổ Nhật Bản	9
I.1.1.f. Vườn cổ Hy Lạp	9
I.1.1.g. Vườn cổ La Mã	10
I.1.2. Thời kỳ trung đại	11
I.1.2.a. Thời kỳ tiền trung đại	11
I.1.2.b. Thời kỳ phục hưng	12
I.1.2.c. Thời kỳ hậu phục hưng	12
I.1.3. Thời kỳ cận đại	13
I.1.3.a. Công viên phong cảnh thế kỷ XVIII	13
I.1.3.b. Công viên thành phố thế kỷ XIX	15
I.1.4. Thời kỳ hiện đại	17
I.1.4.a. Công viên văn hoá nghỉ ngơi của Liên Xô (cũ)	17
I.1.4.b. Quan niệm mới về kiến trúc phong cảnh hiện đại	21
I.2. *Vài nét về sự hình thành và phát triển của nghệ thuật kiến trúc phong cảnh Việt Nam*	22
I.2.1. Vườn Việt Nam thời kỳ phong kiến	22

I.2.1.a. Vườn thượng uyển 22
I.2.1.b. Sân - vườn đình, sân - vườn đền, sân - vườn chùa 23
I.2.1.c. Vườn nhà ở dân gian 23
I.2.1.d. Vườn nhà ở thành thị 37
I.2.1.đ. Vườn cảnh của giới thượng lưu nho sĩ 37
I.2.1.e. Vườn lăng 37
I.2.2. Vườn Việt Nam dưới thời Pháp thuộc 43
I.2.3. Vườn Việt Nam từ năm 1954 đến nay 43

Phần II. Cơ sở thiên nhiên ảnh hưởng đến cảnh quan kiến trúc

II.1. Khí hậu 46
II.2. Địa hình 46
II.3. Thực vật là yếu tố cơ bản của bố cục phong cảnh vườn - công viên 48
II.4. Thổ nhưỡng 49
II.5. Danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử là một trong những nơi hình thành và phát triển bố cục kiến trúc phong cảnh 50
II.6. Kiến trúc phong cảnh được hình thành và phát triển trên cơ sở xã hội và tâm lý xã hội (vườn - công viên phục vụ cuộc sống con người) 51
II.6.1. Sự khao khát thiên nhiên 51
II.6.2. Kiến trúc phong cảnh góp phần cải tạo vệ sinh môi trường sống 54

Phần III. Các nguyên tắc của kiến trúc cảnh quan

III.1. Các mối tương quan của các dạng bố cục vườn - công viên 57
III.1.1. Mối tương quan của các dạng theo kích thước 57
III.1.2. Mối tương quan của các dạng theo hình học 57
III.1.3. Mối tương quan theo vị trí của các yếu tố trong không gian vườn - công viên 59
III.1.4. Mối tương quan của các dạng theo sự chiếu sáng 60
III.1.5. Mối tương quan theo "phactua" 60
III.2. Các quy luật của nghệ thuật cảnh quan 60

III.2.1. Quy luật cơ bản 60
III.2.2. Quy luật nhất quán 62
III.2.3. Quy luật tương phản 62
III.2.4. Quy luật cân bằng 62
III.3. Những nguyên tắc của bố cục cây trồng 62
III.3.1. Nguyên tắc sinh thái 63
III.3.2. Nguyên tắc quần lạc 63
III.3.3. Nguyên tắc cùng huyết thống 63
III.3.4. Nguyên tắc cấu tạo ngoài 64
III.3.5. Những nguyên tắc phối kết cây 64
III.4. Những đề nghị về nguyên tắc chủ yếu của bố cục cảnh quan 64
III.4.1. Các nguyên tắc bố cục phong cảnh qua học tập kinh nghiệm nước ngoài có thể áp dụng vào Việt Nam 65
III.4.1.a. Vận dụng nghệ thuật vườn Ai Cập 65
III.4.1.b. Vận dụng nghệ thuật vườn Lưỡng Hà 65
III.4.1.c. Vận dụng nghệ thuật vườn Ấn Độ 65
III.4.1.d. Vận dụng nghệ thuật vườn Trung Quốc 66
III.4.1.đ. Vận dụng nghệ thuật vườn Nhật Bản 66
III.4.1.e. Vận dụng nghệ thuật vườn nhỏ Tây Ban Nha 67
III.4.1.g. Vận dụng nghệ thuật vườn La Mã hay vườn Italia thời Phục Hưng 67
III.4.1.h. Vận dụng nghệ thuật vườn - công viên Pháp 67
III.4.1.i. Vận dụng nghệ thuật vườn Anh 68
III.4.1.k. Vận dụng nghệ thuật vườn - công viên Liên Xô (cũ) 68
III.4.1.l. Vận dụng nghệ thuật vườn - công viên hiện đại ở một số nước khác 68
III.4.2. Các nguyên tắc bố cục phong cảnh vườn - công viên rút ra có chọn lọc từ kinh nghiệm cổ truyền của dân tộc 69
III.4.2.a. Nguyên tắc triệt để tận dụng thiên nhiên 69
III.4.2.b. Nguyên tắc mô phỏng thiên nhiên 71
III.4.2.c. Nguyên tắc kết hợp bố cục hình học và bố cục tự do 71

III.4.2.d. Nguyên tắc vận dụng mối quan hệ giữa cảnh quan nhân tạo và cảnh quan sẵn có trong thiên nhiên 71
III.4.2.đ. Nguyễn tắc chủ đề tư tưởng rõ rệt 72
III.4.2.e. Nguyên tắc có vẻ đẹp tinh khiết 72
III.4.2.g. Nguyên tắc sử dụng dạng hình học đều đặn 72
III.4.2.h. Nguyên tắc thiết thực hay thực dụng 72
III.4.2.i. Nguyên tắc bố cục hình học đối xứng - cao dần theo trục dọc 73
III.4.3. Các nguyên tắc đề xuất mới 73
III.4.3.a. Nguyên tắc trong một bố cục không có chi tiết thừa 73
III.4.3.b. Nguyên tắc có màu sắc cả bốn mùa 73
III.4.3.c. Nguyên tắc hệ thống toàn đô thị 74

Phần IV. Việc vận dụng các nguyên tắc vào thực tế thiết kế

IV.1. Việc vận dụng các nguyên tắc vào bố cục toàn cảnh 75
IV.1.1. Áp dụng các nguyên tắc có chủ đề tư tưởng 75
IV.1.2. Áp dụng nguyên tắc tự do trong bố cục chung 77
IV.1.3. Áp dụng nguyên tắc kết hợp bố cục tự do và bố cục hình học đối xứng 77
IV.1.4. Áp dụng nguyên tắc tính hệ thống trong bố cục toàn cảnh vườn - công viên 78
IV.1.5. Áp dụng nguyên tắc vẻ đẹp tinh khiết 78
IV.2. Việc vận dụng các nguyên tắc vào bố cục tiểu cảnh 78
IV.2.1. Áp dụng nguyên tắc có tính tư tưởng vào bố cục tiểu cảnh 78
IV.2.2. Áp dụng nguyên tắc hệ thống vào tiểu cảnh vườn - công viên 81
IV.2.3. Áp dụng nguyên tắc thực dụng trong bố cục tiểu cảnh 81
IV.2.4. Áp dụng nguyên tắc tự do trong bố cục tiểu cảnh 82
IV.2.5. Áp dụng nguyên tắc bố cục hình học đối xứng trong tiểu cảnh vườn - công viên 84
IV.2.6. Áp dụng nguyên tắc kết hợp bố cục hình học đối xứng và bố cục tự do trong tiểu cảnh vườn - công viên 84

IV.2.7. Áp dụng nguyên tắc vẻ đẹp tinh khiết trong bố cục tiểu cảnh 84

IV.3. Vận dụng các nguyên tắc vào việc biến đổi cảnh quan địa lý thành cảnh quan kiến trúc 84

IV.3.1. Loại 1 : Đồng bằng 87

IV.3.2. Loại 2 : Bờ biển 87

IV.3.3. Loại 3 : Trung du 87

IV.3.4. Loại 4 : Cao nguyên 87

IV.3.5. Loại 5 : Miền núi 87

Các công trình thực nghiệm 91

Tài liệu tham khảo 93





TRÀ HOA VIÊN



